

Số: /BC-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

PHỤ LỤC RÀ SOÁT CÁC CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH SỐ 114/2018/NĐ-CP NGÀY 4 THÁNG 9 NĂM 2018 CỦA CHÍNH PHỦ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Văn bản số 7780/VPCP-NN ngày 23/10/2024 về việc xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2018/NĐ-CP về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế liên quan đến việc xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 4/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

a) Mục đích:

Xem xét, đối chiếu, đánh giá các quy định của văn bản được rà soát với văn bản là căn cứ để rà soát, tình hình thực thi pháp luật nhằm phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

b) Yêu cầu rà soát:

Trong quá trình rà soát phải đánh giá, đối chiếu, so sánh các quy định, phải nắm rõ được mục đích tồn tại và những yêu cầu, nhiệm vụ điều chỉnh cụ thể của từng quy định cụ thể trong các văn bản rà soát. Đối với Nghị định, các quy định cần được xem xét các tồn tại, vướng mắc, các quy định có còn thực sự phù hợp với điều kiện thực tiễn thực thi không.

Báo cáo này sẽ chỉ ra các vấn đề cần cân nhắc trong việc hoàn thiện pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước cũng như quy định đối với đập, hồ chứa thủy lợi, khi Luật Điện lực năm 2024 và Nghị định số 62/2025/NĐ-CP đã quy định một số nội dung đối với đập, hồ chứa thủy điện; đồng thời, sẽ có đề xuất (nếu có)

trong việc hoàn thiện các hệ thống pháp luật khác nhằm tạo ra sự hài hòa trong cả hệ thống pháp luật, góp phần phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

a) Phạm vi rà soát:

- Các văn bản chủ trương, đường lối của Đảng;
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.
- Các điều ước quốc tế liên quan đến lĩnh vực quản lý an toàn đập, hồ chứa nước mà Việt Nam là thành viên.

b) Nội dung rà soát:

Trên cơ sở mục đích và yêu cầu rà soát nêu trên, báo cáo sẽ tập trung rà soát các nội dung sau:

Thứ nhất: Xác định các nội dung có mâu thuẫn, chồng chéo về hình thức và nội dung với các văn bản pháp luật hiện hành, điều ước quốc tế liên quan đến lĩnh vực quản lý an toàn đập, hồ chứa nước mà Việt Nam là thành viên và đề xuất giải quyết bảo đảm sự đồng bộ thống nhất với các quy định pháp luật liên quan. Các nội dung rà soát để sửa đổi phù hợp với thực tiễn thi hành và bảo đảm mục tiêu an toàn công trình, phát huy tối đa các nhiệm vụ của hồ chứa trong điều kiện thời tiết diễn biến bất thường, cực đoan do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay.

Thứ hai: Xác định sự nhất quán, phù hợp của Nghị định trong tình hình mới, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

c) Đối tượng rà soát:

- Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động về an toàn đập, hồ chứa thủy lợi.
- Cơ quan quản lý nhà nước trong vai trò quản lý, điều hành các hoạt động về an toàn đập, hồ chứa thủy lợi.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến Dự thảo Nghị định

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát các nội dung theo Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó, vấn đề về an toàn đập hồ chứa nước, là: Chủ động tích trữ, điều hòa nguồn nước, khai thác, sử dụng hiệu quả đi đôi với bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước; ứng phó hiệu quả với các thảm họa, thiên tai liên quan đến nước, thích ứng biến đổi khí hậu; nâng cao nhận thức về tầm quan trọng bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước trong tình hình mới; hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước; nghiên cứu, phát triển, ứng dụng

khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước.

Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia: (i) Mục tiêu đến năm 2030: “Quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành...” ; (ii) Nhiệm vụ, giải pháp: “3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia:... Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số. Ban hành chính sách khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số;...”.

Chủ trương, đường lối của Đảng nêu trên đã được thể chế quy định tại các nội dung quy trình vận hành, các quy định về quản lý an toàn đập được phân cấp từ trung ương về địa phương, ứng dụng công nghệ chuyển đổi số để xử lý các thủ tục hành chính về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành. Định hướng chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thể hóa tại Luật Tài nguyên nước, trong Dự thảo Nghị định cũng đã quy định đồng bộ bao gồm vận hành hướng tới thời gian thực bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du, hiện đại hóa công trình, cơ sở hạ tầng quản lý vận hành, xã hội hóa trong công tác quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, dịch vụ hỗ trợ ra quyết định.

2. Văn bản quy phạm pháp luật liên quan

Tổng số văn bản quy phạm pháp luật liên quan được rà soát là: 13 Luật, 5 Nghị định của Chính phủ:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017.
- Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023.
- Luật Phòng, chống thiên tai số 21/VBHN-VPQH ngày 02/8/2023.
- Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13 ngày 23/11/2015.
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.
- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024.
- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
- Luật sửa đổi Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
- Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 ngày 20/6/2023.
- Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30/11/2024.
- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024.
- Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015.
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 23/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020.

Các Nghị định của Chính phủ liên quan:

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

- Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật khí tượng thủy văn; Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khí tượng thủy văn.

- Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thủy lợi.

Kết quả rà soát cho thấy Dự thảo đảm bảo tính đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, không có những nội dung quy định khác, mâu thuẫn so với các quy định hiện hành, cụ thể như sau:

Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng: Quy định đối với đập, hồ chứa thủy lợi và loại trừ những nội dung đã quy định tại Luật Điện lực năm 2024 và Nghị định số 62/2025/NĐ-CP (Khoản 5 Điều 67; khoản 10 Điều 68; khoản 9 Điều 69; khoản 2 Điều 72; Điều 74; khoản 7 Điều 75; khoản 6 Điều 76; khoản 5 Điều 77; khoản 8 Điều 78) để đảm bảo không quy định trùng lặp, chồng chéo nội dung.

Về giải thích từ ngữ: Quy định khái niệm “Hệ thống giám sát vận hành” và “Thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn công trình và vùng hạ du đập” thể hiện điểm mới gồm: Nhằm hiểu đúng bản chất, chức năng và để thực thi, phù hợp với quy định Luật Thủy lợi (Tại điểm c, điểm d khoản 1, khoản 4 Điều 18 của Luật Thủy lợi) và Nghị định số 62/2025/NĐ-CP (Điều 45). Trong đó, khái niệm về thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn công trình và vùng hạ du hồ chứa được bổ sung mới.

Các nội dung trước đây quy định không phân biệt hồ chứa thủy lợi, hồ chứa thủy điện, ở Dự thảo Nghị định chỉ quy định đối với đập, hồ chứa thủy lợi, loại trừ các nội dung đã được quy định tại Luật Điện lực và Nghị định 62/2025/NĐ-CP, gồm: Phân loại đập, hồ chứa nước; yêu cầu về thiết kế, thi công xây dựng đập, hồ chứa nước; lưu trữ hồ sơ; kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa nước; quy trình vận hành hồ chứa nước; quan trắc công trình đập, hồ chứa nước; quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng; kiểm tra đập, hồ chứa nước; kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước; bảo trì sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa đập, hồ chứa nước và lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập; phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước; các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước; bảo vệ hồ chứa nước; phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; hệ thống cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa nước.

Dự thảo Nghị định quy định về nội dung quy trình vận hành cập nhật đồng bộ với những quy định mới tại Luật Tài nguyên nước, Luật Khí tượng thủy văn bao gồm dịch vụ cung cấp trực tuyến quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, hỗ trợ ra quyết định, hiện đại hóa hệ thống quản lý vận hành hướng tới vận hành theo thời gian thực. Đồng bộ với các quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành (điểm b khoản 1 Điều 27 của Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; khoản 25 Điều 2, khoản 4 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước năm 2023; khoản 1, 5, 6 Điều 50 của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP; Điều 32 của Nghị định 62/2025/NĐ-CP).

Dự thảo Nghị định quy định các nội dung quản lý nhà nước thực hiện theo thủ tục hành chính được bổ sung phương thức xử lý thực hiện ứng dụng công nghệ chuyên đổi số để xử lý công việc theo tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, đồng bộ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến và phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp: quy trình vận hành hồ chứa nước; kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước; các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước; phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; hệ thống cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa nước.

Dự thảo Nghị định đã rà soát các quy định về bảo trì, sửa chữa nâng cấp công trình, hiện đại hệ thống quản lý vận hành phù hợp với pháp luật về xây dựng, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước (Điều 44 của Luật Thủy lợi; khoản 2 Điều 109 của Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15; điểm b Khoản 2, Điều 84 Luật Tài nguyên nước năm 2023; Điều 1, khoản 3 Điều 8, Điều 14 của Nghị định số 23/2020/NĐ-CP quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; Nghị định số 67/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thủy lợi quy định về nguyên tắc cấp phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện).

Với các quy định về quy định các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (đập, hồ chứa nước) phải có giấy phép tại Luật Thủy lợi và Nghị định số 67/2018/NĐ-CP, số 40/2023/NĐ-CP đã quy định đối với đập, hồ chứa thủy lợi.

Về phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, cứu hộ đập đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung phù hợp với Luật Phòng thủ dân sự, phòng, chống thiên tai. Thẩm quyền phê duyệt bản đồ ngập lụt hạ du hồ chứa phân cấp cho UBND cấp tỉnh tạo tính nhất quán, thống nhất trong chỉ đạo điều hành xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thiên tai, vận hành hồ chứa (theo quy định tại Luật Phòng, chống thiên tai, phương án ứng phó thiên tai được xây dựng ở địa phương, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan, tổ chức khác. Mặt khác, để thống nhất trong chỉ đạo ứng phó thiên tai, tình huống khẩn cấp của đập, hồ chứa cần xem xét rà soát quy định cụ thể theo hướng một công trình chỉ có một phương án).

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo

Tổng số điều ước quốc tế được rà soát liên quan đến Nghị định thay thế mà Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam làm thành viên là: 02 điều ước

quốc tế đa phương, cụ thể:

- Công ước về Luật sử dụng các nguồn nước liên quốc gia cho mục đích phi giao thông thủy (Công ước New York 1997).

- Hiệp định về hợp tác phát triển bền vững lưu vực sông Mê Công (Hiệp định Mê Công 1995).

Đánh giá chung về tính tương thích của Nghị định thay thế với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

Qua rà soát cho thấy các nội dung quy định liên quan đến quản lý an toàn đập, hồ chứa nước quy định trong Dự thảo nghị định thay thế Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước có nội dung phù hợp, không trái với quy định của Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

4. Phụ lục chi tiết: Có 03 phụ chi tiết lục kèm theo.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Phụ lục chi tiết số 1
RÀ SOÁT CÁC CHỦ TRƯỞNG ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC XÂY DỰNG
DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH THAY THỂ NGHỊ ĐỊNH SỐ 114/2018/NĐ-CP NGÀY 4 THÁNG 9 NĂM 2018 CỦA CHÍNH PHỦ

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Cụ thể nội dung liên quan về an toàn đập hồ chứa nước, là: - Chủ động tích trữ, điều hòa nguồn nước, khai thác, sử dụng hiệu quả đi đôi với bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước; ứng phó hiệu quả với các thảm họa, thiên tai liên quan đến nước, thích ứng biến đổi khí hậu. - Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước trong tình hình mới; hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước; nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước.	Dự thảo Nghị định đã quy định các nội dung liên quan đến vận hành hồ chứa và hiện đại hóa đập, hồ chứa nước: Tại khoản 12, 13, 14 Điều 2: “12. Hệ thống giám sát vận hành là hệ thống được thiết lập để theo dõi, thu thập dữ liệu, phân tích và đưa ra cảnh báo tình trạng an toàn và vận hành của công trình, ngập lụt vùng hạ du đập, bao gồm thiết bị để kết nối số liệu quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, tình hình ngập lụt hạ du đập, camera giám sát vận hành công trình, thiết bị liên quan và phân mềm hỗ trợ điều hành đập, hồ chứa nước theo diễn biến thực tế. 13. Thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn công trình và vùng hạ du đập là thiết bị được thiết lập để thực hiện truyền thông tin vận hành của đập, hồ chứa nước gồm điện thoại cố định, di động, vệ tinh; máy tính; máy fax; thiết bị phát thanh; thiết bị truyền hình; thiết bị quan trắc tự động truyền tin; thiết bị chuyên dùng tự động truyền tin; hệ thống thông tin cảnh báo sớm và các thiết bị liên quan kèm theo. 14. Hiện đại hóa đập, hồ chứa nước là việc ứng dụng, trang bị thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại vào công tác xây dựng, quản lý, vận hành công trình.” Tại Điều 11 bổ sung khoản 4: “4. Khi hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng các điều kiện, yêu cầu vận hành hồ chứa, liên hồ chứa theo thời gian thực, tổ chức khai thác đập, hồ chứa thủy lợi tổ chức lập quy trình vận hành hồ chứa theo thời gian thực trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật.” Tại Điều 20 sửa đổi, bổ sung khoản 1:	Đã thể chế đầy đủ các nội dung liên quan đến quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi.	

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	1. Đáp, hồ chứa nước phải được bảo trì, sửa chữa, nâng cấp theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và quy định của pháp luật khác có liên quan; từng bước hiện đại hóa hướng tới vận hành hồ chứa theo thời gian thực.		
Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia: (i) Mục tiêu đến năm 2030: “Quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành...” ; (ii) Nhiệm vụ, giải pháp: “3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia... Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số. Ban hành chính sách khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số;...”	Sửa đổi, bổ sung các nội dung về sử dụng dịch vụ công trực tuyến thực hiện trong các thủ tục hành chính: - Điều 7: Thủ tục: Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công. - Điều 12: Thủ tục: Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi. - Điều 19: Thủ tục: Thẩm định, phê duyệt đề cương, dự toán, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi - Điều 23: Thủ tục: Thẩm định phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi - Điều 24: Thủ tục: Thẩm định, phê duyệt phương án cấm móc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện. - Điều 26: Thủ tục: Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thủy lợi.	Đã thể chế các nội dung liên quan đến quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi.	

Phụ lục chi tiết số 2
RÀ SOÁT CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC XÂY DỰNG
DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH SỐ 114/2018/NĐ-CP NGÀY 4 THÁNG 9 NĂM 2018 CỦA CHÍNH PHỦ

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 1. Nghị định này quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước đối với đập có chiều cao từ 5 m trở lên hoặc hồ chứa nước có dung tích toàn bộ từ 50.000 m³ trở lên và an toàn cho vùng hạ du đập. <i>Các nội dung quy định về an toàn đập hồ, chứa thủy điện gồm phân loại đập, hồ chứa thủy điện, kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa, quy trình vận hành hồ chứa, lưu trữ hồ sơ, quan trắc công trình đập, hồ chứa, quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa, kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy điện, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa công trình và thiết bị, lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, lắp đặt hệ thống cảnh báo vận hành phát điện, vận hành xả lũ, phương án bảo vệ đập, hồ chứa, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình, phạm vi bảo vệ công trình, hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thực hiện theo Luật Điện lực và Nghị định quy định về 23i tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.</i> 2. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động liên quan đến đập, hồ chứa nước trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Nghị định số 62/2025/NĐ-CP: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 1. Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện, bao gồm: Khoản 5 Điều 67; khoản 10 Điều 68; khoản 9 Điều 69; khoản 2 Điều 72; Điều 74; khoản 7 Điều 75; khoản 6 Điều 76; khoản 5 Điều 77; khoản 8 Điều 78. 2. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện lực, sử dụng điện hoặc có các hoạt động khác liên quan đến điện lực tại Việt Nam.	Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với các quy định tại Luật Thủy lợi, cụ thể: Sửa đổi, bổ sung khoản	
Điều 2. Giải thích từ ngữ Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Đập là công trình được xây dựng để dâng nước hoặc cùng các công trình có liên quan tạo hồ chứa nước.	Luật Thủy lợi số 08/2018/QH14: Tại điểm c, điểm d khoản 1, khoản 4 Điều 18 quy định: “c) Đối với tràn xả lũ của đập, hồ chứa nước có	Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với các quy định tại Luật Thủy lợi, cụ thể: Sửa đổi, bổ sung khoản	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
2. Hồ chứa nước là công trình được hình thành bởi đập dâng nước và các công trình có liên quan để tích trữ nước, có nhiệm vụ chính là điều tiết dòng chảy, cắt, giảm lũ, cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt, phát điện và cải thiện môi trường; bao gồm hồ chứa thủy lợi và hồ chứa thủy điện. 3. Công trình có liên quan là công trình xả nước, công trình lấy nước, tuyến năng lượng, công trình đâm bảo giao thông thủy và công trình cho cá đi. 4. Đập, hồ chứa thủy lợi là đập, hồ chứa nước được xây dựng với mục đích chính là cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt kết hợp cắt, giảm lũ. 5. Đập, hồ chứa thủy điện là đập, hồ chứa nước được xây dựng với mục đích chính là phát điện. 6. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi là tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác đập, hồ chứa thủy lợi. 7. Vùng hạ du đập là vùng bị ngập lụt khi hồ xả nước theo quy trình; xả lũ trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập. 8. Tình huống khẩn cấp là trường hợp mưa, lũ vượt tần suất thiết kế; động đất vượt tiêu chuẩn thiết kế trên lưu vực hồ chứa nước hoặc tác động khác gây mất an toàn cho đập. 9. Kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước là hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, đánh giá an toàn của đập, hồ chứa nước và các công trình có liên quan đến hồ chứa nước thông qua đo đạc, quan trắc, thí nghiệm kết hợp với việc tính toán, phân tích. 10. Hệ thống giám sát vận hành là hệ thống được thiết lập để theo dõi, thu thập dữ liệu, phân tích và đưa ra cảnh báo tình trạng an toàn và vận hành của công trình, ngập lụt vùng hạ du đập, bao gồm thiết bị để kết nối số liệu quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, tình hình ngập lụt hạ du đập, camera giám sát vận hành công trình, thiết bị liên	cửa van điều tiết phải lắp đặt hệ thống giám sát vận hành; thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập; thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên lưu vực hồ chứa nước; d) Đối với đập, hồ chứa nước lớn có tràn tự do phải lắp đặt thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập; thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên lưu vực hồ chứa nước.” “4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”.	12 và bổ sung khoản 13, 14 để tháo gỡ các vướng mắc khi triển khai thực hiện, giúp tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác đập, hồ chứa thực hiện đúng, đồng bộ, phát huy hiệu quả khi xây dựng các hệ thống hệ thống giám sát vận hành, hệ thống thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
quan và phần mềm hỗ trợ điều hành đập, hồ chứa nước theo diễn biến thực tế. 11. Thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn công trình và vùng hạ du đập là thiết bị được thiết lập để thực hiện truyền thông tin vận hành của đập, hồ chứa nước gồm điện thoại cố định, di động, vệ tinh; máy tính; máy fax; thiết bị phát thanh; thiết bị truyền hình; thiết bị quan trắc tự động truyền tin; thiết bị chuyển dùng tự động truyền tin; hệ thống thông tin cảnh báo sớm và các thiết bị liên quan kèm theo. 12. Hiện đại hóa đập, hồ chứa nước là việc ứng dụng, trang bị thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại vào công tác xây dựng, quản lý, vận hành công trình.			
Điều 3. Phân loại đập, hồ chứa thủy lợi 1. Đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt thuộc một trong các trường hợp sau: a) Đập có chiều cao từ 100 m trở lên hoặc đập của hồ chứa thủy lợi quy định tại điểm b, điểm c khoản này; b) Hồ chứa thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 1.000.000.000 m³ trở lên; c) Hồ chứa thủy lợi có dung tích từ 500.000.000 m³ đến dưới 1.000.000.000 m³ mà vùng hạ du đập là thành phố, khu công nghiệp, công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia. 2. Đập, hồ chứa thủy lợi lớn thuộc một trong các trường hợp hợp sau: a) Đập có chiều cao từ 15 m đến dưới 100 m hoặc đập của hồ chứa thủy lợi quy định tại điểm c khoản này; b) Đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m và chiều dài đập từ 500 m trở lên hoặc đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m và có lưu lượng tràn xả lũ thiết kế trên 2.000 m³/s; c) Hồ chứa thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 3.000.000 m³ đến dưới 1.000.000.000 m³, trừ hồ chứa quy định tại điểm c khoản 1 Điều này. 3. Đập, hồ chứa thủy lợi vừa thuộc một trong các trường hợp sau:	Nghị định số 62/2025/NĐ-CP: Điều 3. Phân loại đập, hồ chứa thủy điện Công trình thủy điện được phân loại để phục vụ công tác quản lý, vận hành bảo đảm an toàn công trình thủy điện (quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5).	Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với Nghị định 62/2025/NĐ-CP và tên Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể: - Sửa đổi, thay thế toàn bộ cụm từ “hồ chứa nước” tại Điều 3 thành cụm từ “hồ chứa thủy lợi” để chỉ áp dụng phân loại cho các hồ chứa thủy lợi. - Quy định thẩm quyền quyết định danh mục đập, hồ chứa thủy lợi, đối với hồ chứa thủy điện đã được quy định tại Điều 3 Nghị định 62/2025/NĐ-CP; thay thế cụm từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành Bộ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
a) Đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m hoặc đập của hồ chứa <i>thủy lợi</i> quy định tại điểm b khoản này, trừ đập quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; b) Hồ chứa <i>thủy lợi</i> có dung tích toàn bộ từ 500.000 m³ đến dưới 3.000.000 m³. 4. Đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> nhỏ là đập có chiều cao dưới 10 m hoặc hồ chứa nước có dung tích toàn bộ dưới 500.000 m³. 5. Thẩm quyền quyết định danh mục đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> quan trọng đặc biệt, lớn, vừa, nhỏ a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> trên địa bàn, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> quan trọng đặc biệt; b) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định danh mục đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> lớn, vừa, nhỏ mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên; c) <i>Chủ tịch</i> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> trên địa bàn, trừ đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> quy định tại điểm a, điểm b khoản này. Điều 4. Nguyên tắc quản lý an toàn đập, hồ chứa nước 1. Bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước là ưu tiên cao nhất trong đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác đập, hồ chứa nước. 2. Công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa nước phải được thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ đập, hồ chứa nước. 3. Chủ sở hữu đập, hồ chứa nước chịu trách nhiệm về an toàn đập, hồ chứa nước do mình sở hữu. 4. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có trách nhiệm quản lý, khai thác, bảo đảm an toàn, phát huy hiệu quả của công trình. Điều 5. Yêu cầu về thiết kế, thi công xây dựng đập, hồ chứa nước	Luật Điện lực số 61/2024/QH15: Điều 75. Nguyên tắc quản lý an toàn đối với công trình thủy điện 1. Bảo đảm an toàn đập, hồ chứa thủy điện là ưu tiên cao nhất trong đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành công trình thủy điện.	Nông nghiệp và Môi trường.	
Điều 5. Yêu cầu về thiết kế, thi công xây dựng đập, hồ chứa nước	- Luật Điện lực số 61/2024/QH15: Điều 76. An toàn trong giai đoạn xây dựng,	- Sửa đổi từ “nước” thành “thủy lợi” và bổ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
1. Thiết kế, thi công xây dựng mới đập, hồ chứa nước phải tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng, quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định sau: a) Đầu tư xây dựng đập, hồ chứa phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Luật Thủy lợi, Luật Điện lực, Luật Tài nguyên nước. b) Việc bố trí tổng thể và thiết kế kết cấu đập phải tạo thuận lợi cho công tác tổ chức thi công, quản lý vận hành an toàn đập, ứng cứu đập khi xảy ra sự cố và bảo trì, nâng cấp, sửa chữa khi công trình bị hư hỏng; c) <i>Khi chặn dòng phải đảm bảo an toàn cho công trình, khu vực lòng hồ và vùng hạ du đập. Trước khi chặn dòng tích nước, chủ đầu tư phải tổ chức lập kế hoạch chặn dòng thi công vượt lũ cùng với hồ sơ thiết kế làm cơ sở tổ chức phòng chống thiên tai trong quá trình xây dựng công trình; lấy ý kiến các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xây dựng công trình, trình người quyết định đầu tư xem xét, phê duyệt;</i> d) Quy trình vận hành cửa van phải được lập, phê duyệt cùng với hồ sơ thiết kế và bàn giao cho chủ quản lý đập, hồ chứa nước khi bàn giao đưa công trình vào khai thác; quy trình bảo trì cho từng hạng mục công trình phải được lập và phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng. đ) Đối với cửa van của tràn xả lũ vận hành bằng điện phải có ít nhất hai nguồn điện, trong đó có một nguồn bằng máy phát điện dự phòng; e) Bố trí thiết bị quan trắc công trình đập, hồ chứa nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành và quy định của pháp luật có liên quan; g) Đối với đập, hồ chứa nước có cửa van điều tiết lũ phải lắp đặt hệ thống giám sát vận hành; thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập; thiết bị quan trắc	trước khi đưa vào vận hành 1. Quá trình thi công xây dựng công trình thủy điện, chủ đầu tư xây dựng và đơn vị thi công xây dựng phải tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn đập, hồ chứa nước và pháp luật về xây dựng. - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng: Điều 2. Giải thích từ ngữ 13. Bảo trì công trình xây dựng là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác sử dụng. Nội dung bảo trì công trình xây dựng có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình; bổ sung, thay thế hạng mục, thiết bị công trình để việc khai thác sử dụng công trình đảm bảo an toàn nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình. 14. Quy trình bảo trì công trình xây dựng là tài liệu quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình xây dựng.	sung cụm từ “Luật Điện lực” để phù hợp với Luật Điện lực số 61/2024/QH15. - Các sửa đổi, bổ sung khác phù hợp với Nghị định số 06/2021/NĐ-CP	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
khí tượng thủy văn chuyên dùng trên lưu vực hồ chứa nước; h) Đối với đập, hồ chứa nước lớn có tràn tự do phải lắp đặt thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập; thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên lưu vực hồ chứa nước; i) Đối với đập, hồ chứa nước vừa, nhỏ có tràn tự do, khuyến khích áp dụng quy định tại điểm h khoản này; k) Xây dựng cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa nước; l) Đối với đập, hồ chứa nước xây dựng mới trên các sông, suối phải có các hạng mục công trình để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. 2. Đối với đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt, lớn xây dựng mới, ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, chủ đầu tư còn phải thực hiện quy định sau đây: a) Các công trình lấy nước, công trình tháo nước có đáy đặt sâu dưới đỉnh đập phải có chiều cao, chiều rộng thích hợp hoặc phải đặt trong hành lang có chiều cao, chiều rộng thích hợp để kiểm tra, sửa chữa công trình; b) Xây dựng đường quản lý để ứng cứu đập trong tình huống khẩn cấp; xây dựng nhà điều hành phục vụ công tác quản lý, khai thác và trực ban phòng, chống thiên tai tại công trình. 3. Đối với đập, hồ chứa nước vừa và nhỏ xây dựng mới, khuyến khích thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này. 4. Trong quá trình thi công xây dựng mới đập, hồ chứa nước, chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước có trách nhiệm tổ chức lập phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập theo quy định tại Điều 6 Nghị định này, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 7 Nghị định này. 5. Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước có trách nhiệm			

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
lập phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định này, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước khi tích nước và bàn giao cho tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, thủy điện, phòng, chống thiên tai. 6. Đối với các đập, hồ chứa nước sửa chữa, nâng cấp, chủ đầu tư căn cứ quy mô, giải pháp sửa chữa nâng cấp để báo cáo người quyết định đầu tư quyết định việc thực hiện các quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 điều này.			
Điều 6. Nội dung phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công, 1. Tóm tắt đặc điểm, tình hình xây dựng, các mốc tiến độ chặn dòng, vượt lũ, tiến độ thi công của đập, hồ chứa nước và các hạng mục công trình có liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai. 2. Dự kiến tình huống mất an toàn đập, hồ chứa nước, vùng hạ du và giải pháp ứng phó. 3. Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án. 4. Nội dung khác có liên quan.		Giữ nguyên nội dung. Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất	
Điều 7. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công 1. Hồ sơ trình thẩm định Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này. Hồ sơ bao gồm: a) Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập;	- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP: Điều 11. Các mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến 1. Cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo 02 mức độ như sau: a) Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: là dịch vụ bảo đảm cung cấp toàn bộ thông tin về thủ tục hành chính, việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng. Việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công	- Bổ sung cụm từ “<i>hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến</i>” để phù hợp với Nghị định 42/2022/NĐ-CP (quy định cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng). - Bãi bỏ quy định đối với Sở Công thương để phù	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
b) Dự thảo phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập; c) Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật; d) Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; đ) Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có). 2. Nội dung thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập a) Kiểm tra cơ sở pháp lý của hồ sơ trình phê duyệt thẩm định; b) Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy các tài liệu sử dụng lập phương án; c) Nhận xét, đánh giá tính hợp lý của hồ sơ và dự thảo phương án. 3. Trình tự, thủ tục thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định; b) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản. 4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập a) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã;	ích. b) Dịch vụ công trực tuyến một phần: là dịch vụ công trực tuyến không bảo đảm các điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Cơ quan nhà nước ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số tối đa trong quá trình cung cấp và xử lý dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng trừ trường hợp tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ phải hiện diện tại cơ quan nhà nước hoặc cơ quan nhà nước phải đi thăm tra, xác minh tại hiện trường theo quy định của pháp luật. 2. Với các dịch vụ công trực tuyến cho phép tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trên môi trường mạng, cơ quan nhà nước có trách nhiệm: a) Triển khai áp dụng chữ ký số công cộng, chữ ký số chuyên dùng cho các ứng dụng chuyên ngành đáp ứng yêu cầu về chữ ký số trong quá trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến. b) Phát triển, sử dụng các biểu mẫu điện tử tương tác theo quy định. c) Kết nối, khai thác dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan nhà nước khác để tự động điền các thông tin vào biểu mẫu điện tử và cắt giảm thành phần hồ sơ, bảo đảm nguyên tắc tổ chức, cá nhân chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.	hợp với Luật Điện lực, Nghị định 62/2025/NĐ-CP. - Khoản 5: Điểm c chuyển thành điểm b và bổ sung cụm từ “<i>thuộc địa bàn từng tỉnh</i>” để làm rõ trách nhiệm phê duyệt phương án của từng tỉnh.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập thủy lợi; Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 5. Thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập a) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 01 xã; b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh <i>nơi diện tích chiếm đất của hồ chứa và công trình đầu mối lớn nhất</i> phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên sau khi lấy ý kiến <i>thống nhất</i> của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan; <i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i> phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên <i>trên địa bàn tỉnh</i>.			
Điều 8. Kiểm tra công tác nghiệm thu đập, hồ chứa nước Đập, hồ chứa nước phải được kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.	Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021, được sửa đổi tại: Điều 11 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 và Điều 123 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024.	Sửa đổi, bổ sung Điều 8 (bỏ khoản 2, 3, 4, 5) để phù hợp với Điều 11 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 và Điều 123 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024.	
Điều 9. Lưu trữ hồ sơ đập, hồ chứa thủy lợi Việc lập, lưu trữ hồ sơ công trình đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ, xây dựng và các quy định sau: 1. Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> có trách nhiệm tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng trước khi nghiệm thu đưa công trình vào khai thác. 2. Đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> đang khai thác mà chưa có lưu trữ hồ	Nghị định số 62/2025/NĐ-CP: Điều 46. Lưu trữ hồ sơ công trình thủy điện 1. Việc lập, lưu trữ hồ sơ liên quan đến đầu tư, xây dựng, nghiệm thu công trình thủy điện được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ, xây dựng. 2. Việc lưu trữ hồ sơ liên quan đến công tác	Sửa đổi, bổ sung chỉ quy định đối với đập, hồ chứa thủy lợi do đập, hồ chứa thủy điện đã được quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
sơ công trình thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> có trách nhiệm lập và lưu trữ hồ sơ <i>hiện trạng</i> công trình. 3. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ <i>hoàn thành</i> công trình xây dựng và <i>hồ sơ liên quan đến quá trình quản lý, vận hành</i>. 4. Đối với đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> quan trọng đặc biệt, lớn và vừa, phải có hồ sơ lưu trữ bằng bản điện tử và cập nhật vào hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa nước. <i>Đối với đập, hồ chứa thủy lợi nhỏ, khuyến khích áp dụng quy định này.</i> Điều 10. Kế khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy lợi 1. Trách nhiệm kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> a) Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> lập và gửi bản kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày <i>nghịem thu hoàn thành công trình xây dựng</i>. b) Đối với đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> đang khai thác mà chưa kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> có trách nhiệm lập và gửi bản kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. c) Đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> đang khai thác khi điều chỉnh quy mô, mục đích sử dụng; thay đổi chủ sở hữu, chủ quản lý, tổ chức, cá nhân khai thác thì tổ chức, cá nhân khai thác phải điều chỉnh bản kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> và gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có thay đổi. 2. Tờ khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. 3. Trách nhiệm tiếp nhận kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> a) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận kê khai đăng ký an	quản lý an toàn công trình thủy điện, chủ sở hữu và đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm: a) Lưu trữ các hồ sơ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và hồ sơ liên quan đến công tác quản lý, vận hành hồ chứa thủy điện theo quy định của pháp luật về lưu trữ; b) Hình thức lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ và phải có hồ sơ lưu trữ bằng bản điện tử. - Nghị định 62/2025/NĐ-CP: Điều 38. Kế khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy điện 1. Trách nhiệm kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy điện a) Chủ sở hữu công trình thủy điện lập và gửi bản kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy điện đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu đưa vào khai thác; b) Công trình thủy điện đang khai thác khi điều chỉnh quy mô, mục đích sử dụng; thay đổi chủ sở hữu, đơn vị quản lý công trình thủy điện phải điều chỉnh bản kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy điện và gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có thay đổi. 2. Tờ khai đăng ký an toàn công trình, hồ chứa thủy điện theo mẫu tại Phụ lục VII Nghị định này. 3. Sở Công Thương có trách nhiệm tiếp nhận kê khai đăng ký an toàn công trình, hồ chứa thủy điện; tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu về	-Sửa đổi từ “nước” thành “<i>thủy lợi</i>” để quy định đối với hồ chứa thủy lợi, phù hợp với Nghị định 62/2025/NĐ-CP. - Thay cụm từ “nghịem thu đưa vào khai thác” bằng “<i>nghịem thu hoàn thành công trình xây dựng</i>” để phù hợp với quy định tại Điều 4 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
toàn đối với đập, hồ chứa thủy lợi nhỏ trên địa bàn, tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường. b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận kê khai đăng ký an toàn đối với đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt, lớn, vừa trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý. c) Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu về thông số kỹ thuật, thông tin quản lý đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	thông số kỹ thuật, thông tin quản lý đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương. - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP: “b) <i>Giai đoạn thực hiện dự án gồm các công việc: chuẩn bị mặt bằng xây dựng...; nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng; quyết toán hợp đồng xây dựng...các công việc cần thiết khác liên quan đến thực hiện dự án; ...</i>”		
Điều 11. Quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi 1. Quy trình vận hành hồ chứa <i>thủy lợi</i> phải tuân thủ quy định của Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước, pháp luật có liên quan và phù hợp với quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. 2. Nội dung chính của quy trình vận hành hồ chứa <i>thủy lợi</i> a) Cơ sở pháp lý để lập quy trình, nguyên tắc vận hành công trình, thông số kỹ thuật chủ yếu, nhiệm vụ công trình; b) Quy định quy trình vận hành cửa van (nếu có); quy định cụ thể về vận hành hồ chứa <i>thủy lợi</i> trong mùa lũ, mùa kiệt trong trường hợp bình thường và trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, ô nhiễm nguồn nước và trong tình huống khẩn cấp; c) Quy định chế độ quan trắc, cung cấp thông tin về quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo quy định; d) Công tác cảnh báo khi vận hành xả lũ trong trường hợp bình thường và trong tình huống khẩn cấp, cảnh báo khi vận hành phát điện bao gồm: Quy định khoảng thời gian tối thiểu phải thông báo trước khi vận hành mở cửa xả nước đầu tiên; tín hiệu cảnh báo, thời điểm cảnh báo, vị trí cảnh báo; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc phát	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14: Điều 27. Vận hành đập, hồ chứa nước 1. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có trách nhiệm sau đây: a) Vận hành theo đúng quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; b) Căn cứ tin dự báo khí tượng thủy văn, số liệu quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, các thông tin liên quan để dự báo, vận hành hồ chứa <i>theo diễn biến thực tế</i> đáp ứng yêu cầu sử dụng nước và bảo đảm an toàn đập; - Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 Điều 2. Giải thích từ ngữ 25. <i>Vận hành hồ chứa theo thời gian thực</i> là quá trình vận hành điều tiết hồ chứa liên tục, tức thời trên cơ sở tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa, cập nhật thông tin, số liệu và dự báo khí tượng thủy văn theo thời gian thực. Điều 38. Quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa 4. Quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa	- Sửa đổi từ “nước” thành “thủy lợi” để quy định đối với hồ chứa thủy lợi; Bổ sung khoản 3 quy định các nội dung về đầu tư và lập quy trình vận hành hồ chứa theo thời gian thực. Các sửa đổi, bổ sung này không gây chông chéo với các quy định pháp luật và phù hợp với quy định tại Luật Tài nguyên nước, Nghị định số 53/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Tài Nguyên nước. - Các sửa đổi, bổ sung khác để phù hợp thực tiễn thi hành, không chông chéo, mâu thuẫn với pháp luật có liên	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
lệnh, truyền lệnh, thực hiện lệnh vận hành xả lũ; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc phát tin, truyền tin, nhận tin cảnh báo xả lũ; đ) Quy định về vận hành công trình đập bảo xả dòng chảy tối thiểu (nếu có); e) Quy định trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện quy trình vận hành; g) Quy định về tổ chức thực hiện và trường hợp sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành. 3. Trách nhiệm lập và điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi a) Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt, lớn và vừa tổ chức lập quy trình vận hành hồ chứa nước, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước khi tích nước và bàn giao cho tổ chức, cá nhân khai thác, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, phòng, chống thiên tai; đối với hồ nhỏ, Chủ đầu tư tổ chức lập, phê duyệt và bàn giao cho tổ chức, cá nhân khai thác, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, phòng, chống thiên tai. b) Đối với hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt, lớn và vừa đang khai thác mà chưa có quy trình vận hành thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm tổ chức lập quy trình vận hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; đối với hồ chứa thủy lợi nhỏ đang khai thác mà chưa có quy trình vận hành thì tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác phải tổ chức lập và công bố công khai quy trình vận hành. c) Định kỳ 5 năm tổ chức cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt, lớn và vừa có trách nhiệm rà soát quy trình vận hành, báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan có thẩm quyền thẩm định để tổng hợp, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Nếu quy trình vận hành không còn phù hợp thì điều chỉnh quy trình vận hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền	phải được xây dựng, ban hành hướng tới việc vận hành các hồ chứa theo thời gian thực nhằm bảo đảm an toàn cho công trình, hạ du, tối ưu hóa việc sử dụng nguồn nước cho các mục đích sử dụng và lợi ích về kinh tế - xã hội, môi trường do nguồn nước mang lại. Tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành đập, hồ chứa có trách nhiệm nghiên cứu, đầu tư đồng bộ các giải pháp hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng các điều kiện, yêu cầu vận hành hồ chứa, liên hồ chứa theo thời gian thực. - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP Điều 50. Điều kiện vận hành hồ chứa, liên hồ chứa theo thời gian thực 1. Hạ tầng kỹ thuật phục vụ việc vận hành hồ chứa theo thời gian thực phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của pháp luật có liên quan 5. Tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành hồ chứa có trách nhiệm đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo đảm yêu cầu vận hành hồ chứa theo thời gian thực quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều này do mình quản lý hoặc thuê dịch vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa để bảo đảm vận hành hồ chứa linh hoạt, an toàn và tối ưu hóa lợi ích về kinh tế - xã hội, môi trường nhưng phải bảo đảm quy định tại Điều 70 của Luật Tài nguyên nước. 6. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa và các cơ quan, tổ chức có liên quan trên	quan.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<i>phê duyệt.</i> d) Trường hợp chưa đến 5 năm nhưng quy trình vận hành hồ quan trọng đặc biệt, lớn và vừa không còn phù hợp, tổ chức cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. đ) Đối với hồ chứa nhỏ, tổ chức cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm rà soát quy trình vận hành theo định kỳ 5 năm hoặc khi quy trình vận hành không còn phù hợp để điều chỉnh (nếu cần thiết) và công bố công khai theo thẩm quyền. e) Tổ chức, cá nhân tổ chức lập quy trình vận hành có trách nhiệm tổ chức lập đề cương, dự toán, lấy ý kiến cơ quan có thẩm quyền thẩm định quy trình vận hành (đối với hồ quan trọng đặc biệt, lớn và vừa) trước khi phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền (đối với hồ nhỏ) để tổ chức thực hiện; g) Tổ chức, cá nhân tổ chức lập quy trình vận hành có trách nhiệm lựa chọn đơn vị tư vấn có năng lực để thẩm tra kết quả tính toán quy trình vận hành (nếu cần hoặc theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền thẩm định quy trình vận hành). 4. Khi hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng các điều kiện, yêu cầu vận hành hồ chứa, liên hồ chứa theo thời gian thực, tổ chức khai thác đập, hồ chứa thủy lợi tổ chức lập quy trình vận hành hồ chứa theo thời gian thực trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật.	lưu vực sông hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật phục vụ vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực khi các hồ chứa trên lưu vực sông đã có hạ tầng kỹ thuật đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều này và có đủ điều kiện nguồn lực để hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật liên hồ chứa theo quy định tại khoản 2 Điều này. - Nghị định 62/2025/NĐ-CP: Tại Điều 32 của Nghị định 62/2025/NĐ-CP: Việc lập quy trình vận hành hồ chứa thủy điện quy định tuân thủ Luật Điện lực và pháp luật liên quan.		
Điều 12. Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi 1. Hồ sơ trình thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Chuyển đổi số quốc gia: Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;	- Sửa Điều 12 để chỉ quy định cho hồ thủy lợi do hồ thủy điện đã được quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP. - Bổ sung điểm d, khoản	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
bu điện hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ bao gồm: a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quy trình vận hành; b) Dự thảo quy trình vận hành; c) Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật; d) Bản đồ hiện trạng công trình hoặc sơ đồ vị trí đối với công trình đang khai thác. đ) Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; e) Báo cáo thẩm tra kết quả tính toán quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi (nếu có); g) Các tài liệu liên quan khác kèm theo. 2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định quy trình vận hành hồ chứa a) Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. c) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã. 3. Trường hợp cần thiết, cơ quan phê duyệt quy trình vận hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định quy trình vận hành hồ chứa nước. 4. Cơ quan thẩm định lấy ý kiến về dự thảo quy trình vận hành theo quy định sau: a) Đối với quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan thẩm định lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân liên quan và chuyên gia (nếu cần); trình cấp thẩm quyền lấy ý kiến		1: Đối với những công trình xây mới hoặc những công trình còn hồ sơ lưu trữ thì có bản đồ hiện trạng công trình. Với những công trình đang khai thác, không có hồ sơ lưu trữ thì có thể dùng sơ đồ vị trí đối với công trình đang khai thác (giảm bớt kinh phí khi xây dựng bản đồ hiện trạng). - Điểm a, khoản 2: sửa đổi “<i>Tổng cục Thủy lợi</i>” thành “<i>Cục Quản lý và Xây dựng công trình Thủy lợi</i>” để phù hợp với tên gọi hiện hành.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan; b) Đối với dự thảo quy trình vận hành hồ chứa <i>thủy lợi</i> trên địa bàn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã; tổ chức, cá nhân liên quan và chuyên gia (nếu cần); c) <i>Đối với dự thảo quy trình vận hành hồ chứa nước trên địa bàn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã, lấy ý kiến tổ chức, cá nhân liên quan và chuyên gia (nếu cần).</i> 5. Nội dung thẩm định a) Kiểm tra cơ sở pháp lý, sự cần thiết phải lập quy trình vận hành hồ chứa nước và hồ sơ trình thẩm định; b) Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy các tài liệu sử dụng trong tính toán, kết quả tính toán các trường hợp vận hành; c) Nhận xét, đánh giá tính hợp lý, khả thi của dự thảo quy trình vận hành. 6. Trình tự thẩm định a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận xem xét, kiểm tra; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt quy trình vận hành để hoàn chỉnh theo quy định; b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. 7. Thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa <i>thủy lợi</i> a) Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt và hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác, bảo vệ có liên quan đến 02 tỉnh trở lên;			

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
b) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi trên địa bàn được phân cấp quản lý; c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi trên địa bàn, trừ hồ chứa được quy định tại điểm a, điểm b khoản này và khoản 8 Điều này. 8. Đối với hồ chứa thủy lợi nhỏ, tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác phải tổ chức lập quy trình vận hành và công bố công khai. 9. Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa nước a) Khi nhu cầu dùng nước hoặc nguồn nước, quy mô, nhiệm vụ công trình thay đổi hoặc quy trình vận hành không còn phù hợp thì phải điều chỉnh quy trình vận hành; b) Nội dung, trình tự, thủ tục điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thực hiện theo quy định tại Điều 11; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều này. 10. Quy trình vận hành được phê duyệt, công bố công khai theo quy định sau: a) Công bố trên công thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan phê duyệt, cơ quan thẩm định, chủ quản lý và tổ chức, cá nhân khai thác đối với hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt, lớn, vừa; b) Công khai quy trình vận hành tại trụ sở tổ chức khai thác, công trình đầu mối và Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan đối với hồ chứa thủy lợi nhỏ.			
Điều 13. Trách nhiệm thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi 1. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa được cơ quan nhà nước có	- Luật Tài nguyên nước số: 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023; Điều 38. Quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa. - Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng	Các sửa đổi tại Điều này phù hợp với quy định của Luật Thủy lợi, Luật Tài Nguyên nước, gồm: - Sửa đổi từ “tổ chức	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
thẩm quyền phê duyệt và theo quy định tại Điều 27, 28 và 45 Luật Thủy lợi và Điều 38 Luật Tài nguyên nước. 2. Hoạt động vận hành hồ chứa <i>thủy lợi</i> phải được tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước ghi chép vào nhật ký vận hành <i>dưới hình thức bản giấy, bản điện tử hoặc phần mềm chuyên dụng khác do chủ sở hữu đập quyết định, trong đó phải ghi chép thông số, chỉ tiêu quan trắc để giám sát gồm: Mục nước hồ; lưu lượng xả duy trì dòng chảy tối thiểu (nếu có); lưu lượng khai thác cho các mục đích; lưu lượng xả qua tràn; chất lượng nước trong quá trình khai thác (nếu có).</i> 3. Định kỳ 5 năm, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> phải rà soát, đánh giá kết quả thực hiện quy trình vận hành, gửi chủ sở hữu, chủ quản lý đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>. 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo kết quả tổng hợp thực hiện quy trình vận hành hồ chứa <i>thủy lợi</i> trên địa bàn, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường. 5. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa <i>thủy lợi</i> a) Chủ quản lý đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; chỉ đạo việc đảm bảo an toàn, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> thuộc phạm vi quản lý; c) Trưởng <i>Ban chỉ huy phòng thủ dân sự</i> cấp tỉnh có trách	Chính phủ: Phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030": - Luật Phòng thủ dân sự số 18//2023/QH15 Điều 54. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số điều của các luật có liên quan đến phòng thủ dân sự 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đề nghị số 79/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 15/2008/QH12, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 60/2020/QH14 như sau: a) Thay thế cụm từ "Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn" bằng cụm từ "Ban chỉ huy phòng thủ dân sự" tại khoản 11 Điều 3, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 35; b) Thay thế cụm từ "Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai" bằng cụm từ "Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia" tại điểm d khoản 2 Điều 35 và khoản 7 Điều 36. 4. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai tại số 33/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 60/2020/QH14 như sau: i) Thay thế cụm từ "Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai, Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn" bằng cụm từ "Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia" tại điểm c khoản 4 Điều 22, khoản 3 Điều 27; k) Thay thế cụm từ "Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai và Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn" bằng cụm từ "Ban chỉ đạo	thực hiện thành "trách nhiệm thực hiện" để phù hợp với nội dung của Điều này. - Sửa đổi Khoản 1 để chỉ quy định cho hồ thủy lợi do hồ thủy điện đã được quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP. - Tại khoản 2: Thêm cụm từ "dưới hình thức bản giấy, bản điện tử hoặc phần mềm chuyên dụng khác do chủ sở hữu đập quyết định" nhằm đa dạng hình thức ghi nhận ký vận hành phù hợp với cuộc cách mạng công nghệ 4.0 và chương trình chuyển đổi số quốc gia. - Khoản 3: Sửa cụm từ "... chủ sở hữu, chủ quản lý đập, hồ chứa nước" bằng "chủ sở hữu, chủ quản lý đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>" để phù hợp với giải thích từ ngữ tại Điều 2. - Khoản 6 sửa thành khoản 5: + "Trưởng Ban Chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai" được thay thế thành "Trưởng	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
nhiệm tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa, lũ, quyết định phương án điều tiết, ban hành lệnh vận hành hồ chứa và quyết định vận hành xả lũ khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thuỷ lợi trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền và nhiệm vụ được giao; d) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt của tổ chức khai thác đập, hồ chứa thuỷ lợi do bộ quản lý; chỉ đạo việc triển khai các biện pháp ứng phó trong tình huống khẩn cấp, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thuỷ lợi do bộ quản lý; đ) Trưởng Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia có trách nhiệm chỉ đạo công tác phòng, chống lũ, ngập lụt vùng hạ du đập theo thẩm quyền và trách nhiệm được giao; chỉ đạo, hỗ trợ các biện pháp ứng phó với tình huống khẩn cấp trong trường hợp vượt quá khả năng của bộ, ngành, địa phương.	Phòng thủ dân sự quốc gia” tại điểm d khoản 4 Điều 22, khoản 2 Điều 23, điểm b khoản 3 Điều 27, điểm c khoản 2 Điều 29; o) Thay thế cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai” bằng cụm từ “Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” tại điểm c khoản 3 Điều 9, điểm c khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 27, khoản 2, khoản 4 Điều 28, điểm d khoản 2 Điều 30, điểm d khoản 2 Điều 33, điểm c khoản 3 Điều 42;	<i>Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia”; “Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn” được thay thế bằng cụm từ “Ban chỉ huy phòng thủ dân sự” theo Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15.</i> + Bổ sung cụm từ “<i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo Thủ tướng Chính phủ và” để phù hợp với quy định tại Điều 28 Luật Phòng, chống thiên tai</i>	
Điều 14. Quan trắc công trình đập, hồ chứa thuỷ lợi 1. Chủ sở hữu đập, hồ chứa thuỷ lợi có trách nhiệm lắp đặt thiết bị quan trắc công trình đập, hồ chứa thuỷ lợi theo tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định của pháp luật có liên quan. 2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thuỷ lợi a) Quan trắc đập, hồ chứa thuỷ lợi và các công trình có liên quan theo quy định trong hồ sơ thiết kế và tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để theo dõi liên tục tình trạng an toàn, ổn định của công trình; b) Phân tích, đánh giá, xử lý số liệu quan trắc; phát hiện dấu hiệu bất thường để kịp thời xử lý; lưu trữ tài liệu quan trắc theo quy định;			

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
c) Báo cáo chủ quản lý, chủ sở hữu đập, hồ chứa nước kết quả quan trắc.			
Điều 15. Quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng đập, hồ chứa thủy lợi 1. Chủ sở hữu đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> có trách nhiệm bảo đảm kinh phí thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng cho đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>. 2. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> phải thu thập thông tin, <i>tổ chức thực hiện</i> dự báo, quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định của pháp luật có liên quan <i>hoặc thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện, năng lực cung cấp dịch vụ quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn chuyên dùng nhằm hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa theo quy định của Luật Tài nguyên nước</i>. 3. Nội dung quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng a) Đối với đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> có cửa van điều tiết lũ và <i>đập, hồ chứa thủy lợi lớn có tràn tự do</i>, phải quan trắc lượng mưa trên lưu vực, quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả; b) Đối với đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> vừa có tràn tự do, phải quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập, tính toán lưu lượng xả; khuyến khích áp dụng các quy định khác tại điểm b khoản này; c) Đối với đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> nhỏ có tràn tự do, phải quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập và mực nước tại đập tràn. 4. Nội dung dự báo khí tượng thủy văn chuyên dùng <i>Đối với đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt, lớn và vừa có cửa van điều tiết lũ, dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ, tổng lưu lượng xả; đối với đập, hồ chứa thủy lợi nhỏ có cửa van điều tiết lũ khuyến khích áp</i>	- Luật Tài Nguyên nước năm 2023: Điều 70. Dịch vụ về tài nguyên nước bao gồm: a) Dịch vụ hỗ trợ ra quyết định điều hòa, phân phối tài nguyên nước; b) Dịch vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa. - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Tài Nguyên nước Khoản 5 Điều 50: 5. Tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành hồ chứa có trách nhiệm đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo đảm yêu cầu vận hành hồ chứa theo thời gian thực quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều này do mình quản lý hoặc thuê dịch vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa để bảo đảm vận hành hồ chứa linh hoạt, an toàn và tối ưu hóa lợi ích về kinh tế - xã hội, môi trường nhưng phải bảo đảm quy định tại Điều 70 của Luật Tài nguyên nước. - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP điểm b Khoản 2 Điều 5: Quy định về cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn cho cơ quan dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn cấp trung ương và cấp tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước theo quy mô hồ chứa có cửa van điều tiết (từ một trăm triệu mét khối trở lên và dung tích toàn bộ từ ba triệu mét khối đến dưới một trăm triệu mét khối). Hồ chứa thuộc phạm vi điều chỉnh của quy	- Sửa tên Điều 15 để phù hợp với nội dung của điều này. - Sửa đổi khoản 2 để phù hợp với Luật Tài nguyên nước để thực hiện trong trường hợp thuê dịch vụ của tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện, năng lực cung cấp dịch vụ quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng bảo đảm quy định của Luật Tài nguyên nước. Sửa đổi từ “xả” thành cụm từ “qua tràn” tại điểm b và điểm c để phù hợp với tràn tự do và phân biệt với tràn có cửa van. - Điều chỉnh khoản 4 quy định về chế độ quan trắc trong mùa kiệt (1 lần một ngày thay vì 2 lần một ngày) để phù hợp với thực tiễn (trong điều kiện bình thường, mùa kiệt mực nước hồ ít thay đổi; mặt khác đã có quy định, trường hợp hồ phải vận hành chống lũ, tần suất	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<i>dụng quy định này.</i> 5. Chế độ quan trắc a) Đối với đập, hồ chứa thủy lợi có cửa van điều tiết lũ: Quan trắc 1 lần một ngày vào 07 giờ trong mùa kiệt; 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ; trường hợp vận hành chống lũ, tần suất quan trắc, tính toán tối thiểu 01 giờ một lần, quan trắc 01 giờ 4 lần khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ thiết kế. b) Đối với các đập, hồ chứa thủy lợi có tràn tự do: Quan trắc 1 lần một ngày vào 07 giờ trong mùa kiệt; 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ khi mực nước hồ thấp hơn ngưỡng tràn; 01 giờ một lần khi mực nước hồ bằng hoặc cao hơn ngưỡng tràn; 01 giờ 4 lần khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ thiết kế. 6. Chế độ dự báo a) Trong mùa lũ, thực hiện dự báo 01 lần vào 09 giờ. Nội dung dự báo gồm dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ, tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới. b) Trường hợp xuất hiện lũ, thực hiện dự báo lũ về hồ định kỳ 03 giờ 01 lần. Nội dung dự báo gồm dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ, tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới và thời gian xuất hiện đỉnh lũ về hồ. 7. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi phải cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn chuyên dùng và cập nhật lên trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi theo quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn và theo quy định sau: a) Đập, hồ chứa thủy lợi có cửa van điều tiết lũ và đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt, lớn có tràn tự do: Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn cho chủ	trình vận hành liên hồ chứa thực hiện theo quy định của quy trình vận hành liên hồ chứa; Điều 3. Công trình phải quan trắc khí tượng thủy văn 1. Công trình phải quan trắc quy định tại khoản 3 Điều 13 của Luật Khí tượng thủy văn gồm: b) Hồ chứa thủy lợi có cửa van điều tiết lũ và hồ chứa thủy điện có dung tích toàn bộ từ ba triệu m³ (3.000.000 m³) trở lên; hồ chứa thuộc phạm vi điều chỉnh của quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông; - Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/5/2020 Khoản 2 Điều 1: Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau: “Điều 4. Nội dung và vị trí quan trắc khí tượng thủy văn b) Đập, hồ chứa loại quan trọng đặc biệt, loại lớn, loại vừa và quan trắc theo quy định của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. Khoản 3 Điều 1: 3. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau: “Điều 5. Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn Việc cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn quy định tại khoản 5 Điều 13 của Luật Khí tượng thủy văn được thực hiện như sau: 1. Tổng cục Khí tượng Thủy văn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tổ chức thực hiện việc cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn của trạm thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia về hệ thống	quan trắc tối thiểu 01 giờ một lần). - Bổ sung Khoản 5 để làm cơ sở thực hiện. - Khoản 5 chuyển thành Khoản 6: Sửa đổi quy định cung cấp thông tin cho cơ quan (cập nhật tên cơ quan mới) là phù hợp với văn bản pháp luật hiện hành (Luật Phòng thủ dân sự, Nghị định 48/2020/NĐ-CP,...).	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
quản lý đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>; cơ quan quản lý nhà nước về <i>thủy lợi, khí tượng thủy văn, ban chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp nơi có đập, hồ chứa thủy lợi, vùng hạ du đập</i>; Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo phạm vi quản lý của bộ; <i>Cơ quan, đơn vị có liên quan</i>; b) Đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> vừa và nhỏ có trần tự do: Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn cho chủ quản lý đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>, cơ quan quản lý nhà nước về <i>thủy lợi, khí tượng thủy văn</i>, cơ quan phòng chống thiên tai các cấp nơi có đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>, vùng hạ du đập. 8. <i>Hình thức</i> cung cấp thông tin, báo cáo được thực hiện theo một trong các hình thức sau: Gửi trực tiếp, bằng fax, bằng mạng vi tính, qua điện thoại, bằng máy thông tin vô tuyến điện (ICOM), <i>trên trang thông tin điện tử của tổ chức được cung cấp thông tin</i> hoặc các hình thức khác; b) Văn bản gốc phải được gửi đến chủ sở hữu, chủ quản lý đề theo dõi và lưu trữ hồ sơ quản lý. 9. Đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> đang khai thác mà chưa có thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng thì phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng.	đự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia và cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia. 2. Chủ sở hữu, tổ chức quản lý trực tiếp, chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân khai thác công trình quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn như sau: b) Đập, hồ chứa: Trong thời gian không quá 30 phút kể từ thời điểm kết thúc quan trắc, cung cấp toàn bộ thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn về Tổng cục Khí tượng Thủy văn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, cơ quan quản lý tài nguyên môi trường cấp tỉnh nơi có đập, hồ chứa, vùng hạ du đập. Đập, hồ chứa thuộc phạm vi điều chỉnh của quy trình vận hành liên hồ chứa thực hiện theo quy định của quy trình vận hành liên hồ chứa; 6. Tổng cục Khí tượng Thủy văn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, cơ quan quản lý tài nguyên và môi trường cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp và công khai trên trang thông tin điện tử các thông tin về địa chỉ, phương thức, tần số, công thông tin điện tử hoặc phương tiện liên lạc khác để thu nhận thông tin, dữ liệu từ chủ sở hữu, tổ chức quản lý trực tiếp, chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân khai thác công trình quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này và chủ trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng khác.” - Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.	- Khoản 6 chuyển thành khoản 7 bổ sung từ “Hình thức” vào tên khoản để phù hợp với nội dung và bổ sung quy định về cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. - Khoản 7 chuyển thành khoản 8 và sửa đổi nội dung quy định về thời gian do Nghị định 114/2018/NĐ-CP có hiệu lực từ 04/9/2018, đến nay các quy định nêu trên đã quá thời gian quy định phải thực hiện.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 16. Kiểm tra đập, hồ chứa thủy lợi 1. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> phải kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa theo quy định sau: a) Kiểm tra thường xuyên, quan sát trực quan tại hiện trường để nắm bắt kịp thời hiện trạng đập, hồ chứa; b) Trước mùa mưa hàng năm, phải kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa; thực hiện các biện pháp chủ động phòng, chống, xử lý kịp thời các hư hỏng để bảo đảm an toàn đập, hồ chứa; c) Sau mùa mưa hàng năm, phải kiểm tra nhằm phát hiện các hư hỏng; theo dõi diễn biến các hư hỏng của đập, hồ chứa; rút kinh nghiệm công tác phòng, chống thiên tai; đề xuất biện pháp và kế hoạch sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, xuống cấp; d) Ngay sau khi có mưa, lũ lớn trên lưu vực hoặc động đất mạnh tại khu vực công trình phải kiểm tra đánh giá hiện trạng an toàn đập, hồ chứa; đ) Trường hợp phát hiện đập, hồ chứa có hư hỏng đột xuất, phải báo cáo ngay cho chủ sở hữu, chủ quản lý đập, hồ chứa, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đồng thời phải thực hiện ngay biện pháp xử lý để bảo đảm an toàn đập, hồ chứa. 2. Nội dung báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> a) Đối với đập, hồ chứa quan trọng đặc biệt, lớn: Mục nước cao nhất trong hồ; dòng chảy lũ lớn nhất về hồ, thời gian xuất hiện, lưu lượng đỉnh lũ, tổng lượng lũ; kết quả quan trắc đập đã được phân tích, đánh giá và xử lý số liệu; kết quả kiểm tra công trình trước, sau mùa mưa; các hư hỏng của công trình và công tác sửa chữa, khắc phục; b) Đối với đập, hồ chứa vừa, nhỏ: Mục nước cao nhất trong hồ; kết quả kiểm tra công trình trước, sau mùa mưa; các hư hỏng của công trình và công tác sửa chữa, khắc phục.	- Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 Điều 5. Giải thích từ ngữ 27. Mùa lũ là khoảng thời gian liên tục trong một năm thường xuất hiện lũ, được xác định như sau: a) Trên các sông thuộc Bắc Bộ, từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 31 tháng 10; b) Trên các sông từ tỉnh Thanh Hóa đến tỉnh Hà Tĩnh, từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 30 tháng 11; c) Trên các sông từ tỉnh Quảng Bình đến tỉnh Ninh Thuận, từ ngày 01 tháng 9 đến ngày 15 tháng 12; d) Trên các sông thuộc tỉnh Bình Thuận, các tỉnh thuộc Nam Bộ và Tây Nguyên, từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 30 tháng 11.	Nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp pháp luật liên quan và thực tiễn thi hành. Quy định tại Nghị định về thời gian gửi báo cáo định kỳ ở hai thời điểm: “a) Trước ngày 15 tháng 4 hàng năm đối với khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ; b) Trước ngày 15 tháng 8 hàng năm đối với khu vực Nam Trung Bộ.” Thực tế việc tổng hợp theo quy định này sau thời điểm ngày 15/4 thì tiếp tục phải chờ đến ngày 15/8 để tổng hợp vùng còn lại là không phù hợp, cần phải sửa đổi tại Nghị định thay thế theo hướng báo cáo đồng bộ vào một thời điểm, các địa phương có trách nhiệm tổ chức kiểm tra định kỳ theo quy định và cập nhật hiện trạng thời điểm ngày 15/5 hàng năm để báo cáo Bộ tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
3. Thời gian gửi báo cáo định kỳ hiện trạng an toàn đập, hồ chứa <i>thuỷ lợi trước ngày 15 tháng 5 hàng năm</i>. 4. Trách nhiệm báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa <i>thuỷ lợi</i> theo định kỳ hằng năm: a) Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa <i>thuỷ lợi</i> có trách nhiệm gửi báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đập, hồ chứa <i>thuỷ lợi</i> trên địa bàn và Bộ Nông nghiệp và Môi trường; b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ hiện trạng an toàn đập, hồ chứa nước thuộc phạm vi quản lý của bộ. 5. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa <i>thuỷ lợi</i> phải báo cáo ngay Ủy ban nhân dân, <i>Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự</i> các cấp có đập, hồ chứa nước trên địa bàn và các cơ quan liên quan theo quy định khi xảy ra tình huống khẩn cấp.		Tại khoản 5: Sửa tên “Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn” thành “Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự” để phù hợp với Luật Phòng thủ dân sự năm 2023.	
Điều 17. Trách nhiệm kiểm tra và đánh giá an toàn đập, hồ chứa <i>thuỷ lợi</i> trước mùa mưa hàng năm 1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa <i>thuỷ lợi</i>; quyết định phương án tích nước và giải pháp bảo đảm an toàn đối với đập, hồ chứa <i>thuỷ lợi do các đơn vị thuộc</i> Bộ quản lý <i>trực tiếp</i>; 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa <i>thuỷ lợi</i>; quyết định phương án tích nước và giải pháp bảo đảm an toàn đối với đập, hồ chứa <i>thuỷ lợi</i> trên địa bàn tỉnh, các đập, hồ chứa <i>thuỷ lợi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp quản lý</i>; 3. Đối với hồ chứa <i>thuỷ lợi</i> mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên không sử dụng vốn nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi diện tích chiếm đất của hồ chứa và công trình đầu mối lớn nhất tổ chức kiểm tra công tác đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước; tổ	- Luật <i>Thuỷ lợi</i> Điều a khoản 4 Điều 45: 4. Chủ sở hữu đập, hồ chứa nước có trách nhiệm sau đây: a) Tổ chức kiểm tra, kiểm định thường xuyên, đột xuất và định kỳ đối với đập, hồ chứa nước theo quy định của pháp luật; - Khoản 6 Điều 1 Thông tư 03/2022/TT-BNNPTNT 6. Bổ sung Điều 15a vào sau Điều 15 như sau: “Điều 15a. Phân công trách nhiệm trong quản lý công trình <i>thuỷ lợi</i> được phân cấp 1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: a) Tổng hợp, sắp xếp đưa vào danh mục đầu tư sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hoá các công trình đã phân cấp địa phương quản lý trong kế hoạch	Các sửa đổi, bổ sung phù hợp với Luật <i>Thuỷ lợi</i>, Điện lực và thực tiễn thi hành. - Sửa Điều 17 để chỉ quy định đối với đập, hồ chứa <i>thuỷ lợi</i> do đập, hồ chứa <i>thuỷ điện</i> đã được quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP. - Bãi bỏ khoản 2 quy định đối với Bộ Công Thương do đã được quy định tại Luật Điện lực năm 2024.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<i>chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng tổ chức kiểm tra, quyết định phương án tích nước và giải pháp bảo đảm an toàn.</i> 4. Việc đánh giá an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> được thực hiện theo hình thức Hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước. Hội đồng có nhiệm vụ kiểm tra, nghiên cứu, phân tích, đánh giá, tư vấn về mức độ an toàn của đập, hồ chứa nước, phương án tích nước hồ chứa và giải pháp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước. 5. Hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước cấp bộ a) Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định thành lập hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ; b) Thành viên hội đồng gồm chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký, ủy viên phản biện và các ủy viên là đại diện cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi, thủy điện thuộc bộ, địa phương có liên quan, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước và tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho hội đồng. 6. Hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> cấp tỉnh a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, <i>định kỳ hàng năm thực hiện nhiệm vụ đánh giá an toàn đối với đập, hồ chứa thủy lợi có nguy cơ mất an toàn</i>; b) Thành viên hội đồng bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký, ủy viên phản biện và các ủy viên là đại diện cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi cấp tỉnh, đại diện Ủy ban nhân dân cấp <i>xã</i> có đập, hồ chứa nước có liên quan trên địa bàn và tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho hội đồng.	đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác; b) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thủy lợi; tổ chức quan trắc, giám sát, dự báo nguồn nước, chất lượng nước phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, vận hành công trình thủy lợi; c) Tổ chức rà soát, phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ công trình thủy lợi; d) Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện pháp luật về thủy lợi. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: a) Thực hiện trách nhiệm chủ sở hữu đối với công trình thủy lợi được phân cấp theo quy định của pháp luật; b) Chỉ đạo chủ quản lý công trình thủy lợi, đơn vị khai thác công trình thủy lợi của địa phương thực hiện công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi và pháp luật liên quan; c) Bảo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc khi xảy ra sai phạm trong công tác quản lý, khai thác và bảo đảm an toàn công trình.”. - Khoản 5 Điều 45 Luật Thủy lợi: 5. Trước mùa mưa hàng năm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước; quyết định phương án tích nước hồ chứa nước và giải pháp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thuộc phạm vi quản lý.	- Chuyển khoản 3 thành khoản 2, bổ sung quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh đối với việc kiểm tra <i>đối với hồ chứa mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên lên nhà nước</i> .	
Điều 18. Kiểm định an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13:	Phù hợp với văn bản	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
1. Kiểm định lần đầu thực hiện trong năm thứ ba kể từ ngày tích nước đến mực dâng bình thường hoặc trong năm thứ năm kể từ ngày tích nước. 2. Kiểm định định kỳ 10 năm kể từ lần kiểm định gần nhất đối với đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt, lớn và vừa. 3. Kiểm định đột xuất a) Khi phát hiện có hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo an toàn cho đập, hồ chứa nước; b) Khi cần có cơ sở để quyết định kéo dài thời hạn sử dụng của công trình đối với đập, hồ chứa thủy lợi hết tuổi thọ thiết kế hoặc làm cơ sở cho việc sửa chữa, nâng cấp đập, hồ chứa thủy lợi; c) Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này. 4. Thẩm quyền quyết định kiểm định đột xuất a) Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định kiểm định đột xuất đập, hồ chứa thủy lợi do các đơn vị thuộc Bộ quản lý trực tiếp. b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định kiểm định đột xuất đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh, các đập, hồ chứa được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp quản lý, trừ đập, hồ chứa quy định tại điểm a khoản này. c) Đối với hồ chứa mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên không sử dụng vốn nhà nước, chủ sở hữu quyết định kiểm định đột xuất. 5. Nội dung chính kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi a) Đối với đập, hồ chứa quan trọng đặc biệt và lớn: Kiểm tra, phân tích tài liệu quan trắc đập, hồ chứa nước; khảo sát, thăm dò ẩn họa, khuyết tật công trình; kiểm tra tình trạng sạt lở, bồi lắng lòng hồ; kiểm tra khả năng xả lũ của hồ chứa nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành, tài liệu khí tượng thủy văn và thay đổi về lưu vực đã được cập nhật; đánh giá chất lượng và an toàn của	Điều 127 3. Việc khai thác sử dụng công trình xây dựng chỉ được tiếp tục khi đã được khắc phục sự cố hoặc được loại bỏ các nguy cơ gây mất an toàn. Trường hợp công trình hết thời hạn sử dụng, nếu có yêu cầu tiếp tục sử dụng thì chủ sở hữu hoặc chủ sử dụng phải thực hiện kiểm định chất lượng, gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng (nếu có) bảo đảm an toàn, công năng sử dụng của công trình. - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP: Điều 2. Giải thích từ ngữ 9. Kiểm định xây dựng là hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, giá trị, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng thông qua quan trắc, thí nghiệm kết hợp với việc tính toán, phân tích. - Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14: Điều 45. An toàn đập, hồ chứa nước trong quản lý, khai thác 4. Chủ sở hữu đập, hồ chứa nước có trách nhiệm sau đây: a) Tổ chức kiểm tra, kiểm định thường xuyên, đột xuất và định kỳ đối với đập, hồ chứa nước theo quy định của pháp luật; - Luật Điện lực số 61/2024/QH15: Điều 77. An toàn trong giai đoạn quản lý, vận hành 1. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân quản lý, vận	pháp luật và thực tiễn thi hành: Tại Luật Xây dựng quy định chủ sở hữu hoặc chủ sử dụng phải thực hiện kiểm định chất lượng, đánh giá nguyên nhân hư hỏng, không quy định về thời gian định kỳ kiểm định. Việc sửa đổi tại khoản 2, chuyển thời gian kiểm định kỳ từ 5 năm thành 10 năm xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, không có sự mâu thuẫn với các quy định pháp luật liên quan. Sửa đổi Điều 18 chỉ quy định cho hồ chứa thủy lợi là phù hợp, do việc kiểm định hồ chứa thủy điện đã được quy định tại Luật Điện lực năm 2024 và Nghị định 62/2025/NĐ-CP. Bổ sung kiểm định đột xuất đối với hồ chứa không thuộc sơ hữu nhà nước. Quy định này phù hợp với điểm a khoản 4 Điều 45 Luật Thủy lợi. Tại Nghị định 114/2018/NĐ-CP chưa	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
đập, hồ chứa nước; b) Đối với đập, hồ chứa vừa, nhỏ: Khảo sát, thăm dò ẩn họa, khuyết tật công trình; kiểm tra tình trạng sạt lở, bồi lắng lòng hồ chứa nước; kiểm tra khả năng xả lũ của hồ chứa nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành, tài liệu khí tượng thủy văn và các thay đổi về lưu vực đã được cập nhật; đánh giá chất lượng và an toàn của đập, hồ chứa nước. 6. Trách nhiệm kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi a) Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm tổ chức lập đề cương, dự toán và trình chủ quản lý, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy lợi phê duyệt; thực hiện kiểm định theo đề cương được phê duyệt; b) Chủ quản lý đập, hồ chứa thủy lợi thẩm định đề cương, dự toán, kết quả kiểm định, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy lợi phê duyệt; gửi kết quả kiểm định đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	hành công trình thủy điện có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn đập, hồ chứa nước, pháp luật về tài nguyên nước, pháp luật về phòng, chống thiên tai và các quy định sau đây: b) Thực hiện kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy điện; quan trắc công trình đập, hồ chứa thủy điện, bồi lắng lòng hồ; quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng; kiểm định định kỳ hoặc đột xuất công trình; kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện; lập và thực hiện bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa công trình và thiết bị; bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình, vùng hạ du đập, hồ chứa thủy điện; lưu trữ hồ sơ theo quy định; Nghị định số 62/2025/NĐ-CP: Khoản 6. Điều 41: Chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm tổ chức kiểm định, phê duyệt đề cương và kết quả kiểm định theo quy định của pháp luật; báo cáo kết quả kiểm định về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xây dựng đập, hồ chứa thủy điện và Bộ Công Thương.	quy định trách nhiệm tổ chức lập đề cương, dự toán kiểm định, do vậy cần bổ sung vào điểm a khoản 6 để thực hiện. + Thay cụm từ “<i>chủ sở hữu đập, hồ chứa nước</i>” thành “<i>chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy lợi</i>” cho phù hợp với giải thích từ ngữ tại Điều 2.	
Điều 19. Thẩm định, phê duyệt đề cương, dự toán kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc sở hữu nhà nước 1. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt đề cương, dự toán, kết quả kiểm định an toàn đập hồ chứa thủy lợi nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua		Các nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp các quy định pháp luật liên quan và thực tiễn thi hành. Đối với trình tự thủ tục thẩm định, cần bổ sung điểm c để tách nội dung	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<i>dịch vụ công trực tuyến</i> đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ bao gồm: a) Tờ trình đề nghị phê duyệt; b) Đề cương, <i>dự toán</i> kiểm định (trường hợp trình phê duyệt đề cương, dự toán), báo cáo kết quả kiểm định (trường hợp trình phê duyệt kết quả kiểm định); c) Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có). 2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt a) <i>Cục Quản lý và Xây dựng công trình Thủy lợi</i> tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt hoặc trình chủ sở hữu đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> phê duyệt đề cương, <i>dự toán</i>, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> do các đơn vị Bộ <i>Nông nghiệp và Môi trường quản lý trực tiếp</i>; b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt hoặc trình chủ sở hữu đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> phê duyệt đề cương, <i>dự toán</i>, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> trên địa bàn, các hồ chứa <i>thủy lợi</i> được Bộ <i>Nông nghiệp và Môi trường phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý</i>, trừ đập, hồ chứa nước quy định tại điểm a khoản này. 3. Nội dung thẩm định a) Kiểm tra cơ sở pháp lý của hồ sơ; b) Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy các tài liệu sử dụng; c) Nhận xét, đánh giá tính hợp lý của hồ sơ. 4. Trình tự, thủ tục thẩm định a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt đề cương, <i>dự toán</i>, <i>kết quả</i> kiểm định an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định; b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ <i>đề cương</i>,		thẩm định đề cương, dự toán và thẩm định kết quả kiểm định ra độc lập, phù hợp với thực tiễn là thẩm định kết quả kiểm định cần nhiều thời gian hơn thẩm định đề cương, dự toán đảm bảo chất lượng nội dung trình phê duyệt.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<i>dự toán</i>, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản. c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ kết quả kiểm định, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.			
Điều 20. Bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa đập, hồ chứa thủy lợi và lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập 1. Đập, hồ chứa thủy lợi phải được bảo trì, sửa chữa, nâng cấp theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và quy định của pháp luật khác có liên quan; từng bước hiện đại hóa hướng tới vận hành hồ chứa theo thời gian thực. 2. Đập, hồ chứa thủy lợi phải được sửa chữa, nâng cấp để bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du trước mùa mưa hằng năm trong các trường hợp sau: a) Bị hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo an toàn; b) Thiếu khả năng xả lũ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành; c) Có nguy cơ xảy ra hiện tượng sạt lở bờ hồ, lòng hồ chứa nước bị bồi lấp. 3. Đối với đập, hồ chứa thủy lợi có cửa van điều tiết lũ đang khai thác mà chưa có hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi phải tổ chức lắp đặt bổ sung. 4. Đối với đập, hồ chứa thủy lợi lớn có tràn tự do đang khai	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 Điều 20. Nội dung quản lý, khai thác công trình thủy lợi 2. Quản lý công trình bao gồm nội dung chính sau đây: b) Quản lý, tổ chức thực hiện bảo trì, đầu tư nâng cấp, xây dựng mới, hiện đại hóa, xử lý khắc phục sự cố công trình, máy móc, thiết bị; cấm móc chủ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; Điều 22. Trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ quản lý công trình thủy lợi 1. Trách nhiệm của chủ sở hữu công trình thủy lợi được quy định như sau: a) Thực hiện quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; b) Bảo đảm kinh phí bảo trì, đầu tư nâng cấp, xây dựng mới, hiện đại hóa, xử lý khắc phục sự cố, cấm móc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi.	Sửa đổi Điều 20 đề quy định với hồ chứa thủy lợi, phù hợp với Luật Thủy lợi và Luật Điện lực năm 2024. Các sửa đổi cụ thể gồm: Bãi bỏ khoản 7 do đã có quy định tại Điều 30. Đối với các quy định về thời hạn thực hiện tại khoản 3 và khoản 6, qua thời gian thực hiện Nghị định cho thấy thời hạn này khó thực hiện. (Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị định 114/2018/NĐ-CP).	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
thác mà chưa có thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập thì <i>tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi</i> phải <i>tổ chức</i> lắp đặt <i>bổ sung</i>. 5. Khuyến khích lắp đặt thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập đối với đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> vừa, nhỏ có tràn tự do. 6. Đối với đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> đang khai thác chưa có quy trình bảo trì cho từng hạng mục công trình thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> có trách nhiệm tổ chức lắp, phê duyệt quy trình bảo trì sau khi có ý kiến bằng văn bản của chủ quản lý đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>.	- Luật Điện lực số 61/2024/QH15: Điều 77. An toàn trong giai đoạn quản lý, vận hành 1. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn đập, hồ chứa nước, pháp luật về tài nguyên nước, pháp luật về phòng, chống thiên tai và các quy định sau đây: b) Thực hiện kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy điện; quan trắc công trình đập, hồ chứa thủy điện, bồi lắng lòng hồ; quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng; kiểm định định kỳ hoặc đột xuất công trình; kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện; <i>lập và thực hiện bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa công trình và thiết bị</i>; bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình, vùng hạ du đập, hồ chứa thủy điện; lưu trữ hồ sơ theo quy định.		
Điều 21. Phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi 1. Phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> thực hiện theo quy định tại Luật Thủy lợi. 2. Trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>, các hoạt động phải đảm bảo không gây cản trở cho việc vận hành và bảo đảm an toàn công trình; phải có đường quản lý, mặt bằng để bảo trì và xử lý khi công trình xảy ra sự cố và <i>phải tuân thủ quy định của pháp luật về thủy lợi, pháp luật có liên quan</i>.	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 Điều 40. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi 1. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi bao gồm công trình và vùng phụ cận. 2. Trong phạm vi bảo vệ công trình, các hoạt động phải bảo đảm không gây cản trở cho việc vận hành và an toàn công trình; phải có đường quản lý, mặt bằng để bảo trì và xử lý khi công trình xảy ra sự cố. 3. Vùng phụ cận của hồ chứa nước bao gồm vùng phụ cận của đập và vùng phụ cận của lòng hồ chứa nước được quy định như sau: a) Vùng phụ cận của đập có phạm vi được tính từ chân đập trở ra. Đối với đập cấp đặc biệt tối	Các nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp các quy định pháp luật liên quan và thực tiễn thi hành: Tại Điều 40 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 quy định về phạm vi bảo vệ đập công trình thủy lợi bao gồm cả đập, hồ chứa nước. Điểm b khoản 1 Điều 36 của Luật Điện lực quy định về phạm vi bảo vệ công trình thủy điện.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 22. Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi phải có giấy phép 1. Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi phải có phép thực hiện theo quy định tại Luật Thủy lợi. 2. Việc thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi thực hiện theo quy định tại <i>ngụ định hướng dẫn Luật Thủy lợi và quy định pháp luật có liên quan.</i>	thiếu là 300 m; đập cấp I tối thiểu là 200 m; đập cấp II tối thiểu là 100 m; đập cấp III tối thiểu là 50 m; đập cấp IV tối thiểu là 20 m; b) Vùng phụ cận của lòng hồ chứa nước có phạm vi được tính từ đường biên có cao trình bằng cao trình đỉnh đập trở xuống phía lòng hồ. - Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15: Điều 109. 2. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 44 của Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14,.. - Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15: Tại điểm b Khoản 2, Điều 84. Sửa đổi, bổ sung một số luật có liên quan đến tài nguyên nước: Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 44 như sau: “c) Khoan, đào, khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng;”; - Luật Bảo vệ môi trường năm 2020: Khoản 2 quy định: 2. Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 44 và Điều 58 của Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 59/2020/QH14. - Nghị định số 23/2020/NĐ-CP: Quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định về quy hoạch, thăm dò, khai thác; kinh doanh, tập kết, vận chuyển cát, sỏi lòng sông, bao gồm cả cát, sỏi ở lòng hồ, cửa sông (dưới đây gọi chung là cát, sỏi lòng sông) và công tác	Các nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp các quy định pháp luật liên quan và thực tiễn thi hành: Điều chỉnh Điều 22 và bổ sung khoản 3 để bảo đảm thống nhất trong quản lý bảo đảm an toàn công trình và phù hợp với Luật Điện lực năm 2024, Luật Địa chất và Khoáng sản, Luật Tài Nguyên nước, Nghị định số 23 về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông (Khoản 2 Điều 109 Luật Địa chất và Khoáng sản đã bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 44 Luật Thủy lợi).	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, hồ. Điều 8. Nguyên tắc cấp phép thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông ... 3. Trước khi cấp phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa, phòng chống thiên tai, thủy lợi và đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 15 Nghị định này. Điều 14. Yêu cầu chung về bảo vệ lòng, bờ, bãi sông Dự án của tổ chức, cá nhân có các hoạt động quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Nghị định này phải đáp ứng các yêu cầu sau: ... 4. Không gây bồi lắng, xói, lở lòng sông, gây mất ổn định bờ, bãi sông và ảnh hưởng đến chức năng của nguồn nước. 5. Thực hiện các biện pháp phòng, chống ô nhiễm nguồn nước, bảo vệ môi trường, cảnh quan, hệ sinh thái ven sông. - Các Nghị định: Số 67/2018/NĐ-CP, số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thủy lợi quy định về nguyên tắc cấp phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện.		
Điều 23. Bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi 1. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm lập phương án bảo vệ đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>. 2. Phương án bảo vệ đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> bao gồm các nội dung chính sau đây: a) Đặc điểm địa hình, thông số thiết kế, sơ đồ mặt bằng bố		Các nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp các quy định pháp luật liên quan và thực tiễn thi hành: Sửa đổi Điều 23 để tháo gỡ các khó khăn khi lập	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
trí công trình; chỉ giới cấm mọc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước (<i>nếu có</i>); b) Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ đập, hồ chứa nước; c) Chế độ báo cáo, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất; d) Quy định việc giới hạn hoặc cấm các loại phương tiện giao thông có tải trọng lớn lưu thông trong phạm vi bảo vệ công trình; quy định về phòng cháy chữa cháy; bảo vệ an toàn nơi lưu trữ tài liệu, kho tàng cất giữ vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại; đ) Tổ chức lực lượng và phân công trách nhiệm bảo vệ đập, hồ chứa nước; trang thiết bị hỗ trợ công tác bảo vệ; e) Tổ chức kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện ra, vào công trình; g) Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, phá hoại công trình và vùng phụ cận của đập, hồ chứa nước; h) Bảo vệ, xử lý khi đập, hồ chứa nước xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố; i) Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án; k) Trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ quản lý, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước, chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan. 3. Nội dung phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt thực hiện theo khoản 2 Điều này và các nội dung sau: a) Bổ trí lực lượng chuyên trách bảo vệ công trình; tổ chức canh gác bảo vệ tại các vị trí đập, tràn xả lũ và các hạng mục công trình thuộc cụm đầu mối hồ chứa; b) Trang bị phương tiện tuần tra; trang thiết bị công cụ hỗ trợ công tác bảo vệ cho lực lượng tham gia công tác bảo vệ công trình được đăng ký sử dụng và sử dụng		phương án bảo vệ trong trường hợp chưa cấm được mọc chỉ giới phạm vi bảo vệ và bảo vệ đối với hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt. Nội dung thẩm định phương án bảo vệ chưa được quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP. Do vậy, việc bổ sung là cần thiết để thực hiện. Các nội dung bổ sung không gây mâu thuẫn, chồng chéo với quy định pháp luật liên quan.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
đúng mục đích theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; c) Phương án xử lý một số tình huống sự cố công trình, tình huống có tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thủy lợi, bảo vệ an ninh trật tự tại công trình. 4. Thâm định phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi a) Hồ sơ trình thẩm định Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này. Hồ sơ bao gồm: - Tờ trình đề nghị phê duyệt; - Dự thảo phương án bảo vệ; - Ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu có); - Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có). b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định - Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã. c) Nội dung thẩm định - Kiểm tra cơ sở pháp lý của hồ sơ; - Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy các tài liệu sử dụng; - Nhận xét, đánh giá tính hợp lý của hồ sơ và dự thảo phương án. d) Trình tự, thủ tục thẩm định - Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp			

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<i>nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;</i> <i>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.</i> 5. Đáp, hồ chứa thủy lợi phải được cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. <i>Trường hợp mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ chưa được cấm, phải có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, phá hoại công trình.</i> 6. Trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi a) Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước. Kinh phí cấm mốc được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình; b) Đối với đập, hồ chứa thủy lợi đang khai thác mà chưa được cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ hoặc phạm vi bảo vệ không còn phù hợp thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ. Kinh phí cấm mốc được lấy từ nguồn tài chính trong quản lý, khai thác và nguồn hợp pháp khác. 7. Thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi <i>a) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn được phân cấp quản lý;</i> <i>b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác, bảo vệ có liên</i>			

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
quan đến 02 tỉnh trở lên được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp quản lý; phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn (bao gồm phương án bảo vệ các đập, hồ chứa thủy lợi do các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và môi trường quản lý trực tiếp), trừ đập, hồ chứa được quy định tại điểm a khoản này; c) Đối với hồ chứa mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên không sử dụng vốn nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi diện tích chiếm đất của hồ chứa và công trình đầu mối lớn nhất phê duyệt phương án bảo vệ sau khi lấy ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân cùng cấp có liên quan. 8. Việc tổ chức thực hiện phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia thực hiện theo quy định của Nghị định này và pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia. 9. Định kỳ 5 năm tổ chức cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm rà soát phương án bảo vệ, báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan có thẩm quyền thẩm định để tổng hợp, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Nếu phương án bảo vệ không còn phù hợp thì điều chỉnh, bổ sung để trình, phê duyệt theo quy định tại khoản 4, khoản 7 Điều này.			
Điều 24. Cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện 1. Các trường hợp phải cắm mốc chỉ giới a) Đập của hồ chứa thủy điện có dung tích từ 500.000 m³ trở lên; b) Đập có chiều cao từ 15 m trở lên. 2. Xây dựng phương án cắm mốc chỉ giới Chủ đầu tư xây dựng, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm tổ chức xây dựng phương án cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập.	Nghị định số 42/2022/NĐ-CP quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. Điều 11. Các mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến 1. Cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo 02 mức độ như sau: a) Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: là dịch	Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với yêu cầu thực tiễn quản lý và đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
3. Nội dung phương án cấm móc chỉ giới a) Xác định vùng phụ cận bảo vệ đập theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 36 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực; b) Xác định vị trí cấm móc; c) Quy cách móc; d) Quản lý móc. 4. Thâm định phương án cấm móc chỉ giới a) Chủ đầu tư xây dựng, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án. Hồ sơ gồm văn bản đề nghị phê duyệt và phương án cấm móc chỉ giới. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định; b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án có trách nhiệm tổ chức thẩm định; trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm định có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân xã nơi có đập thủy điện, các cơ quan, đơn vị có liên quan; nếu cần thiết tiến hành tổ chức kiểm tra thực địa. c) Trường hợp nội dung phương án cấm móc chỉ giới phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày tổ chức thẩm định, cơ quan thẩm định trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. d) Trường hợp nội dung phương án cấm móc chỉ giới	vụ bảo đảm cung cấp toàn bộ thông tin về thủ tục hành chính, việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng. Việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. b) Dịch vụ công trực tuyến một phần: là dịch vụ công trực tuyến không bảo đảm các điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Cơ quan nhà nước ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số tối đa trong quá trình cung cấp và xử lý dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng trừ trường hợp tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ phải hiện diện tại cơ quan nhà nước hoặc cơ quan nhà nước phải đi thẩm tra, xác minh tại hiện trường theo quy định của pháp luật. 2. Với các dịch vụ công trực tuyến cho phép tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trên môi trường mạng, cơ quan nhà nước có trách nhiệm: a) Triển khai áp dụng chữ ký số công cộng, chữ ký số chuyên dùng cho các ứng dụng chuyên ngành đáp ứng yêu cầu về chữ ký số trong quá trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến. b) Phát triển, sử dụng các biểu mẫu điện tử tương tác theo quy định. c) Kết nối, khai thác dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan nhà nước khác để tự động điền các thông tin vào biểu mẫu điện tử và cắt giảm thành phần hồ sơ, bảo đảm nguyên tắc tổ chức, cá nhân chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành hoặc không phù hợp với đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày tổ chức thẩm định, <i>cơ quan thẩm định</i> có trách nhiệm ban hành văn bản yêu cầu chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện điều chỉnh, bổ sung phương án cấm mốc chỉ giới; đ) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt có trách nhiệm phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập thủy điện trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ trình phê duyệt của cơ quan thẩm định. e) Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định. 5. Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới a) Ủy ban nhân dân cấp xã <i>phê duyệt phương án đối với đập trên địa bàn 01 xã;</i> b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh <i>phê duyệt phương án đối với đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên trên địa bàn tỉnh; trường hợp đập thuộc địa bàn từ 02 tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án trên địa bàn từng tỉnh.</i> 6. Căn cứ phương án cấm mốc chỉ giới đã được phê duyệt, chủ đầu tư xây dựng, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng đập để tổ chức cấm mốc chỉ giới trên thực địa; bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc cấm mốc.	thực hiện dịch vụ công trực tuyến.		
Điều 25. Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thủy lợi 1. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm tổ chức lập, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thủy lợi. 2. Nội dung chính của phương án ứng phó với tình huống	- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH14, số 60/2020/QH14 Điều 22 Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013: 2. Phương án ứng phó thiên tai bao gồm các nội dung chính sau đây: a) Bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai và	Nội dung tại dự thảo Nghị định phù hợp với quy định của Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH14 số 60/2020/QH14. Các nội dung sửa đổi	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thủy lợi a) Kích bản vận hành hồ chứa trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập; b) Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập theo quy định tại Điều 27 Nghị định này; tại các khu vực chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và công bố bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập, chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm tổ chức khảo sát, tính toán để xác định phạm vi vùng hạ du đập bị ảnh hưởng và mức độ ngập lụt vùng hạ du đập khi hồ chứa xả nước theo quy trình, xả lũ trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập phục vụ việc xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; c) Các tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập; dự kiến và kế hoạch ứng phó ở công trình đầu mối; d) Thông kê các đối tượng bị ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng theo các kịch bản; đ) Quy định về chế độ, phương thức thông tin, cảnh báo, báo động đến chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, phòng chống thiên tai và người dân khu vực bị ảnh hưởng; e) Kế hoạch ứng phó phù hợp với từng tình huống lũ, ngập lụt ở vùng hạ du đập; g) Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án; h) Trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ quản lý, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước, chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan. 3. Hàng năm hoặc khi bản đồ ngập lụt được điều chỉnh, bổ sung, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm tổ chức rà soát phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thủy lợi. Trường hợp, sau rà soát không có thay đổi, tổ chức, cá	công trình trọng điểm; b) Sơ tán, bảo vệ người, tài sản, bảo vệ sản xuất; c) Bảo đảm an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc; d) Phối hợp chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; đ) Nguồn nhân lực ứng phó thiên tai; e) Dự trữ vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm. 3. Phương án ứng phó thiên tai được xây dựng ở địa phương, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan, tổ chức khác; phương án ứng phó thiên tai được rà soát, điều chỉnh, bổ sung hằng năm. 4. Trách nhiệm hướng dẫn, xây dựng, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai được quy định như sau: a) Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai; b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án ứng phó thiên tai của cơ quan, đơn vị mình, gửi đến Ủy ban nhân dân địa phương có liên quan trên địa bàn và cơ quan cấp trên để phối hợp chỉ đạo thực hiện; c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án ứng phó	nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc khi thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống thiên tai, ứng phó với tình huống cấp đối với hồ chứa (một hồ chứa chỉ có một phương án để thống nhất chỉ đạo). Bãi bỏ khoản 4 do đã được quy định tại Điều 20.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH <i>nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cho phép được tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt. Trường hợp, sau rà soát có thay đổi cần phải lập phương án điều chỉnh, bổ sung, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi điều chỉnh, bổ sung phương án để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.</i>	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN thiên tai, gửi phương án ứng phó thiên tai đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan, Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai, Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn để phối hợp chỉ đạo thực hiện; d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án ứng phó thiên tai phù hợp với đặc điểm thiên tai của địa phương gửi Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp để phối hợp chỉ đạo thực hiện. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi phương án ứng phó thiên tai về Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn để theo dõi và phối hợp chỉ đạo thực hiện.	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 26. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thủy lợi 1. Hồ sơ thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện <i>hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến</i> đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này. Hồ sơ bao gồm: a) Tờ trình đề nghị phê duyệt; b) Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; c) Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật; d) Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan (<i>nếu có</i>); đ) Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có). 2. Nội dung thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp a) Kiểm tra cơ sở pháp lý của hồ sơ trình phê duyệt thẩm định;		Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với yêu cầu thực tiễn quản lý và đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
b) Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy các tài liệu sử dụng lập phương án; c) Nhận xét, đánh giá tính hợp lý của hồ sơ và dự thảo phương án. 3. Trình tự thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định; b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản. 4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp a) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy lợi <i>thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân xã</i>; b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 5. Thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp a) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 01 xã; b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã			

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
trở lên trên địa bàn tỉnh; trường hợp đập, hồ chứa thủy lợi thuộc địa bàn từ 02 tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền ra lệnh vận hành hồ chứa có trách nhiệm chủ trì phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp sau khi lấy ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.			
Điều 27. Bán đồ ngập lụt vùng hạ du đập 1. Bán đồ ngập lụt là bán đồ thể hiện phạm vi và mức độ ngập của vùng hạ du đập khi hồ xả nước theo quy trình, xả lũ trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập. 2. Căn cứ xây dựng bán đồ ngập lụt vùng hạ du đập a) Đối với hồ chứa nước quan trọng đặc biệt và lớn, bán đồ ngập lụt vùng hạ du đập được xây dựng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành; b) Đối với hồ chứa nước vừa và nhỏ, bán đồ ngập lụt vùng hạ du đập được xây dựng <i>theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành</i> hoặc trên cơ sở điều tra thực địa. 3. Trách nhiệm xây dựng, phê duyệt bán đồ ngập lụt vùng hạ du đập. a) Vùng hạ du đập bị ảnh hưởng ngập lụt của một đập, chủ sở hữu đập <i>tổ chức</i> xây dựng, phê duyệt bán đồ ngập lụt vùng hạ du đập; b) Vùng hạ du đập bị ảnh hưởng ngập lụt của nhiều đập và <i>vùng hạ du đó thuộc</i> địa bàn một tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm <i>tổ chức</i> xây dựng, phê duyệt bán đồ ngập lụt vùng hạ du đập và chuyển giao cho tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa <i>thủy lợi, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện</i> có liên quan xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; c) Vùng hạ du đập bị ảnh hưởng ngập lụt của nhiều đập và <i>vùng hạ du đó thuộc</i> địa bàn 02 tỉnh trở lên, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng.		Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với yêu cầu thực tiễn quản lý và đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập và chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có liên quan xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; <i>d) Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền huy động việc đóng góp kinh phí của các chủ sở hữu đập, hồ chứa nước theo tỷ lệ phần trăm dung tích hồ chứa cho việc xây dựng bản đồ ngập lụt.</i> <i>4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ sở hữu giao cơ quan đơn vị trực thuộc tổ chức xây dựng đề cương, dự toán, bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập, lựa chọn đơn vị tư vấn có năng lực để thẩm tra kết quả tính toán lập bản đồ (nếu cần), giao cơ quan trực thuộc thẩm định hoặc thành lập hội đồng thẩm định để phê duyệt. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt gồm: Tờ trình đề nghị phê duyệt, đề cương, dự toán (trường hợp trình phê duyệt đề cương, dự toán), báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật, bản đồ ngập lụt (trường hợp trình phê duyệt kết quả xây dựng bản đồ ngập lụt), các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).</i> <i>5. Định kỳ 05 năm hoặc nội dung không còn phù hợp, cơ quan đơn vị được giao xây dựng có trách nhiệm rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung bản đồ ngập lụt. Việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung bản đồ ngập lụt phải được phê duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều này.</i>			
Điều 28. Cứu hộ đập, hồ chứa nước 1. Trường hợp xảy ra sự cố có nguy cơ gây mất an toàn đập, hồ chứa nước, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi và chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện phải triển khai cứu hộ khẩn cấp, xử lý khắc phục sự cố, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân, <i>Ban chỉ huy phòng thủ dân sự</i> các cấp, <i>Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự</i> quốc gia để ứng cứu,	- Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 Điều 54. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số điều của các luật có liên quan đến phòng thủ dân sự 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đề điều số 79/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật	Các nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp các quy định pháp luật liên quan và thực tiễn thi hành, không mâu thuẫn, chồng chéo trách nhiệm và quy định thực hiện:	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
hỗ trợ và kịp thời triển khai kế hoạch ứng phó. 2. Ủy ban nhân dân, <i>Ban chỉ huy phòng thủ dân sự</i> các cấp có trách nhiệm: a) Tổ chức việc cứu hộ đập, hồ chứa nước trên địa bàn, tham gia cứu hộ đập, hồ chứa nước cho địa phương khác theo quy định của pháp luật; b) Quyết định theo thẩm quyền biện pháp xử lý khẩn cấp, khác phục hậu quả theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai trong trường hợp xảy ra lũ, ngập lụt do sự cố đập gây thiệt hại cho vùng hạ du đập trên địa bàn. Trường hợp vượt quá khả năng, thẩm quyền phải báo cáo kịp thời với <i>Ban chỉ huy phòng thủ dân sự</i> cấp trên hoặc <i>Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia</i> hỗ trợ, xử lý. 3. <i>Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các biện pháp huy động lực lượng, vật tư, phương tiện cứu hộ đập, hồ chứa nước thuộc phạm vi quản lý.</i> 4. <i>Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia</i> quyết định hoặc báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ quyết định huy động nguồn lực và biện pháp cứu hộ đập, hồ chứa nước, ứng phó đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai; chỉ đạo, tổ chức ứng phó sự cố vỡ đập trong trường hợp vượt quá khả năng của địa phương.	số 15/2008/QH12, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 60/2020/QH14 như sau: a) Thay thế cụm từ “Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn” bằng cụm từ “Ban chỉ huy phòng thủ dân sự” tại khoản 11 Điều 3, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 35; b) Thay thế cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai” bằng cụm từ “Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” tại điểm d khoản 2 Điều 35 và khoản 7 Điều 36. 4. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 60/2020/QH14 như sau: i) Thay thế cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai, Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn” bằng cụm từ “Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” tại điểm c khoản 4 Điều 22, khoản 3 Điều 27; k) Thay thế cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai và Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn” bằng cụm từ “Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” tại điểm d khoản 4 Điều 22, khoản 2 Điều 23, điểm b khoản 3 Điều 27, điểm c khoản 2 Điều 29; o) Thay thế cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai” bằng cụm từ “Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” tại điểm c khoản 3 Điều 9, điểm c khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 27, khoản 2, khoản 4 Điều 28, điểm d khoản 2 Điều 30, điểm đ khoản 2 Điều 33, điểm c khoản 3 Điều 42;	- Thay thế cụm từ “<i>Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn</i>” bằng cụm từ “<i>Ban chỉ huy phòng thủ dân sự</i>” - Thay thế cụm từ “<i>Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai</i>” bằng cụm từ “<i>Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia</i>” Thay thế cụm từ “<i>Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn</i>” bằng cụm từ “<i>Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia</i>”.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 29. Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành đập, hồ chứa thủy lợi 1. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu về vận hành đập, hồ chứa thủy lợi. <i>Cơ sở dữ liệu của môi đập, hồ chứa theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.</i> 2. Cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa thủy lợi phải được tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu của chủ quản lý, chủ sở hữu. 3. Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành đập, hồ chứa thủy lợi để quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác thông tin trên phạm vi toàn quốc được Nhà nước bảo đảm kinh phí vận hành. 4. Các thành phần cơ bản của hệ thống: a) Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin là hệ thống trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số, bao gồm mạng internet, mạng máy tính, thiết bị tính toán (máy chủ, máy trạm), thiết bị kết nối mạng, thiết bị an ninh an toàn, thiết bị ngoại vi và thiết bị phụ trợ; b) Cơ sở dữ liệu vận hành công trình bao gồm các trường thông tin chính: Thông số kỹ thuật chính của công trình; mực nước hồ, mực nước hạ lưu, dung tích hồ; lưu lượng đến, lưu lượng ra khỏi hồ (xả tràn, xả phát điện, xả dòng chảy tối thiểu,...). c) Phần mềm của hệ thống cơ sở dữ liệu. 5. Trách nhiệm xây dựng, quản lý, duy trì, vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành đập, hồ chứa thủy lợi a) Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn; cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành đập, hồ chứa thủy lợi của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	- Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030": 1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025 a) Phát triển Chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động - 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; - 90% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); - 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thông kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; - 100% cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử bao gồm các cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư, Đất đai, Đăng ký doanh nghiệp, Tài chính, Bảo hiểm được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên toàn quốc; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội; - 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;	Các nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp các quy định pháp luật liên quan và thực tiễn thi hành, không mâu thuẫn, chồng chéo trách nhiệm và quy định thực hiện: Khoản 3: Bổ quy định "chậm nhất sau 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành" do Nghị định 114/2018/NĐ-CP có hiệu lực từ 04/9/2018, đến nay các quy định nêu trên đã quá thời gian quy định phải thực hiện. - Khoản 4, 5: Bổ sung quy định việc xây dựng trang thông tin điện tử để quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. - Các nội dung khác tại dự thảo Nghị định phù hợp với yêu cầu thực tiễn quản lý và đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<i>b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các hoạt động quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu; tổ chức điều tra, thu thập, tổng hợp và cập nhật dữ liệu thông tin đập, hồ chứa thủy lợi; hướng dẫn các cơ quan, tổ chức liên quan cung cấp dữ liệu, danh mục dữ liệu để cơ quan nhà nước khai thác, sử dụng; quản lý sử dụng và cung cấp dữ liệu theo cấp độ chia sẻ dữ liệu.</i>	- Việt Nam thuộc nhóm 70 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI).		
Điều 30. Kinh phí thực hiện quản lý an toàn đập, hồ chứa nước <i>1. Kinh phí thực hiện các nội dung quản lý an toàn đập, hồ chứa nước từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, và các nguồn huy động hợp pháp khác.</i> <i>2. Kinh phí thực hiện các nội dung về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi được thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, cụ thể như sau:</i> a) Đối với các nội dung chi quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thuộc nhiệm vụ chi của trung ương được bố trí từ nguồn ngân sách trung ương, <i>nguồn thu khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi</i> và các nguồn huy động hợp pháp khác. b) Đối với các nội dung chi quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thuộc nhiệm vụ chi của địa phương được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương, <i>nguồn thu khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi</i> và các nguồn huy động hợp pháp khác. Đối với các địa phương khó khăn về ngân sách, Thủ tướng Chính phủ xem xét, hỗ trợ từ ngân sách trung ương theo quy định của <u>Luật ngân sách nhà nước</u>, <u>Luật đầu tư công</u>. c) Bộ Nông nghiệp và Môi trường lập kế hoạch vốn đầu tư, dự toán kinh phí sự nghiệp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi <i>do Bộ quản lý</i> được hỗ trợ từ ngân sách trung ương với nội dung chi theo quy định tại Nghị định này, tổng hợp gửi Bộ Tài chính theo quy định của <u>Luật ngân sách nhà nước</u> và <u>Luật đầu tư công</u>. <i>d) Sở Nông nghiệp và Môi trường lập kế hoạch vốn đầu tư, dự toán kinh phí sự nghiệp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước</i>	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 Điều 34. Nguyên tắc và căn cứ định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi 1. Nhà nước định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi. 2. Việc định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và các quy định sau đây: a) Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi bao gồm chi phí quản lý, vận hành, bảo trì, chi phí khấu hao, chi phí thực tế hợp lý khác và lợi nhuận phù hợp với mặt bằng thị trường. Trong từng thời kỳ, căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi phí khấu hao đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;	- Các nội dung sửa đổi, bổ sung để có thể bố trí nhiều nguồn kinh phí khác nhau cho việc thực hiện nội dung về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước phù hợp với Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; - Bãi bỏ khoản 3 do đã được quy định tại Luật Điện lực. - Bãi bỏ khoản 4 do việc xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập là một trong các nội dung về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi. Trách nhiệm bố trí kinh phí đã được quy định ở khoản 2 điều này và điểm c khoản 3 Điều 27.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<i>thủy lợi trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh và ngân sách trung ương với nội dung chi theo quy định tại Nghị định này, tổng hợp gửi Sở Tài chính theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và Luật đầu tư công.</i> 3. Đối với đập, hồ chứa thủy điện và các đập, hồ chứa thủy lợi do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng thì chủ sở hữu có trách nhiệm bảo đảm kinh phí thực hiện các nội dung về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.			
Điều 31. Trách nhiệm của các bộ và cơ quan ngang bộ 1. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch, chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; b) Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; c) Thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; chỉ đạo, hướng dẫn địa phương thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi; d) Tổ chức thực hiện việc kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>; lưu trữ hồ sơ đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>; lập, phê duyệt và thực hiện quy trình vận hành hồ chứa <i>thủy lợi</i>; lắp đặt và quan trắc đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>; lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng; kiểm tra và đánh giá an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>; kiểm định an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>; bảo trì, lập quy trình bảo trì công trình; lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du; cấm móc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>; lập và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ, phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; đ) Tổ chức thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa thủy lợi; <i>tổ chức quan trắc, giám sát về lũ, ngập lụt trên lưu vực, vùng hạ du đập, hồ chứa thủy lợi do Bộ Nông</i>		Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với yêu cầu thực tiễn quản lý và đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<i>ngành và Môi trường quản lý và đập, hồ chứa thủy lợi Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp cho Ủy ban nhân dân các tỉnh quản lý.</i> e) Tổ chức nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ tiên tiến về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; củng cố đơn vị chuyên trách về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người tham gia hoạt động về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; g) Tổ chức thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; h) Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; i) Hướng dẫn kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi; k) Tổng hợp kế hoạch dự toán kinh phí bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi thuộc phạm vi quản lý vào dự toán thu chi ngân sách hàng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi Bộ Tài chính; l) Chủ trì tổng hợp, đề xuất hỗ trợ kinh phí ngân sách trung ương cho các địa phương bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. 2. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa thủy điện bao gồm: a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch, chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện; b) Điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa thủy điện; c) Tổ chức thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về an toàn đập, hồ chứa thủy điện; d) Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện; đ) Thực hiện các trách nhiệm quản lý nhà nước khác về an toàn đối với đập, hồ chứa thủy điện. <i>3. Bộ Tài chính tổng hợp đề xuất của các đơn vị và trên cơ sở khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung</i>			

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<i>trong làm cơ sở để các đơn vị thực hiện quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thuộc nhiệm vụ chỉ của trung ương; kinh phí cứu hộ và xử lý khác phục sự cố đập, hồ chứa thủy lợi; kinh phí thực hiện các quy định khác của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi theo quy định tại Luật ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan.</i> 4. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa nước.			
Điều 32. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1. Hướng dẫn, tuyên truyền phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn. 2. Chịu trách nhiệm về an toàn của đập, hồ chứa nước trên địa bàn. 3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm hành chính về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn. 4. Phân công, phân cấp trách nhiệm của các cơ quan quản lý chuyên ngành và chính quyền các cấp trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa nước do địa phương quản lý. 5. Bố trí kinh phí hàng năm từ nguồn ngân sách địa phương để chỉ cho nhiệm vụ quản lý an toàn đập, hồ chứa nước do địa phương quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan. 6. Cùng có đơn vị chuyên trách về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người tham gia hoạt động về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn. 7. Thực hiện các trách nhiệm quản lý nhà nước khác có liên quan về an toàn đập, hồ chứa nước thuộc phạm vi quản lý.		Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với yêu cầu thực tiễn quản lý và đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất	
Điều 33: Quy định chuyển tiếp 1. Đối với quy trình vận hành hồ chứa nước được phê duyệt trước ngày Quy trình vận hành hồ chứa nước được phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện		Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với yêu cầu thực tiễn quản lý và đảm	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
đến khi phê duyệt lại. <i>2. Đối với kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi Dự thảo đề cương, dự toán và kết quả kiểm định định kỳ an toàn đập, hồ chứa thủy lợi đã trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thi tiếp tục được thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.</i>		bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất	
Điều 34. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày..... 2. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.		Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với yêu cầu thực tiễn quản lý và đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất	
Điều 35. Trách nhiệm thi hành Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.		Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với yêu cầu thực tiễn quản lý và đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất	

Phụ lục chi tiết số 3

RÀ SOÁT CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 114/2018/NĐ-CP NGÀY 4 THÁNG 9 NĂM 2018 CỦA CHÍNH PHỦ

TT	Quy định tại DT Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 114/2018/NĐ-CP	Quy định của điều ước quốc tế có liên quan	Đánh giá (sự phù hợp/ không phù hợp)	Đề xuất xử lý
1	Quy định tại DT Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 114/2018/NĐ-CP Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Nghị định này quy định về quản lý an toàn các đập, hồ chứa nước (đập có chiều cao từ 5 m trở lên hoặc hồ chứa nước có dung tích toàn bộ từ 50.000 m ³ trở lên và an toàn cho vùng hạ du đập)	- Công ước về Luật sử dụng các nguồn nước liên quốc gia cho mục đích phi giao thông thủy: “áp dụng cho việc sử dụng các nguồn nước và nước trong đó có tính liên quốc gia cho các mục đích phi giao thông thủy” (Khoản 1 – Điều 1); “Hệ thống nước mặt và nước ngầm (Điều 2.a). “Nguồn nước quốc tế” là một nguồn nước có các phần nằm trên các quốc gia khác nhau. - Hiệp định về hợp tác phát triển bền vững lưu vực sông Mê Công: “Tài nguyên nước và các tài nguyên liên quan của LVS Mê Công”.	Hồ chứa nước là tài nguyên nước mặt. Do đó phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định phù hợp với các điều ước quốc tế rà soát	Không
2	Điều 4. Nguyên tắc quản lý an toàn đập, hồ chứa nước 1. Bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước là ưu tiên cao nhất trong đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác đập, hồ chứa nước. 2. Công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa nước phải được thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ đập, hồ chứa nước. 3. Chủ sở hữu đập, hồ chứa nước chịu trách nhiệm về an toàn đập, hồ chứa nước do mình sở hữu. 4. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có trách nhiệm quản lý, khai thác, bảo đảm an toàn, phát huy hiệu quả của công trình.	- Công ước về Luật sử dụng các nguồn nước liên quốc gia cho mục đích phi giao thông thủy: gồm các nguyên tắc chính: Tham gia và sử dụng công bằng, hợp lý (Điều 5 Công ước quy định các quốc gia ven nguồn nước, trong lãnh thổ của mình phải sử dụng nguồn nước liên quốc gia một cách công bằng và hợp lý, phát triển bền vững nguồn nước trên cơ sở có xem xét tới lợi ích của các quốc gia có liên quan.); không gây hại đáng kể; hợp tác, trao đổi thông tin, tham vấn và thương lượng, thông báo; bảo vệ hệ sinh thái. - Hiệp định về hợp tác phát triển bền vững lưu vực sông Mê Công: Hiệp định quy định 3 nguyên tắc cơ bản (Điều 3, 4, 5) gồm: (i) Bảo vệ môi trường và cân bằng sinh thái; (ii) bình đẳng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; (iii) sử dụng hợp lý và công bằng (Công ước quy định các quốc gia ven nguồn nước, trong lãnh thổ	Việt Nam nằm ở hạ nguồn các lưu vực sông quốc tế, do đó thường chịu tác động bất lợi của việc khai thác, sử dụng nước của các quốc gia ở thượng nguồn. Các nguyên tắc của Dự thảo Nghị định hoàn toàn phù hợp với các điều ước rà soát.	

TT	Quy định tại DT Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 114/2018/NĐ-CP	Quy định của điều ước quốc tế có liên quan	Đánh giá (sự phù hợp/ không phù hợp)	Đề xuất xử lý
		của mình phải sử dụng nguồn nước liên quốc gia một cách công bằng và hợp lý, phát triển bền vững nguồn nước trên cơ sở có xem xét tới lợi ích của các quốc gia có liên quan..)		
3	Về nguyên tắc hợp tác quốc tế (song phương, đa phương): Dự thảo Nghị định phù hợp Luật Thủy lợi, Luật Phòng chống thiên tai và Luật Tài Nguyên nước, trong đó tuân thủ các quy định về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thủy lợi như: Bảo đảm tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; đáp ứng yêu cầu về hội nhập quốc tế; tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; chủ động hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế trong hoạt động quản lý an toàn đập; mở rộng hợp tác quốc tế chia sẻ kịp thời các thông tin về hoạt động thủy lợi liên quan đến hệ thống sông liên quốc gia; ưu tiên hoạt động hợp tác quốc tế về các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm về các lĩnh vực xây dựng chính sách, tư vấn, quản lý dự án, đầu tư xây dựng, quản lý khai thác công trình thủy lợi nói chung, quản lý an toàn đập nói riêng.	- Công ước về Luật sử dụng các nguồn nước liên quốc gia cho mục đích phi giao thông thủy: Không quy định nghĩa vụ cho các thành viên phải ký các thỏa thuận hoặc chấp nhận (adapt) các thỏa thuận hiện có mà chỉ khuyến khích các thành viên sử dụng Công ước như là cơ sở (baseline) để ký kết thỏa thuận với các nước chung nguồn nước (không bắt buộc). - Hiệp định về hợp tác phát triển bền vững lưu vực sông Mê Công: Hợp tác trong tất cả các lĩnh vực phát triển bền vững, sử dụng, quản lý, bảo vệ TNN và các tài nguyên liên quan của lưu vực Mê Công (Điều 1); thúc đẩy, hỗ trợ, hợp tác, phối hợp trong phát triển mọi tiềm năng vì lợi ích bền vững của tất cả các quốc gia ven sông và ngăn ngừa sử dụng lãng phí nước (Điều 2).	Nội dung Dự thảo Nghị định phù hợp với các điều ước rà soát. Khi xem xét thực hiện các công trình cụ thể cần có quy định cụ thể về cơ chế hợp tác nhằm đạt được lợi ích bền vững của các quốc gia	
4	Về trao đổi, cung cấp thông tin: Dự thảo Nghị định phù hợp Luật Thủy lợi, luật Tài nguyên nước, tuân thủ các quy định về mở rộng hợp tác quốc tế chia sẻ kịp thời các thông tin về hoạt động thủy lợi liên quan đến hệ thống sông liên quốc gia (Điều 7 Luật Thủy lợi); phù hợp quy định trách	- Công ước về Luật sử dụng các nguồn nước liên quốc gia cho mục đích phi giao thông thủy: “Các quốc gia chung nguồn nước phải thường xuyên trao đổi các số liệu và thông tin sẵn có về hiện trạng nguồn nước và cần phải nỗ lực đáp ứng yêu cầu cung cấp số liệu và nếu cần thiết, xử lý số liệu và thông tin nhằm hỗ trợ việc sử dụng của các quốc gia chung nguồn nước khác có yêu cầu.	Đối với các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia ngoài tuân thủ Nghị định phải tuân thủ quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước 2018 và Pháp lệnh bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, các quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 988/QĐ-TTg ngày 09/7/2020 về danh mục bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT, Quyết định số	

TT	Quy định tại DT Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 114/2018/NĐ-CP	Quy định của điều ước quốc tế có liên quan	Đánh giá (sự phù hợp/ không phù hợp)	Đề xuất xử lý
	nhiệm cung cấp thông tin về tài nguyên nước cho tổ chức, cá nhân (Điều 8 – Luật Tài Nguyên nước) và Nhà nước khuyến khích hợp tác trao đổi các thông tin và dữ liệu có liên quan đến nguồn nước liên quốc gia (Điều 77 – Luật Tài Nguyên nước)	Điều 9(2) “Nếu một quốc gia có nguồn nước được một quốc gia có nguồn nước khác yêu cầu cung cấp dữ liệu hoặc thông tin không có sẵn, quốc gia đó sẽ nỗ lực tối đa để đáp ứng yêu cầu nhưng có thể đặt điều kiện đáp ứng là quốc gia yêu cầu phải thanh toán các chi phí hợp lý để thu thập, và nếu thích hợp, xử lý dữ liệu hoặc thông tin đó”. - Hiệp định về hợp tác phát triển bền vững lưu vực sông Mê Công: Thường xuyên thu thập, cập nhật và trao đổi thông tin, số liệu cần thiết nhằm thúc đẩy việc trao đổi thông tin, số liệu giữa các nước thành viên, xây dựng cơ sở dữ liệu, cơ chế, năng lực chia sẻ thông tin theo yêu cầu của các hoạt động hợp tác Mê Công, các quốc gia thành viên, đối tác tác chiến lược và cộng đồng trong lưu vực.	1660/QĐ-TTg ngày 26/10/2020 ban hành danh mục bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực Tài nguyên và môi trường. Các điều ước không quy định quốc gia ven nguồn nước phải cung cấp số liệu và thông tin có nội dung quan trọng về quốc phòng hay an ninh quốc gia. Do vậy, Việt Nam chỉ có trách nhiệm cố gắng tối đa cung cấp các thông tin, số liệu không có sẵn, và không có nghĩa vụ bắt buộc phải cung cấp các thông tin, số liệu thuộc Danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam. Kết luận: Dự thảo Nghị định có nội dung không trái với quy định của Điều ước quốc tế có liên quan.	

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2025

Nghị định

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Nghị định này quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước đối với đập có chiều cao từ 5 m trở lên hoặc hồ chứa nước có dung tích tính toàn bộ từ 50.000 m³ trở lên và an toàn cho vùng hạ du đập. 2. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động liên quan đến đập, hồ chứa nước trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Nghị định này quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước đối với đập có chiều cao từ 5 m trở lên hoặc hồ chứa nước có dung tích toàn bộ từ 50.000 m³ trở lên và an toàn cho vùng hạ du đập. <i>Các nội dung quy định về an toàn đập hồ, chứa thủy điện gồm phân loại đập, hồ chứa thủy điện, kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa, quy trình vận hành hồ chứa, lưu trữ hồ sơ, quan trắc công trình đập, hồ chứa, quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa, kiểm định an toàn đập, hồ chứa, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa công trình và thiết bị, lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, lắp đặt hệ thống cảnh báo vận hành phát điện, vận hành xả lũ, phương án bảo vệ đập, hồ chứa, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình, phạm vi bảo vệ công trình, hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thực hiện theo Luật Điện lực và Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.</i> 2. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động liên quan đến đập, hồ chứa nước trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Bổ sung khoản 1 do một số quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện đã được quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP.
2	Điều 2. Giải thích từ ngữ Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Đập là công trình được xây dựng để dâng nước hoặc cùng các công trình có liên quan tạo hồ chứa nước. 2. Hồ chứa nước là công trình được hình thành bởi đập dâng nước và các công trình có liên quan để tích trữ nước, có nhiệm vụ chính là điều tiết dòng chảy, cát, giảm lũ, cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt, phát điện và cải thiện môi trường; bao gồm hồ chứa thủy lợi và hồ chứa thủy điện.	Điều 2. Giải thích từ ngữ Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Đập là công trình được xây dựng để dâng nước hoặc cùng các công trình có liên quan tạo hồ chứa nước. 2. Hồ chứa nước là công trình được hình thành bởi đập dâng nước và các công trình có liên quan để tích trữ nước, có nhiệm vụ chính là điều tiết dòng chảy, cát, giảm lũ, cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt, phát điện và cải thiện môi trường; bao gồm hồ chứa thủy lợi và hồ chứa thủy điện.	- Khoản 3: Thay đổi cụm từ: “<i>Công trình thông thuyền</i>” thành “<i>công trình đảm bảo giao thông thủy</i>” để thống nhất với nội dung giải thích từ ngữ công trình có liên quan của hồ chứa nước tại điểm d Mục 1.3.4 QCVN 04-

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	3. Công trình có liên quan là công trình xả nước, công trình lấy nước, tuyến năng lượng, công trình thông thuyền và công trình cho cá đi. 4. Đập, hồ chứa thủy lợi là đập, hồ chứa nước được xây dựng với mục đích chính là cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt kết hợp cắt, giảm lũ. 5. Đập, hồ chứa thủy điện là đập, hồ chứa nước được xây dựng với mục đích chính là phát điện. 6. Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy lợi là cơ quan, tổ chức được Nhà nước giao quyền, trách nhiệm đại diện chủ sở hữu đối với đập, hồ chứa nước sử dụng vốn nhà nước; tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng (đập, hồ chứa nước); chủ sở hữu đập, hồ chứa, thủy điện là tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng hoặc được chuyển giao sở hữu đập, hồ chứa nước. 7. Chủ quản lý đập, hồ chứa nước thủy lợi là cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các cấp hoặc tổ chức được Nhà nước giao quyền, trách nhiệm đại diện chủ sở hữu; tổ chức thủy lợi cơ sở; tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước thủy lợi. 8. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước là tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác đập, hồ chứa nước. 9. Vùng hạ du đập là vùng bị ngập lụt khi hồ xả nước theo quy trình; xả lũ trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập. 10. Tình huống khẩn cấp là trường hợp mưa, lũ vượt tần suất thiết kế; động đất vượt tiêu chuẩn thiết kế trên lưu vực hồ chứa nước hoặc tác động khác gây mất an toàn cho đập. 9. Kiểm định an toàn đập, <i>hồ chứa nước</i> là hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, đánh giá an toàn của đập, hồ chứa nước và các công trình có liên quan đến hồ chứa nước thông qua đo đạc, quan trắc, thí nghiệm kết hợp với việc tính toán, phân tích. 10. Hệ thống giám sát vận hành là hệ thống được thiết lập để theo dõi, thu thập dữ liệu, phân tích và đưa ra cảnh báo tình trạng an toàn và vận hành của công trình, ngập lụt vùng hạ du đập, bao gồm thiết bị để kết nối số liệu quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, tình hình ngập lụt hạ du đập, camera giám sát vận hành công trình, thiết bị liên quan và phần mềm hỗ trợ điều hành đập, hồ chứa nước theo diễn biến thực tế. 11. Thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn công trình và vùng hạ du đập là thiết bị được thiết lập để thực hiện truyền thông tin vận hành của đập, hồ chứa nước gồm điện thoại cố định, di động, vệ tinh; máy tính; máy fax; thiết bị phát thanh; thiết bị truyền hình; thiết bị quan trắc tự động truyền tin; thiết bị chuyên dùng tự động truyền tin; hệ thống thông tin cảnh báo sớm và các thiết bị liên quan kèm theo. 12. Hiện đại hóa đập, hồ chứa nước là việc ứng dụng, trang bị thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại vào công tác xây dựng, quản lý, vận hành công trình.	3. Công trình có liên quan là công trình xả nước, công trình lấy nước, tuyến năng lượng, công trình <i>đảm bảo giao thông thủy</i> và công trình cho cá đi. 4. Đập, hồ chứa thủy lợi là đập, hồ chứa nước được xây dựng với mục đích chính là cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt kết hợp cắt, giảm lũ. 5. Đập, hồ chứa thủy điện là đập, hồ chứa nước được xây dựng với mục đích chính là phát điện. 6. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> là tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>. 7. Vùng hạ du đập là vùng bị ngập lụt khi hồ xả nước theo quy trình; xả lũ trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập. 8. Tình huống khẩn cấp là trường hợp mưa, lũ vượt tần suất thiết kế; động đất vượt tiêu chuẩn thiết kế trên lưu vực hồ chứa nước hoặc tác động khác gây mất an toàn cho đập. 9. Kiểm định an toàn đập, <i>hồ chứa nước</i> là hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, đánh giá an toàn của đập, hồ chứa nước và các công trình có liên quan đến hồ chứa nước thông qua đo đạc, quan trắc, thí nghiệm kết hợp với việc tính toán, phân tích. 10. Hệ thống giám sát vận hành là hệ thống được thiết lập để theo dõi, thu thập dữ liệu, phân tích và đưa ra cảnh báo tình trạng an toàn và vận hành của công trình, ngập lụt vùng hạ du đập, bao gồm thiết bị để kết nối số liệu quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, tình hình ngập lụt hạ du đập, camera giám sát vận hành công trình, thiết bị liên quan và phần mềm hỗ trợ điều hành đập, hồ chứa nước theo diễn biến thực tế. 11. Thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn công trình và vùng hạ du đập là thiết bị được thiết lập để thực hiện truyền thông tin vận hành của đập, hồ chứa nước gồm điện thoại cố định, di động, vệ tinh; máy tính; máy fax; thiết bị phát thanh; thiết bị truyền hình; thiết bị quan trắc tự động truyền tin; thiết bị chuyên dùng tự động truyền tin; hệ thống thông tin cảnh báo sớm và các thiết bị liên quan kèm theo. 12. Hiện đại hóa đập, hồ chứa nước là việc ứng dụng, trang bị thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại vào công tác xây dựng, quản lý, vận hành công trình.	05:2022/BNNP-TNT (ý kiến tỉnh Quảng Trị). - Bỏ khoản 6, khoản 7 do đã được quy định tại Điều 2 Luật Thủy lợi (ý kiến tỉnh Sơn La). - Khoản 11 đổi tên thành Khoản 9: Bỏ sung từ “hồ chứa nước” để khái niệm phù hợp với nội hàm của khái niệm. - Khoản 12 đổi tên thành Khoản 10: + Bỏ sung cụm từ “<i>được thiết lập để theo dõi, thu thập dữ liệu, phân tích và đưa ra cảnh báo tình trạng an toàn và vận hành của công trình, ngập lụt vùng hạ du đập</i>” để làm rõ chức năng của hệ thống; + Bỏ sung cụm từ “<i>thiết bị liên quan</i>” do thực tiễn có những thiết bị hỗ trợ việc giám sát vận hành như: Trạm đo mực nước, chuồng cảnh báo mực nước (ý kiến chuyên gia). - Bỏ sung Khoản 13. Thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn đập: Tham khảo Điều 5 Nghị định 66/2021/NĐ-CP (ý kiến Bộ Công thương; Thanh Hóa; Hà Tĩnh; Quảng Ngãi; Kiên Giang đề nghị bỏ sung). - Bỏ sung khoản 14. Khái niệm về hiện đại hóa đập, hồ chứa nước: Để giải thích cho nội dung quy định tại Điều 20; tham khảo Nghị quyết 29-NQ/TW năm 2022 Ban Chấp

TT	Nghị định (2)	Nội dung sửa đổi Nghị định (3)	Thuyết minh (4)
(1)	phần mềm hỗ trợ điều hành đập, hồ chứa nước theo diễn biến thực tế.		hành TW Đảng (“công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội, dựa chủ yếu vào sự phát triển của công nghiệp và dịch vụ trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo.”) và từ điển Tiếng Việt (hiện đại: Có áp dụng những phát minh, những thành tựu mới nhất của khoa học, kỹ thuật). (ý kiến chuyên gia).
3	Điều 3. Phân loại đập, hồ chứa nước 1. Đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt thuộc một trong các trường hợp sau: a) Đập có chiều cao từ 100 m trở lên hoặc đập của hồ chứa nước quy định tại điểm b, điểm c khoản này; b) Hồ chứa nước có dung tích toàn bộ từ 1.000.000.000 m³ trở lên; c) Hồ chứa nước có dung tích từ 500.000.000 m³ đến dưới 1.000.000.000 m³ mà vùng hạ du đập là thành phố, thị xã, khu công nghiệp, công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia. 2. Đập, hồ chứa nước lớn thuộc một trong các trường hợp sau: a) Đập có chiều cao từ 15 m đến dưới 100 m hoặc đập của hồ chứa nước quy định tại điểm c khoản này; b) Đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m và chiều dài đập từ 500 m trở lên hoặc đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m và có lưu lượng tràn xả lũ thiết kế trên 2.000 m³/s; c) Hồ chứa nước có dung tích toàn bộ từ 3.000.000 m³ đến dưới 1.000.000.000 m³, trừ hồ chứa quy định tại điểm c khoản 1 Điều này. 3. Đập, hồ chứa nước vừa thuộc một trong các trường hợp sau:	Điều 3. Phân loại đập, hồ chứa thủy lợi 1. Đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt thuộc một trong các trường hợp sau: a) Đập có chiều cao từ 100 m trở lên hoặc đập của hồ chứa thủy lợi quy định tại điểm b, điểm c khoản này; b) Hồ chứa thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 1.000.000.000 m³ trở lên; c) Hồ chứa thủy lợi có dung tích từ 500.000.000 m³ đến dưới 1.000.000.000 m³ mà vùng hạ du đập là thành phố, khu công nghiệp, công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia. 2. Đập, hồ chứa thủy lợi lớn thuộc một trong các trường hợp sau: a) Đập có chiều cao từ 15 m đến dưới 100 m hoặc đập của hồ chứa thủy lợi quy định tại điểm c khoản này; b) Đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m và chiều dài đập từ 500 m trở lên hoặc đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m và có lưu lượng tràn xả lũ thiết kế trên 2.000 m³/s; c) Hồ chứa thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 3.000.000 m³ đến dưới 1.000.000.000 m³, trừ hồ chứa quy định tại điểm c khoản 1 Điều này. 3. Đập, hồ chứa thủy lợi vừa thuộc một trong các trường hợp sau: a) Đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m hoặc đập của hồ chứa thủy lợi quy định tại điểm b khoản này, trừ đập quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;	Điều chỉnh, bổ sung để chỉ quy định đối với đập, hồ chứa thủy lợi do đập, hồ chứa thủy lợi đã được quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP.

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	a) Đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m hoặc đập của hồ chứa nước quy định tại điểm b khoản này, trừ đập quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; b) Hồ chứa nước có dung tích toàn bộ từ 500.000 m³ đến dưới 3.000.000 m³. 4. Đập, hồ chứa nước nhỏ là đập có chiều cao dưới 10 m hoặc hồ chứa nước có dung tích toàn bộ dưới 500.000 m³. 5. Thẩm quyền quyết định danh mục đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt, lớn, vừa, nhỏ a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đập, hồ chứa nước trên địa bàn, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt; b) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định danh mục đập, hồ chứa thủy lợi lớn, vừa, nhỏ mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên; Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định danh mục đập, hồ chứa thủy điện lớn, vừa, nhỏ được xây dựng trên địa bàn 02 tỉnh trở lên; c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục đập, hồ chứa nước trên địa bàn, trừ đập, hồ chứa nước quy định tại điểm a, điểm b khoản này.	b) Hồ chứa <i>thủy lợi</i> có dung tích toàn bộ từ 500.000 m³ đến dưới 3.000.000 m³. 4. Đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> nhỏ là đập có chiều cao dưới 10 m hoặc hồ chứa nước có dung tích toàn bộ dưới 500.000 m³. 5. Thẩm quyền quyết định danh mục đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> quan trọng đặc biệt, lớn, vừa, nhỏ a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> trên địa bàn, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> quan trọng đặc biệt; b) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định danh mục đập, hồ chứa thủy lợi lớn, vừa, nhỏ mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên; c) <i>Chủ tịch</i> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> trên địa bàn, trừ đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> quy định tại điểm a, điểm b khoản này.	
4	Điều 4. Nguyên tắc quản lý an toàn đập, hồ chứa nước 1. Bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước là ưu tiên cao nhất trong đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác đập, hồ chứa nước. 2. Công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa nước phải được thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ đập, hồ chứa nước. 3. Chủ sở hữu đập, hồ chứa nước chịu trách nhiệm về an toàn đập, hồ chứa nước do mình sở hữu. 4. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có trách nhiệm quản lý, khai thác, bảo đảm an toàn, phát huy hiệu quả của công trình.	Điều 4. Nguyên tắc quản lý an toàn đập, hồ chứa nước 1. Bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước là ưu tiên cao nhất trong đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác đập, hồ chứa nước. 2. Công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa nước phải được thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ đập, hồ chứa nước. 3. Chủ sở hữu đập, hồ chứa nước chịu trách nhiệm về an toàn đập, hồ chứa nước do mình sở hữu. 4. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có trách nhiệm quản lý, khai thác, bảo đảm an toàn, phát huy hiệu quả của công trình.	

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	Điều 5. Yêu cầu về thiết kế, thi công xây dựng đập, hồ chứa nước 1. Thiết kế, thi công xây dựng đập, hồ chứa nước phải tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng, quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định sau: a) Đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Luật Thủy lợi; Luật Điện lực, Luật Tài nguyên nước; b) Việc bố trí tổng thể và thiết kế kết cấu đập phải tạo thuận lợi cho công tác quản lý an toàn đập, ứng cứu đập khi xảy ra sự cố và bảo trì, nâng cấp, sửa chữa khi công trình bị hư hỏng; c) Quy trình vận hành cửa van, quy trình bảo trì cho từng hạng mục công trình phải được lập, phê duyệt cùng với hồ sơ thiết kế và bản giao cho chủ quản lý đập, hồ chứa nước khi bàn giao đưa công trình vào khai thác; d) Đối với cửa van của tràn xả lũ vận hành bằng điện phải có ít nhất hai nguồn điện, trong đó có một nguồn bằng máy phát điện dự phòng; thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên lưu vực hồ chứa nước; e) Đối với đập, hồ chứa nước có cửa van điều tiết lũ phải lắp đặt hệ thống giám sát vận hành; thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập; thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên lưu vực hồ chứa nước; h) Đối với đập, hồ chứa nước vừa, nhỏ có tràn tự do, khuyến khích áp dụng quy định tại điểm g khoản này; i) Xây dựng cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa nước. 2. Đối với đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt, lớn, ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, chủ đầu tư còn phải thực hiện quy định sau đây:	(3) Điều 5. Yêu cầu về thiết kế, thi công xây dựng đập, hồ chứa nước 1. Thiết kế, thi công xây dựng mới đập, hồ chứa nước phải tuân thủ quy định của pháp luật về <i>đầu tư</i>, xây dựng, quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định sau: a) Đầu tư xây dựng đập, hồ chứa phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Luật Thủy lợi, <i>Luật Điện lực, Luật Tài nguyên nước</i>. b) Việc bố trí tổng thể và thiết kế kết cấu đập phải tạo thuận lợi cho công tác <i>tổ chức thi công</i>, quản lý <i>vận hành</i> an toàn đập, ứng cứu đập khi xảy ra sự cố và bảo trì, nâng cấp, sửa chữa khi công trình bị hư hỏng; c) <i>Khi chặn dòng phải đảm bảo an toàn cho công trình, khu vực lòng hồ và vùng hạ du đập. Trước khi chặn dòng tích nước, chủ đầu tư phải tổ chức lập kế hoạch chặn dòng thi công vượt lũ cùng với hồ sơ thiết kế làm cơ sở tổ chức phòng chống thiên tai trong quá trình xây dựng công trình, lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng công trình (đối với công trình xây dựng trên địa bàn 01 xã), lấy ý kiến Ủy ban cấp tỉnh nơi xây dựng công trình (đối với công trình xây dựng trên địa bàn từ 02 xã trở lên trên địa bàn tỉnh), lấy ý kiến các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan (đối với công trình xây dựng trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên), trình người quyết định đầu tư xem xét, phê duyệt;</i> d) Quy trình vận hành cửa van phải được lập, phê duyệt cùng với hồ sơ thiết kế và bản giao cho chủ quản lý đập, hồ chứa nước khi bàn giao đưa công trình vào khai thác; <i>quy trình bảo trì cho từng hạng mục công trình phải được lập và phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.</i> đ) Đối với cửa van của tràn xả lũ vận hành bằng điện phải có ít nhất hai nguồn điện, trong đó có một nguồn bằng máy phát điện dự phòng; e) Bố trí thiết bị quan trắc công trình đập, hồ chứa nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành và quy định của pháp luật có liên quan; g) Đối với đập, hồ chứa nước có cửa van điều tiết lũ phải lắp đặt hệ thống giám sát vận hành; thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập; thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên lưu vực hồ chứa nước;	(4) - Sửa khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 để quy định bắt buộc phải thực hiện đối với đập, hồ chứa nước được xây dựng mới; bổ sung khoản 6 để quy định đối với đập, hồ chứa nước được sửa chữa nâng cấp: Để phù hợp với thực tiễn (nhiều công trình sửa chữa nâng cấp không phải thực hiện các quy định yêu cầu về thiết kế, thi công nêu tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 của Nghị định số 114/2018/NĐ-CP). - Điểm a khoản 1: Bổ sung cụm từ “<i>đầu tư xây dựng đập, hồ chứa thủy điện phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Luật Thủy lợi, Luật Điện lực, Luật Tài nguyên nước</i>” do đập, hồ chứa nước gồm đập, hồ chứa thủy lợi và đập, hồ chứa thủy điện, Luật Điện lực năm 2024 quy định nhiều nội dung về an toàn đập, hồ chứa thủy điện, Luật Tài nguyên nước năm 2023 gồm nhiều quy định liên quan. - Bổ sung quy định về chặn dòng, trong đó có chặn dòng tích nước để đảm bảo việc thực hiện trong thực tế, đảm bảo an toàn cho tài sản, tính mạng của người dân (ở khu vực lòng hồ, hạ du).

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	a) Các công trình lấy nước, công trình tháo nước có đáy đặt sâu dưới đỉnh đập phải có chiều cao, chiều rộng thích hợp để kiểm tra, sửa chữa công trình; b) Xây dựng đường quản lý để ứng cứu đập trong tình huống khẩn cấp; xây dựng nhà điều hành phục vụ công tác quản lý, khai thác và trực ban phòng, chống thiên tai tại công trình. 3. Đối với đập, hồ chứa nước vừa và nhỏ, khuyến khích thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này. 4. Trong quá trình thi công, chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước có trách nhiệm: a) Lập phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập theo quy định tại Điều 6 Nghị định này, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 7 Nghị định này; b) Tổ chức lập, phê duyệt và thực hiện phương án ứng phó thiên tai theo quy định tại Điều 22 Luật phòng, chống thiên tai. 5. Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước có trách nhiệm lập phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định này, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước khi tích nước và bàn giao quản lý nhà chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước, cơ quan quản lý nước về thủy lợi, thủy điện, phòng, chống thiên tai.	h) Đối với đập, hồ chứa nước lớn có tràn tự do phải lắp đặt thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập; thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên lưu vực hồ chứa nước; i) Đối với đập, hồ chứa nước vừa, nhỏ có tràn tự do, khuyến khích áp dụng quy định tại điểm h khoản này; k) Xây dựng cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa nước; l) Đối với đập, hồ chứa nước xây dựng mới trên các sông, suối phải có các hạng mục công trình để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. 2. Đối với đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt, lớn xây dựng mới, ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, chủ đầu tư còn phải thực hiện quy định sau đây: a) Các công trình lấy nước, công trình tháo nước có đáy đặt sâu dưới đỉnh đập phải có chiều cao, chiều rộng thích hợp hoặc phải đặt trong hành lang có chiều cao, chiều rộng thích hợp để kiểm tra, sửa chữa công trình; b) Xây dựng đường quản lý để ứng cứu đập trong tình huống khẩn cấp; xây dựng nhà điều hành phục vụ công tác quản lý, khai thác và trực ban phòng, chống thiên tai tại công trình. 3. Đối với đập, hồ chứa nước vừa và nhỏ xây dựng mới, khuyến khích thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này. 4. Trong quá trình thi công xây dựng mới đập, hồ chứa nước, chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước có trách nhiệm tổ chức lập phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập theo quy định tại Điều 6 Nghị định này, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 7 Nghị định này. 5. Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước có trách nhiệm lập phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định này, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước khi tích nước và bàn giao cho tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, thủy điện, phòng, chống thiên tai. 6. Đối với các đập, hồ chứa nước sửa chữa, nâng cấp, chủ đầu tư cần chú ý mô, giải pháp sửa chữa nâng cấp để bảo cáo người quyết định đầu tư quyết định việc thực hiện các quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 điều này.	- Điểm d (sửa từ điểm c) khoản 1: Điều chỉnh quy định về quy trình bảo trì do đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. - Bổ sung điểm 1 khoản 1: Phù hợp khoản 1 điều 24, Luật Tài nguyên nước. - Điểm a khoản 2 bổ sung cụm từ “<i>hoặc phải đặt trong hành lang có chiều cao, chiều rộng thích hợp</i>” do thực tế nhiều công lấy nước được đặt trong hành lang kiểm tra. - Bổ điểm b khoản 4 vì Điều 25 không còn quy định phương án ứng phó thiên tai.

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
6	Điều 6. Nội dung phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công 1. Tóm tắt đặc điểm, tình hình xây dựng, các mốc tiến độ chặn dòng, vượt lũ, tiến độ thi công của đập, hồ chứa nước và các hạng mục công trình có liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai. 2. Dự kiến tình huống mất an toàn đập, hồ chứa nước, vùng hạ du và giải pháp ứng phó. 3. Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án.	Điều 6. Nội dung phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công 1. Tóm tắt đặc điểm, tình hình xây dựng, các mốc tiến độ chặn dòng, vượt lũ, tiến độ thi công của đập, hồ chứa nước và các hạng mục công trình có liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai. 2. Dự kiến tình huống mất an toàn đập, hồ chứa nước, vùng hạ du và giải pháp ứng phó. 3. Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án. 4. <i>Nội dung khác có liên quan.</i> 5. <i>Phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.</i>	Bổ sung khoản 4 “Nội dung khác có liên quan” để làm cơ sở thực hiện đầy đủ.
7	Điều 7. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công Hồ sơ trình thẩm định Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập nộp 01 bộ hồ sơ 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện <i>hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến</i> đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này. Hồ sơ bao gồm: a) Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập; b) Dự thảo phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập; c) Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật; d) Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; đ) Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có). 2. Nội dung thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập a) Kiểm tra cơ sở pháp lý của hồ sơ trình phê duyệt thẩm định; b) Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy các tài liệu sử dụng lập phương án; c) Nhận xét, đánh giá tính hợp lý của hồ sơ và dự thảo phương án; 3. Trình tự, thủ tục thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp	Điều 7. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công 1. Hồ sơ trình thẩm định Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện <i>hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến</i> đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này. Hồ sơ bao gồm: a) Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập; b) Dự thảo phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập; c) Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật; d) Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; đ) Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có). 2. Nội dung thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập a) Kiểm tra cơ sở pháp lý của hồ sơ trình phê duyệt thẩm định; b) Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy các tài liệu sử dụng lập phương án; c) Nhận xét, đánh giá tính hợp lý của hồ sơ và dự thảo phương án. 3. Trình tự, thủ tục thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp	Bổ sung quy định về nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến để tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. - Điểm b khoản 3: Thay cụm từ “20 ngày” để phù hợp với quy định tại Biểu mẫu số 02/ĐGTD-BHM Phụ lục II Thông tư số 03/2022/TT-BTP: “<i>Khi quy định về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính thì cần quy định thống nhất về thời gian là “ngày” hoặc “ngày làm việc” . . . Đối với thủ tục hành chính có thời hạn giải quyết dưới 7 ngày thì quy định là “ngày làm việc”, đối với thủ tục hành chính có quy định thời hạn giải quyết trên 7 ngày thì quy định là “ngày” để đảm bảo thống nhất trong quá</i>

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định; b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình cấp có thẩm quyền xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình cấp có thẩm quyền xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình cấp có thẩm quyền xét phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản. 4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập a) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã; b) Sở Nông nghiệp và Mối trường tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập thủy lợi; Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 5. Thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập a) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn 01 xã; b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi diện tích chiếm đất của hồ chứa và công trình đầu mối lớn nhất phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên sau khi lấy ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.	hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định; b) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình cấp có thẩm quyền xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình cấp có thẩm quyền xét phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản. 4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập a) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã; b) Sở Nông nghiệp và Mối trường tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập thủy lợi; Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 5. Thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập a) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn 01 xã; b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi diện tích chiếm đất của hồ chứa và công trình đầu mối lớn nhất phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên sau khi lấy ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.	<i>trình quy định và thực hiện thủ tục hành chính.</i>” (góp ý của Bộ Công Thương) - Khoản 4: Bỏ điểm b do không còn UBND cấp huyện từ tháng 8/2025. - Khoản 5: + Điểm c chuyển thành điểm b và bỏ cụm từ “<i>nơi diện tích chiếm đất của hồ chứa và công trình đầu mối lớn nhất</i>”, “<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>” và từ “<i>thống nhất</i>” để làm rõ trách nhiệm phê duyệt phương án. + Theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 11 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, việc phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương phải bảo đảm các nguyên tắc “<i>Những vấn đề liên quan đến phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thì thuộc thẩm quyền giải quyết của chính quyền địa phương cấp huyện; những vấn đề liên quan đến phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên thì thuộc thẩm quyền giải quyết của chính quyền địa phương cấp tỉnh</i>”; - Từ 01/7/2025, bỏ cấp huyện; - Khoản 4 Điều 22 Luật Phòng, chống thiên tai quy định trách nhiệm hướng dẫn,

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn, trừ quy định tại điểm a, điểm b khoản này; phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên sau khi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.		xây dựng, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai: “...b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án ứng phó thiên tai của cơ quan, đơn vị mình, gửi đến Ủy ban nhân dân địa phương có liên quan trên địa bàn và cơ quan cấp trên đề phối hợp chỉ đạo thực hiện; ...d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án ứng phó thiên tai phù hợp với đặc điểm thiên tai của địa phương gửi Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp đề phối hợp chỉ đạo thực hiện...”. - Theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Thủy lợi: “2. Trong quá trình thi công, chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước có trách nhiệm lập phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt...”; + Quy định UBND cấp xã phê duyệt phương án đề đàm huy động chủ động chỉ đạo huy động chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ theo phương châm “4 tại chỗ” trong phòng, chống thiên tai.

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
8	Điều 8. Kiểm tra công tác nghiệm thu đập, hồ chứa nước 1. Đập, hồ chứa nước phải được kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng. 2. Hội đồng nghiệm thu nhà nước các công trình xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt và đập, hồ chứa nước có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp theo danh mục do Thủ tướng Chính phủ quyết định hàng năm. 3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa thủy lợi cấp I, cấp đặc biệt; đập, hồ chứa nước do Thủ tướng Chính phủ giao; đập, hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên không phân biệt nguồn vốn đầu tư, trừ đập, hồ chứa thủy lợi quy định tại khoản 2 Điều này. 4. Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Công Thương kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa thủy điện cấp I, cấp đặc biệt; đập, hồ chứa thủy điện do Thủ tướng Chính phủ giao; đập, hồ chứa thủy điện được xây dựng trên địa bàn 02 tỉnh trở lên không phân biệt nguồn vốn đầu tư, trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại khoản 2 Điều này. 5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn về thủy lợi, thủy điện của tỉnh thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của tỉnh và đập, hồ chứa thủy lợi, thủy điện xây dựng trên địa bàn không phân biệt nguồn vốn đầu tư, trừ đập, hồ chứa nước quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.	Điều 8. Kiểm tra công tác nghiệm thu đập, hồ chứa nước Đập, hồ chứa nước phải được kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.	Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng được quy định tại Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021, được sửa đổi tại: Điều 11 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 và Điều 123 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024. Thực tế, việc kiểm tra công tác nghiệm thu đập, hồ chứa nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động xây dựng. Ngày 31/3/2021, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 512/QĐ-TTg về việc thành lập Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng (thay thế Quyết định số 310/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2014). Từ những lý do nêu trên, tiếp thu ý kiến các thành viên Tổ biên tập đề sửa đổi, bổ sung Điều 8 (bỏ khoản 2, 3, 4, 5).
9	Điều 9. Lưu trữ hồ sơ Việc lập, lưu trữ hồ sơ công trình đập, hồ chứa nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ, xây dựng và các quy định sau:	Điều 9. Lưu trữ hồ sơ đập, hồ chứa thủy lợi Việc lập, lưu trữ hồ sơ công trình đập, hồ chứa thủy lợi được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ, xây dựng và các quy định sau:	- Sửa Điều 9 để chỉ quy định đối với đập, hồ chứa thủy lợi do đập, hồ chứa thủy điện đã được quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP. - Khoản 2:

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	1. Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước có trách nhiệm tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng trước khi nghiệm thu đưa công trình vào khai thác. 2. Đập, hồ chứa nước đang khai thác mà chưa có lưu trữ hồ sơ công trình thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có trách nhiệm lập và lưu trữ hồ sơ công trình chậm nhất sau 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. 3. Chủ quản lý; tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ công trình xây dựng phục vụ quản lý, khai thác trong thời gian tối thiểu bằng tuổi thọ công trình theo quy định của pháp luật. 4. Đối với đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt, lớn và vừa, phải có hồ sơ lưu trữ bằng bản điện tử và cập nhật vào hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa nước.	1. Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> có trách nhiệm tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng trước khi nghiệm thu đưa công trình vào khai thác. 2. Đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> đang khai thác mà chưa có lưu trữ hồ sơ công trình thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> có trách nhiệm lập và lưu trữ hồ sơ <i>liên quan</i> công trình. 3. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ <i>hoàn thành</i> công trình xây dựng và <i>hồ sơ liên quan đến quá trình quản lý, vận hành</i>. 4. Đối với đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> quan trọng đặc biệt, lớn và vừa, phải có hồ sơ lưu trữ bằng bản điện tử và cập nhật vào hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa nước. <i>Đối với đập, hồ chứa thủy lợi nhỏ, khuyến khích áp dụng quy định này.</i>	+ Bỏ các quy định "<i>chậm nhất sau 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành</i>" do Nghị định 114/2018/NĐ-CP có hiệu lực từ 04/9/2018, đến nay các quy định nêu trên đã quá thời gian quy định phải thực hiện; + Bỏ sung từ "<i>hiện trạng</i>" vì đối với đập, hồ chứa nước đang khai thác mà không có lưu trữ hồ sơ công trình thì nhiều hồ sơ như hồ sơ thiết kế đã được chủ đầu tư xác nhận và các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công; biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng;... là không thể không phụ được. (ý kiến Bộ Xây dựng). - Khoản 3: Bỏ sung cụm từ "<i>hồ sơ liên quan đến công tác quản lý, vận hành</i>" vì quy định hiện hành chỉ bao gồm hồ sơ công trình xây dựng. - Khoản 4: Bỏ sung cụm từ "<i>Đối với đập, hồ chứa thủy lợi nhỏ, khuyến khích áp dụng quy định này.</i>" vì các hồ nhỏ đa phần được xây dựng từ những năm 70-80 của thế kỷ trước, trong điều kiện khó khăn về kinh tế, kỹ thuật hạn chế, nhiều hồ không có hồ sơ, hiện nay, kinh phí cho công

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
			tác quản lý an toàn đập còn rất hạn chế, vì vậy, việc bổ sung hồ sơ lưu trữ điện tử ưu tiên thực hiện đối với các hồ quan trọng đặc biệt, lớn và vừa.
10	Điều 10. Kế khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa nước 1. Trách nhiệm kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa nước a) Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước lập và gửi bản kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa nước đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nghiệm thu đưa vào khai thác. b) Đối với đập, hồ chứa nước đang khai thác mà chưa kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa nước thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có trách nhiệm lập và gửi bản kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa nước đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. c) Đập, hồ chứa nước đang khai thác khi điều chỉnh quy mô, mục đích sử dụng; thay đổi chủ sở hữu, chủ quản lý, tổ chức, cá nhân khai thác thì tổ chức, cá nhân khai thác phải điều chỉnh bản kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa nước và gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi. 2. Tờ khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa nước theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. 3. Trách nhiệm tiếp nhận kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa nước a) Đối với đập, hồ chứa thủy lợi Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy lợi nhỏ trên địa bàn, tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt, lớn, vừa trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý. c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt, lớn, vừa trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.	Điều 10. Kế khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy lợi 1. Trách nhiệm kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> a) Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> lập và gửi bản kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày <i>ng nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng</i>. b) Đối với đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> đang khai thác mà chưa kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> có trách nhiệm lập và gửi bản kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. c) Đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> đang khai thác khi điều chỉnh quy mô, mục đích sử dụng; thay đổi chủ sở hữu, chủ quản lý, tổ chức, cá nhân khai thác thì tổ chức, cá nhân khai thác phải điều chỉnh bản kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> và gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có thay đổi. 2. Tờ khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. 3. Trách nhiệm tiếp nhận kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> a) Ủy ban nhân dân cấp <i>xã</i> tiếp nhận kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy lợi nhỏ trên địa bàn, tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường. b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt, lớn, vừa trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý. c) Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu về thông số kỹ thuật, thông tin quản lý đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	tác quản lý an toàn đập còn rất hạn chế, vì vậy, việc bổ sung hồ sơ lưu trữ điện tử ưu tiên thực hiện đối với các hồ quan trọng đặc biệt, lớn và vừa. - Sửa Điều 10 để chỉ quy định đối với đập, hồ chứa thủy lợi do đập, hồ chứa thủy điện đã được quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP. - Điều chỉnh, bổ sung Phụ lục Mẫu kê khai để có thể thực hiện được với các đập, hồ chứa nước thiếu hồ sơ. - Thay cụm từ “nghiệm thu đưa vào khai thác” bằng “<i>ng nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng</i>” để phù hợp với quy định tại Điều 4 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP: “<i>b) Giai đoạn thực hiện dự án gồm các công việc: chuẩn bị mặt bằng xây dựng,...; nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng; quyết toán hợp đồng xây dựng;...các công việc cần thiết khác liên quan đến thực hiện dự án;...</i>”.

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	thủy lợi trên địa bàn; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. b) Đối với đập, hồ chứa thủy điện: Sở Công Thương tiếp nhận kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy điện; tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu về thông số kỹ thuật, thông tin quản lý đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.		
11	Điều 11. Quy trình vận hành hồ chứa nước 1. Quy trình vận hành hồ chứa nước phải tuân thủ quy định của Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước, pháp luật có liên quan và phù hợp với quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. 2. Nội dung chính của quy trình vận hành hồ chứa nước a) Cơ sở pháp lý để lập quy trình, nguyên tắc vận hành công trình, thông số kỹ thuật chủ yếu, nhiệm vụ công trình; b) Quy định quy trình vận hành cửa van (nếu có); quy định cụ thể về vận hành hồ chứa nước trong mùa lũ, mùa kiệt trong trường hợp bình thường và trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, ô nhiễm nguồn nước và trong tình huống khẩn cấp; c) Quy định chế độ quan trắc, cung cấp thông tin về quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này; d) Công tác cảnh báo khi vận hành xả lũ trong trường hợp bình thường và trong tình huống khẩn cấp, cảnh báo khi vận hành phát điện bao gồm: Quy định khoảng thời gian tối thiểu phải thông báo trước khi vận hành mở cửa xả nước đầu tiên; tín hiệu cảnh báo, thời điểm cảnh báo, vị trí cảnh báo; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc phát lệnh, truyền lệnh, thực hiện lệnh vận hành xả lũ; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc phát tin, truyền tin, nhận tin cảnh báo xả lũ; đ) Quy định về dòng chảy tối thiểu (nếu có); e) Quy định trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa nước theo khoản 6 Điều 13 Nghị định này;	Điều 11. Quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi 1. Quy trình vận hành hồ chứa <i>thủy lợi</i> phải tuân thủ quy định của Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước, pháp luật có liên quan và phù hợp với quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. 2. Nội dung chính của quy trình vận hành hồ chứa <i>thủy lợi</i> a) Cơ sở pháp lý để lập quy trình, nguyên tắc vận hành công trình, thông số kỹ thuật chủ yếu, nhiệm vụ công trình; b) Quy định quy trình vận hành cửa van (nếu có); quy định cụ thể về vận hành hồ chứa <i>thủy lợi</i> trong mùa lũ, mùa kiệt trong trường hợp bình thường và trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, ô nhiễm nguồn nước và trong tình huống khẩn cấp; c) Quy định chế độ quan trắc, cung cấp thông tin về quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo quy định; d) Công tác cảnh báo khi vận hành xả lũ trong trường hợp bình thường và trong tình huống khẩn cấp, cảnh báo khi vận hành phát điện bao gồm: Quy định khoảng thời gian tối thiểu phải thông báo trước khi vận hành mở cửa xả nước đầu tiên; tín hiệu cảnh báo, thời điểm cảnh báo, vị trí cảnh báo; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc phát lệnh, truyền lệnh, thực hiện lệnh vận hành xả lũ; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc phát tin, truyền tin, nhận tin cảnh báo xả lũ; đ) Quy định về <i>vận hành công trình đập bảo xả</i> dòng chảy tối thiểu (nếu có); e) Quy định trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện quy trình vận hành; g) Quy định về tổ chức thực hiện và trường hợp sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành.	- Sửa Điều 11 để chỉ quy định đối với đập, hồ chứa thủy lợi do đập, hồ chứa thủy điện đã được quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP. - Điểm đ khoản 2: Bổ sung cụm từ “về vận hành công trình đập bảo xả” để phù hợp Khoản 1 Điều 24, Luật Tài nguyên nước chỉ quy định với hồ chứa nước xây dựng mới. - Khoản 3: + Tách hồ chứa nước ra làm 2 nhóm (hồ quan trọng đặc biệt, lớn và vừa; hồ nhỏ) để phù hợp với quy định cho từng nhóm hồ tại Điều 12: QTVH hồ quan trọng đặc biệt, lớn và vừa phải được thẩm định, phê duyệt, công bố công khai; QTVH hồ nhỏ chỉ công bố công khai (hồ nhỏ không phê duyệt vì theo quy định tại khoản 4 Điều Luật Thủy lợi - “4. Đối với công trình thủy lợi nhỏ, tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác phải lập quy trình vận hành và công bố công khai”).

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	g) Quy định về tổ chức thực hiện và trường hợp sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành hồ chứa nước. 3. Trách nhiệm lập và điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa nước a) Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước lập quy trình vận hành hồ chứa nước, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước khi tích nước và bàn giao cho tổ chức, cá nhân khai thác, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, thủy điện, phòng, chống thiên tai; b) Đối với hồ chứa nước đang khai thác mà chưa có quy trình vận hành thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi hoặc chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm lập quy trình vận hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt chậm nhất sau 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; c) Định kỳ 5 năm hoặc khi quy trình vận hành không còn phù hợp, tổ chức cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi hoặc chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.	h) Quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt, lớn và vừa theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. 3. Trách nhiệm lập và điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa <i>thủy lợi</i> a) Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> quan trọng đặc biệt, lớn và vừa <i>tổ chức</i> lập quy trình vận hành hồ chứa <i>thủy lợi</i>, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước khi tích nước và bàn giao cho tổ chức, cá nhân khai thác, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, phòng, chống thiên tai; đối với hồ nhỏ, chủ đầu tư tổ chức lập, phê duyệt và bàn giao cho tổ chức, cá nhân khai thác, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, phòng, chống thiên tai. b) Đối với hồ chứa <i>thủy lợi</i> quan trọng đặc biệt, lớn và vừa đang khai thác mà chưa có quy trình vận hành thì <i>tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi</i> có trách nhiệm <i>tổ chức</i> lập quy trình vận hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; đối với hồ chứa thủy lợi nhỏ đang khai thác mà chưa có quy trình vận hành thì tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác phải tổ chức lập và công bố công khai quy trình vận hành. c) Định kỳ 5 năm <i>tổ chức cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi</i> quan trọng đặc biệt, lớn và vừa có trách nhiệm rà soát quy trình vận hành, báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan có thẩm quyền <i>thẩm định quy trình vận hành để tổng hợp, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành.</i> Nếu quy trình vận hành không còn phù hợp thì điều chỉnh quy trình vận hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. d) Trường hợp chưa đến 5 năm nhưng quy trình vận hành hồ quan trọng đặc biệt, lớn và vừa không còn phù hợp, <i>tổ chức cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi</i> có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. đ) Đối với hồ chứa nhỏ, tổ chức cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm rà soát quy trình vận hành theo định kỳ 5 năm hoặc khi quy trình vận hành không còn phù hợp để điều chỉnh (nếu cần thiết) và công bố công khai theo thẩm quyền. e) Tổ chức, cá nhân tổ chức lập quy trình vận hành có trách nhiệm tổ chức lập đề cương, dự toán, lấy ý kiến cơ quan có thẩm quyền thẩm định quy trình vận hành (đối với hồ quan trọng đặc biệt, lớn	+ Bổ sung quy định tại điểm c để phù hợp với thực tiễn nhiều quy trình vẫn còn phù hợp sau 5 năm sử dụng (ý kiến Bộ CT; tỉnh Quảng Ninh, Kon Tum, Quảng Nam, Khánh Hòa, Hà Giang, Quảng Nam, ĐHTL, Thái Nguyên). - Điểm b khoản 3: Bổ các quy định "<i>chậm nhất sau 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành</i>" do Nghị định 114/2018/NĐ-CP có hiệu lực từ 04/9/2018, đến nay các quy định nêu trên đã quá thời gian quy định phải thực hiện; - Bổ sung điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e và điểm g để quy định chi tiết việc rà soát, tổ chức lập quy trình vận hành. - Khoản 4: Bổ sung để phù hợp với quy định pháp luật tài nguyên nước: + Khoản 8 Điều 38 Luật Tài nguyên nước năm 2023 "8. Khi hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng các điều kiện, yêu cầu vận hành hồ chứa, liên hồ chứa theo thời gian thực, việc lập, điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực được thực hiện như sau:...",

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
		và vừa) trước khi phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền (đối với hồ nhỏ) để tổ chức thực hiện; g) Tổ chức, cá nhân tổ chức lập quy trình vận hành có trách nhiệm lựa chọn đơn vị tư vấn có năng lực để tham tra kết quả tính toán quy trình vận hành (nếu cần hoặc theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền thẩm định quy trình vận hành). 4. Khi hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng các điều kiện, yêu cầu vận hành hồ chứa, liên hồ chứa theo thời gian thực, tổ chức khai thác đập, hồ chứa thủy lợi tổ chức lập quy trình vận hành hồ chứa theo thời gian thực trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật.	+ Điều 50 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP quy định điều kiện vận hành hồ chứa, liên hồ chứa theo thời gian thực; + Điều 51 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP quy định việc lập, điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa theo thời gian thực.
12	Điều 12. Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước 1. Hồ sơ trình thẩm định quy trình vận hành hồ chứa nước Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa nước nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ bao gồm: a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa nước; b) Dự thảo quy trình vận hành hồ chứa nước; c) Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật; d) Bản đồ hiện trạng công trình; đ) Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; e) Các tài liệu liên quan khác kèm theo. 2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định quy trình vận hành hồ chứa a) Tổng cục Thủy lợi tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành đối với hồ chứa nước thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. b) Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương. c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành đối với hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Điều 12. Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi 1. Hồ sơ trình thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ bao gồm: a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quy trình vận hành; b) Dự thảo quy trình vận hành; c) Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật; d) Bản đồ hiện trạng công trình hoặc sơ đồ vị trí đối với công trình đang khai thác. đ) Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; e) Báo cáo tham tra kết quả tính toán quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi (nếu có); g) Các tài liệu liên quan khác kèm theo. 2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định quy trình vận hành hồ chứa a) Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành đối với hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành đối với hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	- Sửa Điều 12 để chỉ quy định cho hồ thủy lợi do hồ thủy điện đã được quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP. - Khoản 1: Bổ sung quy định nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến để tăng cường công nghệ thông tin, chuyển đổi số. - Điểm d khoản 1: Đối với những công trình xây mới hoặc những công trình còn hồ sơ lưu trữ thì có bản đồ hiện trạng công trình. Với những công trình đang khai thác, không có hồ sơ lưu trữ thì có thể dùng sơ đồ vị trí đối với công trình đang khai thác (giảm bớt kinh phí xây dựng bản đồ hiện trạng); - Điểm e khoản 1: Bổ sung cho phù hợp với thực tiễn (hồ sơ quy trình vận hành gồm nhiều tính toán kỹ thuật phức

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	d) Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. đ) Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện. 3. Trường hợp cần thiết, cơ quan phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi đồng lập Hội đồng thẩm định quy trình vận hành hồ chứa nước. 4. Cơ quan thẩm định lấy ý kiến về dự thảo quy trình vận hành theo quy định sau: a) Đối với quy trình vận hành hồ chứa <i>thuỷ lợi</i> thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan thẩm định lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân liên quan và chuyên gia (nếu cần); trình cấp thẩm quyền lấy ý kiến của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan; b) Đối với dự thảo quy trình vận hành hồ chứa <i>thuỷ lợi</i> trên địa bàn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức, cá nhân liên quan và chuyên gia (nếu cần); c) <i>Đối với dự thảo quy trình vận hành hồ chứa nước trên địa bàn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã, lấy ý kiến tổ chức, cá nhân liên quan và chuyên gia (nếu cần).</i> 5. Nội dung thẩm định a) Kiểm tra cơ sở pháp lý, sự cần thiết phải lập quy trình vận hành hồ chứa nước và hồ sơ trình thẩm định; b) Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy các tài liệu sử dụng trong tính toán, kết quả tính toán các trường hợp vận hành; c) Nhận xét, đánh giá tính hợp lý, khả thi của dự thảo quy trình vận hành. 6. Trình tự thẩm định a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận xem xét, kiểm tra; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt quy trình vận hành để hoàn chỉnh theo quy định; b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.	c) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc <i>thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã</i>. 3. Trường hợp cần thiết, cơ quan phê duyệt quy trình vận hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định quy trình vận hành hồ chứa nước. 4. Cơ quan thẩm định lấy ý kiến về dự thảo quy trình vận hành theo quy định sau: a) Đối với quy trình vận hành hồ chứa <i>thuỷ lợi</i> thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan thẩm định lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân liên quan và chuyên gia (nếu cần); trình cấp thẩm quyền lấy ý kiến của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan; b) Đối với dự thảo quy trình vận hành hồ chứa <i>thuỷ lợi</i> trên địa bàn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức, cá nhân liên quan và chuyên gia (nếu cần); c) <i>Đối với dự thảo quy trình vận hành hồ chứa nước trên địa bàn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã, lấy ý kiến tổ chức, cá nhân liên quan và chuyên gia (nếu cần).</i> 5. Nội dung thẩm định a) Kiểm tra cơ sở pháp lý, sự cần thiết phải lập quy trình vận hành hồ chứa nước và hồ sơ trình thẩm định; b) Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy các tài liệu sử dụng trong tính toán, kết quả tính toán các trường hợp vận hành; c) Nhận xét, đánh giá tính hợp lý, khả thi của dự thảo quy trình vận hành. 6. Trình tự thẩm định a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận xem xét, kiểm tra; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt quy trình vận hành để hoàn chỉnh theo quy định; b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.	tạp, cần được thẩm tra bởi đơn vị tư vấn). - Điểm a, khoản 2: Đổi “Tổng cục Thủy lợi” thành “<i>Cục Quản lý và Xây dựng công trình Thủy lợi</i>”. - Bổ điểm c khoản 4 do không còn UBND cấp huyện. - Điểm b khoản 6: Thay cụm từ “<i>30 ngày làm việc</i>” bằng “<i>30 ngày</i>” để phù hợp với quy định tại Biểu mẫu số 02/ĐGTD-BHM Phụ lục II Thông tư số 03/2022/TT-BTP (Ý kiến Bộ Công Thương). - Điểm c khoản 7: Sửa thành điểm b khoản 7 (do bỏ điểm b về hồ chứa thủy điện); sửa UBND cấp huyện thành UBND cấp xã (do không còn UBND cấp huyện). - Thẩm quyền phê duyệt (Khoản 7): + Theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 11 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, việc phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương phải bảo đảm các nguyên tắc “<i>những vấn đề liên quan đến phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan nhà nước ở trung ương, trừ trường hợp</i>

TT	Nghị định (2)	Nội dung sửa đổi Nghị định (3)	Thuyết minh (4)
(1)	b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. 7. Thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt và hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác, bảo vệ có liên quan đến 02 tỉnh trở lên; b) Bộ Công Thương phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt và hồ chứa thủy điện được xây dựng trên địa bàn 02 tỉnh trở lên; c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, công bố công khai hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi trên địa bàn, trừ hồ chứa được quy định tại điểm a, điểm b khoản này và khoản 8 Điều này; phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, trừ hồ chứa được quy định tại điểm b khoản này và khoản 8 Điều này. 8. Đối với hồ chứa nước nhỏ, tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác phải lập quy trình vận hành và công bố công khai. 9. Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa nước a) Khi nhu cầu dùng nước hoặc nguồn nước, quy mô, nhiệm vụ công trình thay đổi hoặc quy trình vận hành không còn phù hợp thì phải điều chỉnh quy trình vận hành; b) Nội dung, trình tự, thủ tục điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa phải được quy định tại điểm a khoản này và khoản 8 Điều này; phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, trừ hồ chứa được quy định tại điểm b khoản này và khoản 8 Điều này. 8. Đối với hồ chứa nước nhỏ, tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác phải lập quy trình vận hành và công bố công khai. 9. Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa nước a) Khi nhu cầu dùng nước hoặc nguồn nước, quy mô, nhiệm vụ công trình thay đổi hoặc quy trình vận hành không còn phù hợp thì phải điều chỉnh quy trình vận hành; b) Nội dung, trình tự, thủ tục điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa nước thực hiện theo quy định tại Điều 11; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều này. 10. Quy trình vận hành được phê duyệt, công bố công khai theo quy định sau: a) Công bố trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan phê duyệt, cơ quan thẩm định, chủ quản lý và tổ chức, cá nhân khai thác đối với hồ chứa <i>thủy lợi</i> quan trọng đặc biệt, lớn, vừa; b) Công khai quy trình vận hành tại trụ sở tổ chức khai thác, công trình đầu mối và Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan đối với hồ chứa <i>thủy lợi</i> nhỏ.	7. Thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa <i>thủy lợi</i> a) Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt và hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác, bảo vệ có liên quan đến 02 tỉnh trở lên; b) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa <i>thủy lợi</i> trên địa bàn được phân cấp quản lý; c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa <i>thủy lợi</i> trên địa bàn, trừ hồ chứa được quy định tại điểm a, điểm b khoản này và khoản 8 Điều này. 8. Đối với hồ chứa <i>thủy lợi</i> nhỏ, tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác phải <i>tổ chức</i> lập quy trình vận hành và công bố công khai. 9. Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa <i>thủy lợi</i> a) Khi nhu cầu dùng nước hoặc nguồn nước, quy mô, nhiệm vụ công trình thay đổi hoặc quy trình vận hành không còn phù hợp thì phải điều chỉnh quy trình vận hành; b) Nội dung, trình tự, thủ tục điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa <i>thủy lợi</i> thực hiện theo quy định tại Điều 11; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều này. 10. Quy trình vận hành được phê duyệt, công bố công khai theo quy định sau: a) Công bố trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan phê duyệt, cơ quan thẩm định, chủ quản lý và tổ chức, cá nhân khai thác đối với hồ chứa <i>thủy lợi</i> quan trọng đặc biệt, lớn, vừa; b) Công khai quy trình vận hành tại trụ sở tổ chức khai thác, công trình đầu mối và Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan đối với hồ chứa <i>thủy lợi</i> nhỏ.	<i>luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác.</i>”; + QTVH hồ quan trọng đặc biệt và hồ mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên bao gồm những quy định về tiết dòng chảy, phòng chống thiên tai phức tạp, liên quan đến nhiều tỉnh/thành cơ quan Trung ương (Bộ Nông nghiệp và MT). Theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và việc không tổ chức cấp huyện, <i>những văn đề liên quan đến 02 đơn vị hành chính cấp trở lên thuộc thẩm quyền giải quyết của chính quyền địa phương cấp tỉnh.</i> Tuy nhiên, đối với quy trình vận hành hồ chứa gồm những quy định kỹ thuật phức tạp, vì vậy, đề nghị quy định thẩm quyền của UBND cấp xã <i>phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi trên địa bàn được phân cấp quản lý</i> là phù hợp (UBND cấp tỉnh phê duyệt đối với cả những QTVH của hồ chứa trên địa bàn 1 xã nhưng do UBND cấp tỉnh quản lý; UBND cấp tỉnh có quyền phân cấp cho UBND cấp xã theo quy định tại Điều

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	chức, cá nhân khai thác đối với hồ chứa nước quan trọng đặc biệt, lớn, vừa; b) Công khai quy trình vận hành tại trụ sở tổ chức khai thác, công trình đầu mối và Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan đối với hồ chứa nước nhỏ.		13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương).
13	Điều 13. Tổ chức thực hiện quy trình vận hành hồ chứa nước 1. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có trách nhiệm vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa nước, quy trình vận hành liên hồ chứa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định tại Điều 27, 28 và 45 Luật Thủy lợi và khoản 3 Điều 53 Luật Tài nguyên nước. 2. Hoạt động vận hành hồ chứa nước phải được tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước ghi chép vào nhật ký vận hành. 3. Định kỳ 5 năm, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi phải rà soát, đánh giá kết quả thực hiện quy trình vận hành, gửi chủ sở hữu, chủ quản lý đập, hồ chứa nước. 4. Định kỳ 5 năm, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy lợi phải rà soát, đánh giá kết quả thực hiện quy trình vận hành, gửi Sở Công Thương và cơ quan phê duyệt quy trình vận hành. 5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả tổng hợp thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi trên địa bàn, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương. 6. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa nước a) Chủ quản lý đập, hồ chứa nước có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa nước, quy trình vận hành liên hồ chứa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; chỉ đạo việc đảm bảo an toàn, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước thuộc phạm vi quản lý;	Điều 13. Trách nhiệm thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi 1. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> có trách nhiệm vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định tại Điều 27, 28 và 45 Luật Thủy lợi và <i>Điều 38 Luật Tài nguyên nước</i>. 2. Hoạt động vận hành hồ chứa <i>thủy lợi</i> phải được tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> ghi chép vào nhật ký vận hành <i>dưới hình thức bản giấy, bản điện tử hoặc phần mềm chuyên dụng khác do chủ sở hữu đập quyết định, trong đó phải ghi chép thông số, chỉ tiêu quan trắc để giám sát gồm: Mục nước hồ; lưu lượng xả duy trì dòng chảy tối thiểu (nếu có); lưu lượng khai thác cho các mục đích; lưu lượng xả qua tràn; chất lượng nước trong quá trình khai thác (nếu có)</i>. 3. Định kỳ 5 năm, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi phải rà soát, đánh giá kết quả thực hiện quy trình vận hành, gửi chủ sở hữu, chủ quản lý đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>. 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo kết quả tổng hợp thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi trên địa bàn, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường. 5. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa <i>thủy lợi</i> a) Chủ quản lý đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; chỉ đạo việc đảm	Sửa Điều 13 để chỉ quy định cho hồ thủy lợi do hồ thủy điện đã được quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP. - Tên điều: Sửa từ “tổ chức” thành “trách nhiệm” để phù hợp với nội hàm của Điều 13. - Khoản 1: Điều 53 Luật Tài nguyên nước số: 17/2012/QH13 đã được thay thế bằng điều 38 Luật Tài nguyên nước số: 28/2023/QH15. - Khoản 2: + Thêm cụm từ “<i>dưới hình thức bản giấy, bản điện tử hoặc phần mềm chuyên dụng khác do chủ sở hữu đập quyết định</i>” nhằm đa dạng hình thức ghi nhật ký vận hành phù hợp với cuộc cách mạng công nghệ 4.0 và chương trình chuyển đổi số quốc gia; - Khoản 3: Sửa cụm từ “...chủ sở hữu, chủ quản lý đập, hồ chứa nước” bằng “chủ sở hữu, chủ quản lý đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>” để phù hợp với giải thích từ ngữ tại Điều 2.

TT (1)	Nghị định (2)	Nội dung sửa đổi Nghị định (3)	Thuyết minh (4)
	báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương; c) Trưởng Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa, lũ, quyết định phương án điều tiết, ban hành lệnh vận hành hồ chứa và quyết định vận hành xả lũ khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền và nhiệm vụ được giao; báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương; d) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Công Thương có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt của tổ chức khai thác đập, hồ chứa nước do bộ quản lý; chỉ đạo việc triển khai các biện pháp ứng phó trong tình huống khẩn cấp, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước do bộ quản lý; báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của bộ; đ) Trưởng Ban chỉ đạo trung ương về phòng chống thiên tai có trách nhiệm chỉ đạo công tác phòng, chống lũ, ngập lụt vùng hạ du đập theo thẩm quyền và trách nhiệm được giao; chỉ đạo, hỗ trợ các biện pháp ứng phó với tình huống khẩn cấp trong trường hợp vượt quá khả năng của bộ, ngành, địa phương.	bảo an toàn, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> thuộc phạm vi quản lý; c) Trưởng <i>Ban chỉ huy phòng thủ dân sự</i> cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa, lũ, quyết định phương án điều tiết, ban hành lệnh vận hành hồ chứa và quyết định vận hành xả lũ khẩn cấp đối với đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền và nhiệm vụ được giao; d) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt của tổ chức khai thác đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> do bộ quản lý; chỉ đạo việc triển khai các biện pháp ứng phó trong tình huống khẩn cấp, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> do bộ quản lý; đ) Trưởng <i>Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia</i> có trách nhiệm chỉ đạo công tác phòng, chống lũ, ngập lụt vùng hạ du đập theo thẩm quyền và trách nhiệm được giao; chỉ đạo, hỗ trợ các biện pháp ứng phó với tình huống khẩn cấp trong trường hợp vượt quá khả năng của bộ, ngành, địa phương.	- Khoản 6 sửa thành khoản 5: Điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ bổ quy định báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai do thẩm quyền chỉ đạo chỉ đạo thực hiện quy trình vận hành chủ yếu tại địa phương và các Bộ, mặt khác đã có quy định tại điểm đ liên quan trách nhiệm Trưởng Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia.
14	Điều 14. Quan trắc công trình đập, hồ chứa nước 1. Chủ sở hữu đập, hồ chứa nước có trách nhiệm lắp đặt thiết bị quan trắc công trình đập, hồ chứa nước theo tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định của pháp luật có liên quan. 2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước a) Quan trắc đập, hồ chứa nước và các công trình có liên quan theo quy định trong hồ sơ thiết kế và tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để theo dõi liên tục tình trạng an toàn, ổn định của công trình; b) Phân tích, đánh giá, xử lý số liệu quan trắc; phát hiện dấu hiệu bất thường để kịp thời xử lý; lưu trữ tài liệu quan trắc theo quy định;	Điều 14. Quan trắc công trình đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> 1. Chủ sở hữu đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> có trách nhiệm lắp đặt thiết bị quan trắc công trình đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> theo tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định của pháp luật có liên quan. 2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> a) Quan trắc đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> và các công trình có liên quan theo quy định trong hồ sơ thiết kế và tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để theo dõi liên tục tình trạng an toàn, ổn định của công trình; b) Phân tích, đánh giá, xử lý số liệu quan trắc; phát hiện dấu hiệu bất thường để kịp thời xử lý; lưu trữ tài liệu quan trắc theo quy định;	- Sửa Điều 14 để chỉ quy định cho hồ thủy lợi do hồ thủy điện đã được quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP.

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	b) Phân tích, đánh giá, xử lý số liệu quan trắc; phát hiện dấu hiệu bất thường để kịp thời xử lý; lưu trữ tài liệu quan trắc theo quy định; c) Báo cáo chủ quản lý, chủ sở hữu đập, hồ chứa nước kết quả quan trắc.	c) Báo cáo chủ quản lý, chủ sở hữu đập, hồ chứa nước kết quả quan trắc.	
15	Điều 15. Quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng 1. Chủ sở hữu đập, hồ chứa nước có trách nhiệm bảo đảm kinh phí thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng cho đập, hồ chứa nước. 2. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước phải thu thập tin dự báo, quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định của pháp luật có liên quan. 3. Nội dung quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng a) Đối với đập, hồ chứa nước có cửa van điều tiết lũ, phải quan trắc lượng mưa trên lưu vực, quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả; dự báo lưu lượng đến hồ, khả năng gia tăng mực nước hồ chứa; b) Đối với đập, hồ chứa nước lớn có tràn tự do, phải quan trắc lượng mưa trên lưu vực, mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả; c) Đối với đập, hồ chứa nước vừa có tràn tự do, phải quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập, tính toán lưu lượng xả; khuyến khích áp dụng các quy định khác tại điểm b khoản này; d) Đối với đập, hồ chứa nước nhỏ có tràn tự do, phải quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập và mực nước tại đập tràn. 4. Chế độ quan trắc a) Đối với đập, hồ chứa nước có cửa van điều tiết lũ: Quan trắc 2 lần một ngày vào 07 giờ, 19 giờ trong mùa kiệt; 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ; trường hợp vận hành chống lũ, tần suất quan trắc, tính toán tối thiểu 01 giờ một lần, quan trắc 01 giờ 4 lần khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ thiết kế; b) Đối với các đập, hồ chứa nước có tràn tự do: Quan trắc 2 lần một ngày vào 07 giờ, 19 giờ trong mùa kiệt; 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ khi mực nước hồ	Điều 15. Quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn chuyên dùng đập, hồ chứa thủy lợi 1. Chủ sở hữu đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> có trách nhiệm bảo đảm kinh phí thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng cho đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>. 2. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> phải thu thập thông tin, <i>tổ chức thực hiện</i> dự báo, quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định của pháp luật có liên quan <i>hoặc thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện, năng lực cung cấp dịch vụ quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn chuyên dùng nhằm hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa theo quy định của Luật Tài nguyên nước</i>. 3. Nội dung quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng a) Đối với đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> có cửa van điều tiết lũ và đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> lớn có tràn tự do, phải quan trắc lượng mưa trên lưu vực, quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả; b) Đối với đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> vừa có tràn tự do, phải quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập, tính toán lưu lượng xả; khuyến khích áp dụng các quy định khác tại điểm a khoản này; c) Đối với đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> nhỏ có tràn tự do, phải quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập và mực nước tại đập tràn. 4. <i>Nội dung dự báo khí tượng thủy văn chuyên dùng</i> <i>Đối với đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt, lớn và vừa có cửa van điều tiết lũ, dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ, tổng lưu lượng xả; đối với đập, hồ chứa thủy lợi nhỏ có cửa van điều tiết lũ khuyến khích áp dụng quy định này.</i> 5. Chế độ quan trắc a) Đối với đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> có cửa van điều tiết lũ: Quan trắc 1 lần một ngày vào 07 giờ trong mùa kiệt; 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ; trường hợp vận hành chống	- Sửa Điều 15 để chỉ quy định cho hồ thủy lợi do hồ thủy điện đã được quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP. - Khoản 3: Tách nội dung dự báo ra để đưa vào khoản 4; ghép điểm a và điểm b lại vì cùng quy định; sửa tên điểm c và d cho phù hợp. - Sửa tên Điều 15 để phù hợp với nội dung của điều này. - Khoản 4: Tách nội dung dự báo khí tượng thủy văn chuyên dùng tại khoản 3 thành khoản 4 và để phù hợp với thực tiễn – các hồ chứa nhỏ việc dự báo khó khăn nên chỉ khuyến khích áp dụng (ý kiến Bộ CT; Lào Cai; Lạng Sơn). - Khoản 4 chuyển thành khoản 5 và điều chỉnh quy định về chế độ quan trắc trong mùa kiệt (1 lần một ngày thay vì 2 lần một ngày) để phù hợp với thực tiễn (trong điều kiện bình thường, mùa kiệt mực nước hồ ít thay đổi; mặt khác đã có quy định, trường hợp hồ phải vận hành chống lũ, tần

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	thấp hơn ngưỡng tràn; 01 giờ một lần khi mực nước hồ bằng hoặc cao hơn ngưỡng tràn; 01 giờ 4 lần khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ thiết kế. 5. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước phải cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng và cập nhật lên trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước theo quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn và theo quy định sau: a) Đập, hồ chứa nước có cửa van điều tiết lũ và đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt, lớn có tràn tự do: Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn cho chủ quản lý đập, hồ chứa nước; cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, thủy điện, cơ quan phòng chống thiên tai các cấp nơi có đập, hồ chứa nước, vùng hạ du đập; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương theo phạm vi quản lý của bộ; Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai trong tình huống khẩn cấp; b) Đập, hồ chứa nước vừa và nhỏ có tràn tự do: Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn cho chủ quản lý đập, hồ chứa nước, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, thủy điện, cơ quan phòng chống thiên tai các cấp nơi có đập, hồ chứa nước, vùng hạ du đập. 6. Cung cấp thông tin, báo cáo a) Việc cung cấp thông tin, báo cáo được thực hiện theo một trong các hình thức sau: Gửi trực tiếp, bằng fax, bằng mạng vi tính, qua điện thoại, bằng máy thông tin vô tuyến điện (ICOM) hoặc các hình thức khác; b) Văn bản gốc phải được gửi đến chủ sở hữu, chủ quản lý để theo dõi và lưu trữ hồ sơ quản lý. 7. Đập, hồ chứa nước đang khai thác mà chưa có thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng thì phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, sau 02 năm đối với đập, hồ chứa nước có cửa van điều tiết lũ; sau 03 năm đối với đập, hồ chứa nước có tràn tự do kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.	lũ, tần suất quan trắc, tính toán tối thiểu 01 giờ một lần, quan trắc 01 giờ 4 lần khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ thiết kế. b) Đối với các đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> có tràn tự do: Quan trắc <i>1 lần</i> một ngày vào 07 giờ trong mùa kiệt; 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ khi mực nước hồ thấp hơn ngưỡng tràn; 01 giờ một lần khi mực nước hồ bằng hoặc cao hơn ngưỡng tràn; 01 giờ 4 lần khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ thiết kế. 6. Chế độ dự báo <i>a) Trong mùa lũ, thực hiện dự báo 01 lần vào 09 giờ. Nội dung dự báo gồm dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ, tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới.</i> <i>b) Trường hợp xuất hiện lũ, thực hiện dự báo lũ về hồ định kỳ 03 giờ 01 lần. Nội dung dự báo gồm dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ, tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới và thời gian xuất hiện đỉnh lũ về hồ.</i> 7. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> phải cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc, <i>dự báo</i> khí tượng thủy văn chuyên dùng và cập nhật lên trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> theo quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn và theo quy định sau: a) Đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> có cửa van điều tiết lũ và đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> quan trọng đặc biệt, lớn có tràn tự do: Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn cho chủ quản lý đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>; cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, <i>khí tượng thủy văn, ban chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp nơi có đập, hồ chứa thủy lợi, vùng hạ du đập</i>; Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo phạm vi quản lý của bộ; <i>cơ quan, đơn vị có liên quan</i>; b) Đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> vừa và nhỏ có tràn tự do: Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn cho chủ quản lý đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, <i>khí tượng thủy văn</i>, cơ quan phòng chống thiên tai các cấp nơi có đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>, vùng hạ du đập. 8. Hình thức cung cấp thông tin, báo cáo a) Việc cung cấp thông tin, báo cáo được thực hiện theo một trong các hình thức sau: Gửi trực tiếp, bằng fax, bằng mạng vi tính, qua điện thoại, bằng máy thông tin vô tuyến điện (ICOM), <i>trên trang</i>	suất quan trắc tối thiểu 01 giờ một lần). (ý kiến tỉnh Vĩnh Phúc, Lâm Đồng). - Bổ sung Khoản 6 quy định chế độ dự báo để làm cơ sở thực hiện. - Khoản 5 chuyển thành Khoản 7: + Thêm cụm từ “<i>Dự báo</i>” để bổ sung quy định cung cấp thông tin dự báo khí tượng thủy văn; + Sửa đổi quy định cung cấp thông tin cho cơ quan khí tượng thủy văn, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp, Bộ Tài Nguyên và Môi trường, Cơ quan, đơn vị có liên quan để thống nhất với: Quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/5/2020. - Khoản 6 chuyển thành khoản 8 bổ sung từ “Hình thức” vào tên khoản để phù hợp với nội dung và bổ sung quy định về cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. - Khoản 7 chuyển thành khoản 9 và bỏ các quy định

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
		Thông tin điện tử của tổ chức được cung cấp thông tin hoặc các hình thức khác; b) Văn bản gốc phải được gửi đến chủ sở hữu, chủ quản lý để theo dõi và lưu trữ hồ sơ quản lý. 9. Đập, hồ chứa thủy lợi đang khai thác mà chưa có thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng thì phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng.	"chậm nhất sau 02 năm đối với đập, hồ chứa nước có của van điều tiết lũ; sau 03 năm đối với đập, hồ chứa nước có tràn tự do kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành" do Nghị định 114/2018/NĐ-CP có hiệu lực từ 04/9/2018, đến nay các quy định nêu trên đã quá thời gian quy định phải thực hiện. - Sửa Điều 16 để chỉ quy định đối với đập, hồ chứa thủy lợi do đập, hồ chứa thủy điện đã được quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP. - Khoản 3: Điều chỉnh quy định để: + Thống nhất số liệu trong báo cáo tổng hợp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương (nếu để sau 15 tháng 8 mới tổng hợp, báo cáo thì đối với các khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ đã vào mùa lũ); + Phù hợp với Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Hồng (ban hành kèm theo Quyết định số 740/QĐ-TTg ngày 17/6/2019, theo đó mùa lũ từ 15/6 hàng năm), Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng chính phủ quy định về
		Điều 16. Kiểm tra đập, hồ chứa thủy lợi 1. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi phải kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa theo quy định sau: a) Kiểm tra thường xuyên, quan sát trực quan tại hiện trường để nắm bắt kịp thời hiện trạng đập, hồ chứa; b) Trước mùa mưa hàng năm, phải kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa; thực hiện các biện pháp chủ động phòng, chống, xử lý kịp thời các hư hỏng để bảo đảm an toàn đập, hồ chứa; c) Sau mùa mưa hàng năm, phải kiểm tra nhằm phát hiện các hư hỏng; theo dõi diễn biến các hư hỏng của đập, hồ chứa; rút kinh nghiệm công tác phòng, chống thiên tai; đề xuất biện pháp và kế hoạch sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, xuống cấp; d) Ngay sau khi có mưa, lũ lớn trên lưu vực hoặc động đất mạnh tại khu vực công trình phải kiểm tra đánh giá hiện trạng an toàn đập, hồ chứa; đ) Trường hợp phát hiện đập, hồ chứa có hư hỏng đột xuất, phải báo cáo ngay cho chủ sở hữu, chủ quản lý đập, hồ chứa, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đồng thời phải thực hiện ngay biện pháp xử lý để bảo đảm an toàn đập, hồ chứa. 2. Nội dung báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy lợi a) Đối với đập, hồ chứa quan trọng đặc biệt, lớn: Mục nước cao nhất trong hồ; dòng chảy lũ lớn nhất về hồ, thời gian xuất hiện, lưu lượng đỉnh lũ, tổng lượng lũ; kết quả quan trắc đập đã được phân tích, đánh giá và xử lý số liệu; kết quả kiểm tra công trình trước, sau mùa mưa; các hư hỏng của công trình và công tác sửa chữa, khắc phục;	
		Điều 16. Kiểm tra đập, hồ chứa nước 1. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước phải kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước theo quy định sau: a) Kiểm tra thường xuyên, quan sát trực quan tại hiện trường để nắm bắt kịp thời hiện trạng đập, hồ chứa nước; b) Trước mùa mưa hàng năm, phải kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước; thực hiện các biện pháp chủ động phòng, chống, xử lý kịp thời các hư hỏng để bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước; c) Sau mùa mưa hàng năm, phải kiểm tra nhằm phát hiện các hư hỏng; theo dõi diễn biến các hư hỏng của đập, hồ chứa nước; rút kinh nghiệm công tác phòng, chống thiên tai; đề xuất biện pháp và kế hoạch sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, xuống cấp; d) Ngay sau khi có mưa, lũ lớn trên lưu vực hoặc động đất mạnh tại khu vực công trình phải kiểm tra đánh giá hiện trạng an toàn đập, hồ chứa nước; đ) Trường hợp phát hiện đập, hồ chứa nước có hư hỏng đột xuất, phải báo cáo ngay cho chủ sở hữu, chủ quản lý đập, hồ chứa nước, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đồng thời phải thực hiện ngay biện pháp xử lý để bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước. 2. Nội dung báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa nước a) Đối với đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt, lớn: Mục nước cao nhất trong hồ chứa nước; dòng chảy lũ lớn nhất về hồ chứa nước, thời gian xuất hiện, lưu lượng đỉnh lũ, tổng lượng lũ; kết quả quan trắc đập đã được phân tích, đánh giá và xử lý số liệu;	

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	kết quả kiểm tra công trình trước, sau mùa mưa; các hư hỏng của công trình và công tác sửa chữa, khắc phục; b) Đối với đập, hồ chứa vừa, nhỏ: Mục nước cao nhất trong hồ chứa nước; kết quả kiểm tra công trình trước, sau mùa mưa; các hư hỏng của công trình và công tác sửa chữa, khắc phục. 3. Thời gian gửi báo cáo định kỳ hiện trạng an toàn đập, hồ chứa nước a) Trước ngày 15 tháng 4 hằng năm đối với khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ; b) Trước ngày 15 tháng 8 hằng năm đối với khu vực Nam Trung Bộ. 4. Trách nhiệm báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa nước theo định kỳ hằng năm: a) Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm gửi báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; b) Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm gửi báo cáo về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn và Bộ Công Thương; c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ hiện trạng an toàn đập, hồ chứa nước thuộc phạm vi quản lý của bộ. 5. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước phải báo cáo ngay Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp có đập, hồ chứa nước trên địa bàn và các cơ quan liên quan theo quy định khi xảy ra tình huống khẩn cấp.	b) Đối với đập, hồ chứa vừa, nhỏ: Mục nước cao nhất trong hồ; kết quả kiểm tra công trình trước, sau mùa mưa; các hư hỏng của công trình và công tác sửa chữa, khắc phục. 3. Thời gian gửi báo cáo định kỳ hiện trạng an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi trước ngày 15 tháng 5 hằng năm</i>. 4. Trách nhiệm báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> theo định kỳ hằng năm: a) Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm gửi báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn và Bộ Nông nghiệp và Môi trường; b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ hiện trạng an toàn đập, hồ chứa nước thuộc phạm vi quản lý của bộ. 5. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> phải báo cáo ngay Ủy ban nhân dân, <i>Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự</i> các cấp có đập, hồ chứa nước trên địa bàn và các cơ quan liên quan theo quy định khi xảy ra tình huống khẩn cấp.	dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai (<i>mùa lũ theo từng khu vực, nhưng sớm nhất là tại khu vực Bắc Bộ - từ 15/6 ÷ 31/10</i>). - Khoản 5: Sửa tên “Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn” thành “Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự” để phù hợp với Luật Phòng thủ dân sự năm 2023.
17	Điều 17. Trách nhiệm kiểm tra và đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước trước mùa mưa hằng năm 1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; quyết định phương án tích nước và giải pháp thủy lợi quan trọng đặc biệt và đập, hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ có liên quan đến 02 tỉnh trở lên.	Điều 17. Trách nhiệm kiểm tra và đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy lợi trước mùa mưa hằng năm 1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; quyết định phương án tích nước và giải pháp bảo đảm an toàn đối với đập, hồ chứa thủy lợi <i>do Bộ quản lý trực tiếp</i>;	- Sửa Điều 17 để chỉ quy định đối với đập, hồ chứa thủy lợi do đập, hồ chứa thủy điện đã được quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP. - Sửa khoản 1, khoản 3 (thành khoản 1, khoản 2) để phù hợp

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2) 2. Bộ Công Thương tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện, quyết định phương án tích nước và giải pháp bảo đảm an toàn đối với đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt và đập, hồ chứa thủy điện được xây dựng trên địa bàn 02 tỉnh trở lên, trừ các đập, hồ chứa nước quy định tại khoản 7 Điều này. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước; quyết định phương án tích nước và giải pháp bảo đảm an toàn đối với đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh, trừ các đập, hồ chứa nước quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 7 Điều này. 4. Việc đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước được thực hiện theo hình thức Hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước. Hội đồng có nhiệm vụ kiểm tra, nghiên cứu, phân tích, đánh giá, tư vấn về mức độ an toàn của đập, hồ chứa nước, phương án tích nước hồ chứa và giải pháp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước. 5. Hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước cấp bộ a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước thuộc phạm vi quản lý của bộ; b) Bộ Công Thương quyết định thành lập hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt và đập, hồ chứa thủy điện được xây dựng trên địa bàn 02 tỉnh trở lên, trừ các đập, hồ chứa nước quy định tại khoản 7 Điều này; c) Thành viên hội đồng gồm chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký, ủy viên phản biện và các ủy viên là đại diện cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi, thủy điện thuộc bộ, địa phương có liên quan, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước và tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho hội đồng. 6. Hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước cấp tỉnh a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước có nguy cơ mất an toàn thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, trừ các đập, hồ chứa nước quy định tại khoản 7 Điều này; b) Thành viên hội đồng bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký, ủy viên phản biện và các ủy viên là đại diện cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi cấp tỉnh, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã có đập, hồ chứa thủy lợi có liên quan trên địa bàn và tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho hội đồng.	(3) 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; quyết định phương án tích nước và giải pháp bảo đảm an toàn đối với đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh, các đập, hồ chứa thủy lợi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp quản lý; 3. Đối với hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên không sử dụng vốn nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi diện tích chiếm đất của hồ chứa và công trình đầu mối lớn nhất tổ chức kiểm tra công tác đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước; tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng tổ chức kiểm tra, quyết định phương án tích nước và giải pháp bảo đảm an toàn. 4. Việc đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy lợi được thực hiện theo hình thức Hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy lợi. Hội đồng có nhiệm vụ kiểm tra, nghiên cứu, phân tích, đánh giá, tư vấn về mức độ an toàn của đập, hồ chứa thủy lợi, phương án tích nước hồ chứa và giải pháp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa thủy lợi. 5. Hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy lợi cấp bộ a) Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định thành lập hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ; b) Thành viên hội đồng gồm chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký, ủy viên phản biện và các ủy viên là đại diện cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi thuộc bộ, địa phương có liên quan, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi và tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho hội đồng. 6. Hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy lợi cấp tỉnh a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, định kỳ hàng năm thực hiện nhiệm vụ đánh giá an toàn đối với đập, hồ chứa thủy lợi có nguy cơ mất an toàn; b) Thành viên hội đồng bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký, ủy viên phản biện và các ủy viên là đại diện cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi cấp tỉnh, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã có đập, hồ chứa thủy lợi có liên quan trên địa bàn và tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho hội đồng.	(4) với điều điểm a khoản 4 Điều 45 Luật Thủy lợi quy định trách nhiệm chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy lợi (tổ chức kiểm tra, kiểm định thường xuyên, đối xuất và định kỳ đối với đập, hồ chứa nước theo quy định của pháp luật) và Khoản 6 Điều 1 Thông tư 03/2022/TT-BNNPTNT (Bộ phân cấp cho UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng chủ quản lý 7 hồ chứa mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên). - Bổ sung khoản 3: Đề phân định thẩm quyền UBND cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Khoản 6: Sửa để đảm bảo tính chủ động trong việc thành lập hội đồng (ý kiến tỉnh Tây Ninh).

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	quản lý nhà nước về thủy lợi, thủy điện cấp tỉnh, đại diện Ủy ban nhân dân cấp huyện có đập, hồ chứa nước có liên quan trên địa bàn và tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho hội đồng. 7. Hội đồng tư vấn, đánh giá an toàn đập, hồ chứa trên bậc thang thủy điện sông Đà a) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên bậc thang thủy điện sông Đà, bao gồm đập, hồ chứa thủy điện Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Huội Quảng và Bản Chát; b) Thành viên hội đồng bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký, ủy viên phân biện và các ủy viên là đại diện cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi, thủy điện thuộc bộ, ngành, địa phương có liên quan; tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước; các chuyên gia độc lập có kinh nghiệm về lĩnh vực xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; c) Hội đồng có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên bậc thang thủy điện sông Đà.		
18	Điều 18. Kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước 1. Kiểm định lần đầu thực hiện trong năm thứ ba kể từ ngày tích nước đến mực nước dâng bình thường hoặc trong năm thứ năm kể từ ngày tích nước. 2. Kiểm định định kỳ 5 năm kể từ lần kiểm định gần nhất đối với đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt, lớn và vừa. 3. Kiểm định đột xuất a) Khi phát hiện có hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo an toàn cho đập, hồ chứa nước; b) Khi cần có cơ sở để quyết định kéo dài thời hạn sử dụng của công trình đối với đập, hồ chứa nước hết tuổi thọ thiết kế hoặc làm cơ sở cho việc sửa chữa, nâng cấp đập, hồ chứa nước; c) Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này. 4. Thẩm quyền quyết định kiểm định đột xuất a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định kiểm định đột xuất đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt; đập, hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ có liên quan đến 02 tỉnh trở lên;	Điều 18. Kiểm định an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> 1. Kiểm định lần đầu thực hiện trong năm thứ ba kể từ ngày tích nước đến mực nước dâng bình thường hoặc trong năm thứ năm kể từ ngày tích nước. 2. Kiểm định định kỳ <i>10 năm</i> kể từ lần kiểm định gần nhất đối với đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt, lớn và vừa. 3. Kiểm định đột xuất a) Khi phát hiện có hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo an toàn cho đập, hồ chứa nước; b) Khi cần có cơ sở để quyết định kéo dài thời hạn sử dụng của công trình đối với đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> hết tuổi thọ thiết kế hoặc làm cơ sở cho việc sửa chữa, nâng cấp đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>; c) Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này. 4. Thẩm quyền quyết định kiểm định đột xuất a) Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định kiểm định đột xuất đập, hồ chứa thủy lợi <i>do</i> Bộ quản lý <i>trực tiếp</i>. b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định kiểm định đột xuất đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> trên địa bàn tỉnh, <i>các đập, hồ chứa được Bộ Nông</i>	- Sửa Điều 18 để chỉ quy định đối với đập, hồ chứa thủy lợi do đập, hồ chứa thủy điện đã được quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP. - Khoản 2: Điều chỉnh thời gian thực hiện kiểm định (tham khảo TCVN 11699:2023 quy định 10 năm kiểm định định kỳ, mặc khác đã có quy định về kiểm định đột xuất và kiểm tra đập hàng năm). (ý kiến chuyên gia). - Sửa điểm a, điểm c Khoản 4 để phù hợp với điểm a khoản 4 Điều 45 Luật Thủy lợi – quy định trách nhiệm chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy lợi (<i>tổ chức kiểm tra, kiểm định thường</i>

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2) b) Bộ Công Thương quyết định kiểm định đột xuất đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt và đập, hồ chứa thủy điện được xây dựng trên địa bàn 02 tỉnh trở lên; c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định kiểm định đột xuất đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh, trừ đập, hồ chứa nước quy định tại điểm a, điểm b khoản này. 5. Nội dung chính kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước a) Đối với đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt và lớn: Kiểm tra, phân tích tài liệu quan trắc đập, hồ chứa nước; khảo sát, thăm dò ẩn họa, bồi lắng lòng hồ chứa nước; kiểm tra tình trạng sạt lở, bồi lắng lòng hồ; kiểm tra khả năng xả lũ của hồ chứa nước theo tiêu chuẩn gia hạn hành, tài liệu khí tượng thủy văn và thay đổi về lưu vực đã được cập nhật; đánh giá chất lượng và an toàn của đập, hồ chứa nước; b) Đối với đập, hồ chứa vừa, nhỏ: Khảo sát, thăm dò ẩn họa, khuấy tạt công trình; kiểm tra khả năng xả lũ của hồ chứa nước; kiểm tra khả năng xả lũ của hồ chứa nước theo tiêu chuẩn gia hạn hành, tài liệu khí tượng thủy văn và thay đổi về lưu vực đã được cập nhật; đánh giá chất lượng và an toàn của đập, hồ chứa nước. 6. Trách nhiệm kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi a) Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm thực hiện kiểm định theo đề cương được phê duyệt; b) Chủ quản lý đập, hồ chứa thủy lợi thẩm định đề cương, dự toán, kết quả kiểm định, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình chủ sở hữu đập, hồ chứa nước phê duyệt; gửi kết quả kiểm định đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 7. Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm tổ chức kiểm định, phê duyệt đề cương và kết quả kiểm định theo quy định của pháp luật; báo cáo kết quả kiểm định về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xây dựng đập, hồ chứa thủy điện và Bộ Công Thương.	(3) ngành và Môi trường phân cấp quản lý, trừ đập, hồ chứa quy định tại điểm a khoản này. c) Đối với hồ chứa mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên không sử dụng vốn nhà nước, chủ sở hữu quyết định kiểm định đột xuất. 5. Nội dung chính kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi a) Đối với đập, hồ chứa quan trọng đặc biệt và lớn: Kiểm tra, phân tích tài liệu quan trắc đập, hồ chứa nước; khảo sát, thăm dò ẩn họa, khuấy tạt công trình; kiểm tra tình trạng sạt lở, bồi lắng lòng hồ; kiểm tra khả năng xả lũ của hồ chứa nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành, tài liệu khí tượng thủy văn và thay đổi về lưu vực đã được cập nhật; đánh giá chất lượng và an toàn của đập, hồ chứa nước; b) Đối với đập, hồ chứa vừa, nhỏ: Khảo sát, thăm dò ẩn họa, khuấy tạt công trình; kiểm tra tình trạng sạt lở, bồi lắng lòng hồ chứa nước; kiểm tra khả năng xả lũ của hồ chứa nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành, tài liệu khí tượng thủy văn và các thay đổi về lưu vực đã được cập nhật; đánh giá chất lượng và an toàn của đập, hồ chứa nước. 6. Trách nhiệm kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi a) Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm tổ chức lập đề cương, dự toán kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi và trình chủ quản lý, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy lợi phê duyệt; thực hiện kiểm định theo đề cương được phê duyệt; b) Chủ quản lý đập, hồ chứa thủy lợi thẩm định đề cương, dự toán, kết quả kiểm định, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy lợi phê duyệt; gửi kết quả kiểm định đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn và Bộ Nông nghiệp và Môi trường. c) Đề cương, dự toán, báo cáo kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.	(4) xuân, đột xuất và định kỳ đổi với đập, hồ chứa nước theo quy định của pháp luật) và Khoản 6 Điều 1 Thông tư 03/2022/TT-BNNPTNT (Bộ phân cấp cho UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng chủ quản lý 7 hồ chứa mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên). - Khoản 6: + Bổ sung trách nhiệm tổ chức lập đề cương, dự toán kiểm định, trình phê duyệt để tổ chức thực hiện. + Thay cụm từ “chủ sở hữu đập, hồ chứa nước” thành “chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy lợi” cho phù hợp với giải thích từ ngữ tại Điều 2.
19	Điều 19. Thăm định, phê duyệt đề cương kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi	Điều 19. Thăm định, phê duyệt đề cương, dự toán kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi sử dụng vốn nhà nước	- Tên điều: Bổ sung cụm từ “thuộc sở hữu nhà nước” để

TT (1)	Nghị định (2)	Nội dung sửa đổi Nghị định (3)	Thuyết minh (4)
	1. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập hồ chứa thủy lợi nộ 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ bao gồm: a) Tờ trình đề nghị phê duyệt; b) Dự thảo đề cương kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; c) Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có). 2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt a) Tổng cục Thủy lợi tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt hoặc trình chủ sở hữu đập, hồ chứa nước phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt và đập, hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ có liên quan đến 02 tỉnh trở lên; b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt hoặc trình chủ sở hữu đập, hồ chứa nước phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi lớn, vừa trên địa bàn và đập, hồ chứa thủy lợi nhỏ liên quan đến 02 huyện trở lên, trừ đập, hồ chứa nước quy định tại điểm a khoản này; c) Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt hoặc trình chủ sở hữu đập, hồ chứa nước phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi nhỏ trên địa bàn trừ đập, hồ chứa nước quy định tại điểm b khoản này. 3. Nội dung thẩm định a) Kiểm tra cơ sở pháp lý của hồ sơ; b) Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy các tài liệu sử dụng; c) Nhận xét, đánh giá tính hợp lý của hồ sơ. 4. Trình tự, thủ tục thẩm định a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt đề cương, dự toán, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định; b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ đề cương, dự toán, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trường hợp đủ điều kiện,	1. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt đề cương, dự toán, kết quả kiểm định an toàn đập hồ chứa thủy lợi nộ 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện <i>hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến</i> đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ bao gồm: a) Tờ trình đề nghị phê duyệt; b) Đề cương, <i>dự toán</i> kiểm định (trường hợp trình phê duyệt đề cương, dự toán), báo cáo kết quả kiểm định (trường hợp trình phê duyệt kết quả kiểm định); c) Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có). 2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt a) <i>Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi</i> tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt hoặc trình chủ sở hữu đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> phê duyệt đề cương, <i>dự toán</i>, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi do các đơn vị Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý trực tiếp</i>; b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt hoặc trình chủ sở hữu đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> phê duyệt đề cương, <i>dự toán</i>, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa <i>thủy lợi trên địa bàn, các hồ chứa thủy lợi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý</i>, trừ đập, hồ chứa nước quy định tại điểm a khoản này. 3. Nội dung thẩm định a) Kiểm tra cơ sở pháp lý của hồ sơ; b) Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy các tài liệu sử dụng; c) Nhận xét, đánh giá tính hợp lý của hồ sơ. 4. Trình tự, thủ tục thẩm định a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt đề cương, <i>dự toán, kết quả</i> kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định; b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ <i>đề cương, dự toán</i>, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trường hợp đủ điều kiện,	phù hợp với nội dung (với đập, hồ chứa thuộc sở hữu tư nhân thì không quy định). - Tên điều, khoản 1, khoản 2, khoản 4: Bổ sung từ “<i>dự toán</i>” để quy định thẩm định, thẩm định, phê duyệt dự toán phù hợp với điểm b khoản 6 Điều 18 (“<i>b</i>) <i>Chủ quản lý đập, hồ chứa thủy lợi thẩm định đề cương, dự toán, kết quả kiểm định,...</i>”). - Khoản 1: Bổ sung quy định nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến để tăng cường công nghệ thông tin, chuyển đổi số. - Điểm a Khoản 2: Điều chỉnh tên “Tổng cục Thủy lợi” thành “Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi”; bổ sung cụm từ “do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý” đồng bộ với Điều 18. - Điểm b Khoản 2: + Bổ sung cụm từ “<i>các hồ chứa thủy lợi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp quản lý</i>” đồng bộ với Điều 18; + Bổ cụm từ “lớn, vừa” để UBND cấp tỉnh chủ động phân cấp (nếu cần thiết). - Khoản 4: - Điểm b: Thay cụm từ “15 ngày làm việc” bằng “15 ngày” để phù hợp với quy

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.	trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản. c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ kết quả kiểm định, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.	định tại Biểu mẫu số 02/ĐGTD-BHM Phụ lục II Thông tư số 03/2022/TT-BTP (ý kiến Bộ Công Thương). + Bổ sung điểm c để tách nội dung thẩm định đề cương, dự toán và thẩm định kết quả kiểm định ra độc lập, phù hợp với thực tiễn là thẩm định kết quả tốn nhiều thời gian hơn thẩm định đề cương, dự toán (ý kiến Công ty KTTL Miền Nam; tỉnh Thanh Hoá, Quảng Ngãi, Kon Tum, Kiên Giang).
20	Điều 20. Bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa đập, hồ chứa nước và lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập 1. Đập, hồ chứa nước phải được bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, quy định của pháp luật khác có liên quan. 2. Đập, hồ chứa nước phải được sửa chữa, nâng cấp để bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du trước mùa mưa hàng năm trong các trường hợp sau: a) Bị hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo an toàn; b) Thiếu khả năng xả lũ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành; c) Có nguy cơ xảy ra hiện tượng sạt lở, bồi lấp lòng hồ chứa nước. 3. Đối với đập, hồ chứa nước có cửa van điều tiết lũ đang khai thác mà chưa có hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập thì phải lắp đặt chậm nhất sau 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. 4. Đối với đập, hồ chứa nước lớn có tràn tự do đang khai thác mà chưa có thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng	Điều 20. Bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa đập, hồ chứa thủy lợi và lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập 1. Đập, hồ chứa thủy lợi phải được bảo trì, sửa chữa, nâng cấp theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và quy định của pháp luật khác có liên quan; từng bước hiện đại hóa hướng tới vận hành hồ chứa theo thời gian thực. 2. Đập, hồ chứa thủy lợi phải được sửa chữa, nâng cấp để bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du trước mùa mưa hàng năm trong các trường hợp sau: a) Bị hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo an toàn; b) Thiếu khả năng xả lũ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành; c) Có nguy cơ xảy ra hiện tượng sạt lở bờ hồ, lòng hồ chứa nước bị bồi lấp. 3. Đối với đập, hồ chứa thủy lợi có cửa van điều tiết lũ đang khai thác mà chưa có hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi phải lắp đặt bổ sung. 4. Đối với đập, hồ chứa thủy lợi lớn có tràn tự do đang khai thác mà chưa có thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du	- Sửa Điều 20 để chỉ quy định đối với đập, hồ chứa thủy lợi do đập, hồ chứa thủy điện đã được quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP. - Bổ khoản 7 do đã có quy định tại Điều 30. - Điểm c khoản 2: Bổ sung cụm từ “bờ hồ”, sửa cụm từ “bồi lấp lòng hồ chứa nước” thành “lòng hồ chứa nước bị bồi lấp” để làm rõ trường hợp phải sửa chữa nâng cấp. - Khoản 3: Bổ quy định “chậm nhất sau 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành”, khoản 4, bổ quy định “chậm nhất sau 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành”, khoản 6, bổ quy định “chậm nhất sau 02 năm kể từ ngày Nghị

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	hạ du đập thì phải lập đặt chậm nhất sau 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. 5. Khuyến khích lập đặt thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập đối với đập, hồ chứa nước vừa, nhỏ có tràn tự do. 6. Đối với đập, hồ chứa nước đang khai thác chưa có quy trình bảo trì cho từng hạng mục công trình thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có trách nhiệm tổ chức lập, phê duyệt quy trình bảo trì sau khi có ý kiến bằng văn bản của chủ quản lý đập, hồ chứa nước chậm nhất sau 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. 7. Chủ sở hữu đập, hồ chứa nước chịu trách nhiệm bảo đảm kinh phí bảo trì sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa, lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập, hồ chứa nước và vùng hạ du.	đập thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi phải tổ chức lập đặt bổ sung. 5. Khuyến khích lập đặt thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập đối với đập, hồ chứa thủy lợi vừa, nhỏ có tràn tự do. 6. Đối với đập, hồ chứa thủy lợi đang khai thác chưa có quy trình bảo trì cho từng hạng mục công trình thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm tổ chức lập, phê duyệt quy trình bảo trì sau khi có ý kiến bằng văn bản của chủ quản lý đập, hồ chứa thủy lợi.	định này có hiệu lực thi hành” do Nghị định 114/2018/NĐ-CP có hiệu lực từ 04/9/2018, đến nay các quy định nêu trên đã quá thời gian quy định phải thực hiện.
21	Điều 21. Phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước 1. Phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước bao gồm công trình và vùng phụ cận. 2. Trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước, các hoạt động phải đảm bảo không gây cản trở cho việc vận hành và bảo đảm an toàn công trình; phải có đường quản lý, mặt bằng để bảo trì và xử lý khi công trình xảy ra sự cố. 3. Vùng phụ cận của hồ chứa nước bao gồm vùng phụ cận của đập và vùng phụ cận của lòng hồ chứa nước được quy định như sau: a) Vùng phụ cận của đập có phạm vi được tính từ chân đập trở ra. Đối với đập đặc biệt tối thiểu là 300 m; đập cấp I tối thiểu là 200 m; đập cấp II tối thiểu là 100 m; đập cấp III tối thiểu là 50 m; đập cấp IV tối thiểu là 20 m; b) Vùng phụ cận của lòng hồ chứa nước có phạm vi được tính từ đường biên có cao trình bằng cao trình đỉnh đập trở xuống phía lòng hồ. 4. Đập, hồ chứa nước khi điều chỉnh quy mô, mục đích sử dụng, phải điều chỉnh vùng phụ cận phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều này; cơ quan phê duyệt phương án bảo vệ đập,	Điều 21. Phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi 1. Phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi thực hiện theo quy định tại Luật Thủy lợi. 2. Trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi, các hoạt động phải đảm bảo không gây cản trở cho việc vận hành và bảo đảm an toàn công trình; phải có đường quản lý, mặt bằng để bảo trì và xử lý khi công trình xảy ra sự cố và phải tuân thủ quy định của pháp luật về thủy lợi, pháp luật có liên quan.	- Sửa Điều 21 để chỉ quy định đối với đập, hồ chứa thủy lợi do đập, hồ chứa thủy điện đã được quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP. - Bổ khoản 3, khoản 4, sửa khoản 1 vì đã quy định cụ thể tại Điều 44 Luật Thủy lợi.

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	hồ chứa nước có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh phạm vi vùng phụ cận bảo vệ công trình.		
22	Điều 22. Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước phải có giấy phép 1. Trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước các hoạt động phải có giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền bao gồm: a) Xây dựng công trình mới; b) Lắp bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; c) Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; d) Xả nước thải vào hồ chứa nước, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ; đ) Trồng cây lâu năm; e) Hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ; g) Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ; h) Nuôi trồng thủy sản; i) Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác; k) Xây dựng công trình ngầm. 2. Việc thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. 3. Việc thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi, trừ quy định tại Điều 16, Điều 17. Thẩm quyền cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép và cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép được quy định như sau:	Điều 22. Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi phải có giấy phép 1. Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi phải có phép thực hiện theo quy định tại Luật Thủy lợi. 2. Việc thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi thực hiện theo quy định tại <i>nghị định hướng dẫn Luật Thủy lợi và quy định pháp luật có liên quan.</i>	- Sửa Điều 22 để chỉ quy định đối với đập, hồ chứa thủy lợi do đập, hồ chứa thủy điện đã được quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP. - Không quy định cụ thể các hoạt động phải có phép trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước do quy định hiện nay tại Điều 22 Nghị định 114 hoàn toàn trùng lặp với quy định tại Điều 44 Luật thủy lợi (<i>các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phải có phép</i>).

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	a) Bộ Công Thương cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép đối với các hoạt động phải có giấy phép trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt, trừ hoạt động quy định tại điểm d khoản 1 Điều này; f b) Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp là cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương; c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn, trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản này; d) Sở Công Thương là cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.		
23	Điều 23. Bảo vệ đập, hồ chứa nước 1. Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện; tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm lập phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước. 2. Phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước bao gồm các nội dung chính sau đây: a) Đặc điểm địa hình, thông số thiết kế, sơ đồ mặt bằng bố trí công trình và chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước; b) Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ đập, hồ chứa nước; c) Chế độ báo cáo, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất; d) Quy định việc giới hạn hoặc cấm các loại phương tiện giao thông có tải trọng lớn lưu thông trong phạm vi bảo vệ công trình; quy định về phòng cháy chữa cháy; bảo vệ an toàn nơi lưu trữ tài liệu, kho tàng cất giữ vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại; đ) Tổ chức lực lượng và phân công trách nhiệm bảo vệ đập, hồ chứa nước; trang thiết bị hỗ trợ công tác bảo vệ; e) Tổ chức kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện ra, vào công trình; g) Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, phá hoại công trình và vùng phụ cận của đập, hồ chứa nước; h) Bảo vệ, xử lý khi đập, hồ chứa nước xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố;	Điều 23. Bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi 1. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm lập phương án bảo vệ đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i>. 2. Phương án bảo vệ đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> bao gồm các nội dung chính sau đây: a) Đặc điểm địa hình, thông số thiết kế, sơ đồ mặt bằng bố trí công trình; chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước (<i>nếu có</i>); b) Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ đập, hồ chứa nước; c) Chế độ báo cáo, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất; d) Quy định việc giới hạn hoặc cấm các loại phương tiện giao thông có tải trọng lớn lưu thông trong phạm vi bảo vệ công trình; quy định về phòng cháy chữa cháy; bảo vệ an toàn nơi lưu trữ tài liệu, kho tàng cất giữ vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại; đ) Tổ chức lực lượng và phân công trách nhiệm bảo vệ đập, hồ chứa nước; trang thiết bị hỗ trợ công tác bảo vệ; e) Tổ chức kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện ra, vào công trình; g) Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, phá hoại công trình và vùng phụ cận của đập, hồ chứa nước; h) Bảo vệ, xử lý khi đập, hồ chứa nước xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố; i) Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án;	- Sửa Điều 23 để chỉ quy định đối với đập, hồ chứa thủy lợi do đập, hồ chứa thủy điện đã được quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP. - Điểm a khoản 2: Bổ sung từ “<i>nếu có</i>” vì trên thực tế nhiều hồ chứa chưa thực hiện việc cấm mốc nhưng phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước vẫn phải được thực hiện để phục vụ công tác quản lý vận hành. - Bổ sung khoản 3 để quy định nội dung phương án bảo vệ với đập, hồ chứa quan trọng đặc biệt. - Bổ sung khoản 4: + Để quy định nội dung, trình tự thủ tục thẩm định phương án, phù hợp với thực tiễn (ý kiến Công ty KTTL Miền Nam, Ban 4; các tỉnh: Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn,

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	i) Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án; k) Trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ quản lý, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước, chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan. 3. Đập, hồ chứa thủy lợi phải được cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 4. Trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi a) Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước. Kinh phí cấm mốc được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình; b) Đối với đập, hồ chứa thủy lợi đang khai thác mà chưa được cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ hoặc phạm vi bảo vệ không còn phù hợp thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ. Kinh phí cấm mốc được lấy từ nguồn tài chính trong quản lý, khai thác và nguồn hợp pháp khác. 5. Thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước do bộ quản lý; b) Bộ Công Thương phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước được xây dựng trên địa bàn 02 tỉnh trở lên; c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn, trừ đập, hồ chứa nước quy định tại điểm a, điểm b khoản này và khoản 6 Điều này. 6. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước nhỏ quyết định phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước. 7. Việc tổ chức thực hiện phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia thực hiện theo quy định của Nghị định này và pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.	k) Trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ quản lý, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi, chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan. <i>l) Phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.</i> 3. Nội dung phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt thực hiện theo khoản 2 Điều này và các nội dung sau: a) Bộ trí lực lượng chuyên trách bảo vệ công trình; tổ chức canh gác bảo vệ tại các vị trí đập, tràn xả lũ và các hạng mục công trình thuộc cụm đầu mối hồ chứa; b) Trang bị phương tiện tuần tra; trang thiết bị công cụ hỗ trợ công tác bảo vệ cho lực lượng tham gia công tác bảo vệ công trình được đăng ký sử dụng và sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; c) Phương án xử lý một số tình huống sự cố công trình, tình huống có tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thủy lợi, bảo vệ an ninh trật tự tại công trình. 4. Thẩm định phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi a) Hồ sơ trình thẩm định Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này. Hồ sơ bao gồm: - Tờ trình đề nghị phê duyệt; - Dự thảo phương án bảo vệ; - Ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu có); - Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có). b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định - Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã. c) Nội dung thẩm định	Thanh Hoá, Quảng Ngãi, Khánh Hoà); + Quy định nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến để tăng cường công nghệ thông tin, chuyển đổi số. - Sửa khoản 3 thành khoản 5, khoản 4 thành khoản 6, khoản 5 thành khoản 7, khoản 7 thành khoản 9 do bỏ sung khoản 3, khoản 4 nêu trên. - Khoản 5 sửa thành khoản 7: + Bộ phân cấp cho UBND cấp tỉnh phê duyệt đối với các đập, hồ chứa quan trọng đặc biệt và các đập, hồ chứa mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên; chuyển thẩm quyền từ cấp huyện về cấp xã. + Bộ sung quy định phê duyệt phương án đối với hồ chứa thủy lợi được xây dựng trên địa bàn 02 tỉnh trở lên do tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng. - Bỏ khoản 6 do thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ đã được quy định ở khoản 7. - Sửa tên khoản 9 thành khoản 8.

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
		- Kiểm tra cơ sở pháp lý của hồ sơ; - Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy các tài liệu sử dụng; - Nhận xét, đánh giá tính hợp lý của hồ sơ và dự thảo phương án. d) Trình tự, thủ tục thẩm định - Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định; - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản. 5. Đập, hồ chứa thủy lợi phải được cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ chưa được cấm, phải có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, phá hoại công trình. 6. Trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi a) Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước. Kinh phí cấm mốc được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình; b) Đối với đập, hồ chứa thủy lợi đang khai thác mà chưa được cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ hoặc phạm vi bảo vệ không còn phù hợp thì tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ. Kinh phí cấm mốc được lấy từ nguồn tài chính trong quản lý, khai thác và nguồn hợp pháp khác. 7. Thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi a) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn được phân cấp quản lý; b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý trên địa bàn 01 tỉnh, phê duyệt phương án bảo vệ	

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
		<i>đập, hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác, bảo vệ có liên quan đến 02 tỉnh trở lên được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp quản lý, phê duyệt phương án bảo vệ các đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn, trừ đập, hồ chứa được quy định tại điểm a khoản này;</i> <i>c) Đối với hồ chứa mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên không sử dụng vốn nhà nước, hồ chứa quan trọng đặc biệt đồng thời là hồ chứa mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý, hồ chứa mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý trực tiếp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi diện tích chiếm đất của hồ chứa và công trình đầu mối lớn nhất phê duyệt phương án bảo vệ sau khi lấy ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân cùng cấp có liên quan.</i> 8. Việc tổ chức thực hiện phương án bảo vệ đập, hồ chứa <i>thủy lợi là công trình</i> quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia thực hiện theo quy định của Nghị định này và pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia. 9. <i>Định kỳ 5 năm tổ chức cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm rà soát phương án bảo vệ, báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan có thẩm quyền thẩm định để tổng hợp, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Nếu phương án bảo vệ không còn phù hợp thì điều chỉnh, bổ sung để trình, phê duyệt theo quy định tại khoản 4, khoản 7 Điều này.</i>	
24	Điều 24. Cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện 1. Các trường hợp phải cắm mốc chỉ giới a) Đập của hồ chứa thủy điện có dung tích từ 500.000 m³ trở lên; b) Đập có chiều cao từ 15 m trở lên. 2. Xây dựng phương án cấm mốc chỉ giới <i>Chủ đầu tư xây dựng</i>, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm <i>tổ chức</i> xây dựng phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập. 3. Nội dung phương án cấm mốc chỉ giới a) Xác định vùng phụ cận bảo vệ đập theo quy định tại <i>điểm a khoản 3 Điều 36 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực</i>;	Điều 24. Cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện 1. Các trường hợp phải cắm mốc chỉ giới a) Đập của hồ chứa thủy điện có dung tích từ 500.000 m³ trở lên; b) Đập có chiều cao từ 15 m trở lên. 2. Xây dựng phương án cấm mốc chỉ giới Chủ đầu tư xây dựng, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm tổ chức xây dựng phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập. 3. Nội dung phương án cấm mốc chỉ giới a) Xác định vùng phụ cận bảo vệ đập theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 36 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;	- Khoản 2: Bỏ trách nhiệm xây dựng phương án cấm mốc chỉ giới với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng đập do đây là việc của Chủ đầu tư, chủ sở hữu đập, hồ chứa nước. - Khoản 3: Điều chỉnh căn cứ xác định vùng phụ cận bảo vệ đập theo quy định tại Nghị định có liên quan.

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	a) Xác định vùng phụ cận bảo vệ đập theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 21 Nghị định này; b) Xác định vị trí cấm mốc; c) Quy cách mốc; d) Quản lý mốc. 4. Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới a) Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện nộ 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xây dựng đập. Hồ sơ gồm văn bản đề nghị phê duyệt và phương án cấm mốc chỉ giới; Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định; b) Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thẩm định; c) Trường hợp nội dung phương án cấm mốc chỉ giới phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt. Trường hợp nội dung phương án cấm mốc chỉ giới không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành hoặc không phù hợp với đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm có trách nhiệm ban hành văn bản yêu cầu chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện chỉnh, bổ sung phương án cấm mốc chỉ giới; d) Đối với đập có phạm vi bảo vệ thuộc địa bàn một huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi xây dựng đập phê duyệt. 5. Tổ chức cấm mốc chỉ giới và quản lý mốc chỉ giới a) Ngay sau khi phương án cấm mốc chỉ giới được phê duyệt, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm chủ trì và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng đập để tổ chức cấm mốc chỉ giới theo phương án được duyệt;	b) Xác định vị trí cấm mốc; c) Quy cách mốc; d) Quản lý mốc. 4. Thẩm định phương án cấm mốc chỉ giới a) Chủ đầu tư xây dựng, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện nộ 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án. Hồ sơ gồm văn bản đề nghị phê duyệt và phương án cấm mốc chỉ giới. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định; b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án có trách nhiệm tổ chức thẩm định; trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm định có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân xã nơi có đập thủy điện, các cơ quan, đơn vị có liên quan; nếu cần thiết tiến hành tổ chức kiểm tra thực địa. c) Trường hợp nội dung phương án cấm mốc chỉ giới phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày tổ chức thẩm định, cơ quan thẩm định trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. d) Trường hợp nội dung phương án cấm mốc chỉ giới không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành hoặc không phù hợp với đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày tổ chức thẩm định, cơ quan thẩm định có trách nhiệm ban hành văn bản yêu cầu chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện chỉnh, bổ sung phương án cấm mốc chỉ giới; đ) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt có trách nhiệm phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập thủy điện trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ trình phê duyệt của cơ quan thẩm định. e) Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định. 5. Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới	- Khoản 4: Tách làm 2 khoản đề: + Quy định cụ thể trình tự thẩm định phương án tại khoản 4; + Quy định thẩm quyền phê duyệt phương án tại khoản 5: Bổ sung đề quy định rõ thẩm quyền của UBND cấp xã, UBND cấp tỉnh phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Đất đai,...(Điều 22 Luật Đất đai 2024 quy định: “1. Hệ thống cơ quan có chức năng quản lý đất đai được tổ chức thống nhất ở trung ương và địa phương. 2. Cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về đất đai ở trung ương là Bộ Tài nguyên và Môi trường. 3. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai ở địa phương được thành lập ở cấp tỉnh và ở cấp huyện.”). - Khoản 5 sửa thành khoản 6 quy định về cấm mốc chỉ giới sau khi phương án cấm mốc được phê duyệt.

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc cắm mốc, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm bàn giao mốc giới cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng đập quản lý; c) Trường hợp mốc chỉ giới bị mất hoặc hư hỏng, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có mốc giới bị mất hoặc hư hỏng phải thông báo cho chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện biết để thay thế.	a) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án đổi với đập trên địa bàn 01 xã; b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án đổi với đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên trên địa bàn tỉnh; trường hợp đập thuộc địa bàn từ 02 tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án trên địa bàn từng tỉnh. 6. Căn cứ phương án cắm mốc chỉ giới đã được phê duyệt, chủ đầu tư xây dựng, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng đập để tổ chức cắm mốc chỉ giới trên thực địa; bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc cắm mốc.	
25	Điều 25. Phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp 1. Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện; tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm lập và rà soát, điều chỉnh, bổ sung hằng năm phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp. 2. Phương án ứng phó thiên tai thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật phòng, chống thiên tai. 3. Nội dung chính của phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp a) Kịch bản vận hành hồ chứa trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập; b) Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập theo quy định tại Điều 27 Nghị định này; c) Các tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập; dự kiến và kế hoạch ứng phó ở công trình đầu mối; d) Thống kê các đối tượng bị ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng theo các kịch bản; đ) Quy định về chế độ, phương thức thông tin, cảnh báo, báo động đến chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, phòng chống thiên tai và người dân khu vực bị ảnh hưởng; e) Kế hoạch ứng phó phù hợp với từng tình huống lũ, ngập lụt ở vùng hạ du đập; g) Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án;	Điều 25. Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thủy lợi 1. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm tổ chức lập, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thủy lợi. 2. Nội dung chính của phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thủy lợi a) Kịch bản vận hành hồ chứa trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập; b) Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập theo quy định tại Điều 27 Nghị định này; tại các khu vực chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và công bố bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập, chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm tổ chức khảo sát, tính toán để xác định phạm vi vùng hạ du đập bị ảnh hưởng và mức độ ngập lụt vùng hạ du đập khi hồ chứa xả nước theo quy trình, xả lũ trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập phục vụ việc xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; c) Các tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập; dự kiến và kế hoạch ứng phó ở công trình đầu mối; d) Thống kê các đối tượng bị ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng theo các kịch bản;	- Sửa Điều 25 để chỉ quy định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thủy lợi do đập, hồ chứa thủy điện đã được quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP; - Bổ quy định về phương án ứng phó thiên tai tại do: + Khoản 4 Điều 22 Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 54 Luật Phòng thủ dân sự năm 2023 quy định: “b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án ứng phó thiên tai của cơ quan, đơn vị mình, gửi đến Ủy ban nhân dân địa phương có liên quan trên địa bàn và cơ quan cấp trên để phối hợp chỉ đạo thực hiện; c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	h) Trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ quản lý, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước, chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan. 4. Đối với đập, hồ chứa nước có cửa van điều tiết lũ; đập, hồ chứa nước lớn có tràn tự do đang khai thác mà chưa có thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập thì phải lắp đặt thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập.	đ) Quy định về chế độ, phương thức thông tin, cảnh báo, báo động đến chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, phòng chống thiên tai và người dân khu vực bị ảnh hưởng; e) Kế hoạch ứng phó phù hợp với từng tình huống lũ, ngập lụt ở vùng hạ du đập; g) Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án; h) Trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ quản lý, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước, chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan. i) <i>Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa thủy lợi theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.</i> 3. <i>Hàng năm hoặc khi cần đột ngột lập được điều chỉnh, bổ sung, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm tổ chức rà soát phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thủy lợi. Trường hợp, sau rà soát không có thay đổi, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cho phép được tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt. Trường hợp sau rà soát có thay đổi cần phải lập phương án điều chỉnh, bổ sung, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi điều chỉnh, bổ sung phương án để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.</i>	<i>Chính phủ có trách nhiệm tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án ứng phó thiên tai, gửi phương án ứng phó thiên tai, tài đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan, Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia để phối hợp chỉ đạo thực hiện;</i> <i>đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án ứng phó thiên tai phù hợp với đặc điểm thiên tai của địa phương gửi Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp để phối hợp chỉ đạo thực hiện. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi phương án ứng phó thiên tai về Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia để theo dõi và phối hợp chỉ đạo thực hiện.”</i> + Giai đoạn vận hành đã có phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp cho công trình đầu mối và hạ du đập với nhiều nội dung tương đồng phương án ứng phó thiên tai. - Bộ khoản 4 do không liên quan đến Điều 25 và đã được quy định tại Điều 20.
26	Điều 26. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp 1. Hồ sơ thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu	Điều 26. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thủy lợi 1. Hồ sơ thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu	- Sửa Điều 25 để chỉ quy định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thủy lợi do đập, hồ chứa thủy điện đã được quy

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	bưu điện đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều này. Hồ sơ bao gồm: a) Tờ trình đề nghị phê duyệt; b) Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; c) Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật; d) Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; đ) Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có). 2. Nội dung thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp a) Kiểm tra cơ sở pháp lý của hồ sơ trình phê duyệt thẩm định; b) Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy các tài liệu sử dụng lập phương án; c) Nhận xét, đánh giá tính hợp lý của hồ sơ và dự thảo phương án. 3. Trình tự thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định; b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản. 4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp a) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 5. Thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp a) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn 01 xã; b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên trên địa	định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP. - Bổ sung quy định nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến để tăng cường công nghệ thông tin, chuyển đổi số. - Điểm b khoản 6: Thay cụm từ “20 ngày làm việc” bằng “20 ngày” để phù hợp với quy định tại Biểu mẫu số 02/ĐGTD-BHM Phụ lục II Thông tư số 03/2022/TT-BTP (ý kiến Bộ Công Thương) - Khoản 4: + Bỏ điểm b do không còn UBND cấp huyện; + Điểm c sửa thành điểm b. - Khoản 5: + Bỏ điểm b do không còn UBND cấp huyện; + Gộp điểm c và điểm d làm điểm b. - Về thẩm quyền phê duyệt phương án: + Thẩm quyền của UBND cấp xã: Tương tự phương án ứng phó với thiên tai cho công trình, hạ du đập trong quá trình thi công, quy định UBND cấp xã phê duyệt phương án để đảm việc chủ động chỉ đạo huy động <i>chủ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ</i> theo	

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy điện thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định hồ sơ phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện. c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy lợi; Sở Công Thương tiếp nhận, thẩm định hồ sơ phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 5. Thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp a) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn 01 xã; b) Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên trong một huyện; c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn, trừ quy định tại điểm a, điểm b khoản này; d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên sau khi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.	<i>bản tỉnh; trường hợp đập, hồ chứa thủy lợi thuộc địa bàn từ 02 tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền ra lệnh vận hành hồ chứa có trách nhiệm chủ trì phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp sau khi lấy ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.</i>	phương châm “4 tại chỗ” trong phòng, chống thiên tai. + Thẩm quyền của UBND cấp tỉnh: Với hồ trong 1 tỉnh, UBND cấp tỉnh phê duyệt phương án với những hồ UBND cấp xã không phê duyệt; với hồ mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên, do đã xã định được UBND cấp tỉnh có thẩm quyền ra lệnh vận hành hồ chứa (yêu cầu xây dựng phương án sau khi đã có quy trình vận hành) nên quy định 01 UBND cấp tỉnh phê duyệt để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân.
27	Điều 27. Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập 1. Bản đồ ngập lụt là bản đồ thể hiện phạm vi và mức độ ngập của vùng hạ du đập khi hồ xả nước theo quy trình, xả lũ trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập. 2. Căn cứ xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập a) Đối với hồ chứa nước quan trọng đặc biệt và lớn, bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập được xây dựng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành; b) Đối với hồ chứa nước vừa và nhỏ, bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập được xây dựng theo cơ sở điều tra thực địa. 3. Trách nhiệm xây dựng, phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập a) Vùng hạ du đập bị ảnh hưởng ngập lụt của một đập, chủ sở hữu đập xây dựng, phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập;	Điều 27. Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập 1. Bản đồ ngập lụt là bản đồ thể hiện phạm vi và mức độ ngập của vùng hạ du đập khi hồ xả nước theo quy trình, xả lũ trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập. 2. Căn cứ xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập a) Đối với hồ chứa nước quan trọng đặc biệt và lớn, bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập được xây dựng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành; b) Đối với hồ chứa nước vừa và nhỏ, bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập được xây dựng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành hoặc cơ sở điều tra thực địa. 3. Trách nhiệm xây dựng, phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập. a) Vùng hạ du đập bị ảnh hưởng ngập lụt của một đập, chủ sở hữu đập tổ chức xây dựng, phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập;	- Điểm b khoản 2: Quy định mở để việc xây dựng bản đồ được linh hoạt áp dụng (ý kiến Chuyên gia). - Điểm a, điểm b, điểm c khoản 3: + Bổ sung từ “tổ chức” để làm rõ trách nhiệm của chủ sở hữu không trực tiếp xây dựng bản đồ ngập lụt, cần có đơn vị chuyên môn trực tiếp xây dựng ý kiến Chuyên gia). + Bổ sung nội dung “<i>Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban</i>

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	b) Vùng hạ du đập bị ảnh hưởng ngập lụt của nhiều đập trên địa bàn một tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm xây dựng, phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập và chuyển giao cho tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước có liên quan xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; c) Vùng hạ du đập bị ảnh hưởng ngập lụt của nhiều đập trên địa bàn 02 tỉnh trở lên, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm xây dựng, phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập và chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa có liên quan xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp. 4. Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập phải được xây dựng, phê duyệt chậm nhất sau 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.	b) Vùng hạ du đập bị ảnh hưởng ngập lụt của nhiều đập và vùng hạ du đó thuộc địa bàn một tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng, phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập và chuyển giao cho tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có liên quan xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; c) Vùng hạ du đập bị ảnh hưởng ngập lụt của nhiều đập và vùng hạ du đó thuộc địa bàn 02 tỉnh trở lên, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng, phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập và chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có liên quan xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; d) Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền huy động việc đóng góp kinh phí của các chủ sở hữu đập, hồ chứa nước theo tỷ lệ phần trăm dung tích hồ chứa cho việc xây dựng bản đồ ngập lụt. 4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ sở hữu giao cơ quan đơn vị trực thuộc tổ chức xây dựng đề cương, dự toán, bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập, lựa chọn đơn vị tư vấn có năng lực để thẩm tra kết quả tính toán lập bản đồ (nếu cần), giao cơ quan trực thuộc thẩm định hoặc thành lập hội đồng thẩm định để phê duyệt. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt gồm: Tờ trình đề nghị phê duyệt, đề cương, dự toán (trường hợp trình phê duyệt đề cương, dự toán), báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật, bản đồ ngập lụt (trường hợp trình phê duyệt kết quả xây dựng bản đồ ngập lụt), các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có). 5. Định kỳ 05 năm hoặc nội dung không còn phù hợp, cơ quan đơn vị được giao xây dựng có trách nhiệm rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung bản đồ ngập lụt. Việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung bản đồ ngập lụt phải được phê duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều này.	nhân dân cấp tỉnh có quyền huy động việc đóng góp kinh phí của các chủ đập theo tỷ lệ phần trăm dung tích hồ chứa cho việc xây dựng bản đồ ngập lụt" để phù hợp với Điều 30 Nghị định ("Đối với đập, hồ chứa thủy điện và các đập, hồ chứa thủy lợi do tổ chức, cá nhân tư đầu tư xây dựng thì chủ sở hữu có trách nhiệm bảo đảm kinh phí thực hiện các nội dung về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.") (ý kiến Chuyên gia). - Khoản 4: Bỏ quy định "chậm nhất sau 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành" do Nghị định 114/2018/NĐ-CP có hiệu lực từ 04/9/2018, đến nay các quy định nêu trên đã quá thời gian quy định phải thực hiện. - Bổ sung khoản 4 để quy định chi tiết trình tự thủ tục (lập đề cương, dự toán, thẩm tra, thẩm định). - Bổ sung khoản 5: Quy định về rà soát, cập nhật bản đồ ngập lụt (ý kiến Bộ CT, Ban 4,...).
28	Điều 28. Cứu hộ đập, hồ chứa nước 1. Trường hợp xảy ra sự cố có thể gây mất an toàn đập, hồ chứa nước, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi và chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện phải triển khai cứu hộ khẩn cấp, xử lý khác	Điều 28. Cứu hộ đập, hồ chứa nước 1. Trường hợp xảy ra sự cố có nguy cơ gây mất an toàn đập, hồ chứa nước, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi và chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện phải triển khai cứu hộ khẩn cấp, xử lý khác	Thay thế một số cụm từ cho phù hợp với Luật Phòng thủ dân sự:

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	cấp, xử lý khắc phục sự cố, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân, Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp, Ban Chỉ đạo trung ương về phòng chống thiên tai để ứng cứu, hỗ trợ và kịp thời triển khai kế hoạch ứng phó. 2. Ủy ban nhân dân, Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp có trách nhiệm: a) Tổ chức việc cứu hộ đập, hồ chứa nước trên địa bàn, tham gia cứu hộ đập, hồ chứa nước cho địa phương khác theo quy định của pháp luật; b) Quyết định theo thẩm quyền biện pháp xử lý khẩn cấp, khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai trong trường hợp xảy ra lũ, ngập lụt do sự cố đập gây thiệt hại cho vùng hạ du đập trên địa bàn. Trường hợp vượt quá khả năng, thẩm quyền phải khẩn trương, phối hợp phải báo cáo kịp thời với Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp trên hoặc Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai hỗ trợ, xử lý. 3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện biện pháp huy động lực lượng, vật tư, phương tiện cứu hộ đập, hồ chứa nước thuộc phạm vi quản lý. 4. Ban Chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai quyết định hoặc báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ quyết định huy động nguồn lực và biện pháp cứu hộ đập, hồ chứa nước, ứng phó đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai; chỉ đạo, tổ chức ứng phó sự cố vỡ đập trong trường hợp vượt quá khả năng của địa phương. 5. Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn chỉ đạo, tổ chức ứng phó sự cố vỡ đập trong trường hợp vượt quá khả năng của địa phương.	phục sự cố, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp, Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia để ứng cứu, hỗ trợ và kịp thời triển khai kế hoạch ứng phó. 2. Ủy ban nhân dân, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp có trách nhiệm: a) Tổ chức việc cứu hộ đập, hồ chứa nước trên địa bàn, tham gia cứu hộ đập, hồ chứa nước cho địa phương khác theo quy định của pháp luật; b) Quyết định theo thẩm quyền biện pháp xử lý khẩn cấp, khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai trong trường hợp xảy ra lũ, ngập lụt do sự cố đập gây thiệt hại cho vùng hạ du đập trên địa bàn. Trường hợp vượt quá khả năng, thẩm quyền phải báo cáo kịp thời với Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp trên hoặc Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia hỗ trợ, xử lý. 3. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các biện pháp huy động lực lượng, vật tư, phương tiện cứu hộ đập, hồ chứa nước thuộc phạm vi quản lý. 4. Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia quyết định hoặc báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ quyết định huy động nguồn lực và biện pháp cứu hộ đập, hồ chứa nước, ứng phó đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai; chỉ đạo, tổ chức ứng phó sự cố vỡ đập trong trường hợp vượt quá khả năng của địa phương.	- Thay thế cụm từ “Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn” bằng cụm từ “Ban chỉ huy phòng thủ dân sự”; - Thay thế cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai” bằng cụm từ “Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia”. (Ý kiến tỉnh Tuyên Quang; Lạng Sơn). - Khoản 3: Sửa đề bảo đảm đồng bộ với các quy định tại khoản 3 Điều 43 Chương VI Luật Phòng thủ dân sự quy định: Bộ Quốc phòng có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng thủ dân sự, Kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia; hướng dẫn các Bộ, ngành Trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương xây dựng kế hoạch, bảo đảm trang thiết bị thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự thuộc lĩnh vực được phân công trong phạm vi cả nước. - Ghép khoản 4, khoản 5 làm khoản 4 vì cùng thẩm quyền của Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.
	Điều 29. Hệ thống cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa nước	Điều 29. Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành đập, hồ chứa thủy lợi	- Sửa Điều 29 để chỉ quy định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập,

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	1. Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện; tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa nước. 2. Cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa nước phải được cập nhật thường xuyên, liên tục trong quá trình quản lý, khai thác. 3. Đập, hồ chứa nước đang khai thác mà chưa có cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa nước thì phải xây dựng cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa nước chậm nhất sau 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. 4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn; cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa thủy lợi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 5. Sở Công Thương xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn; cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa thủy điện của Bộ Công Thương.	1. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu về vận hành đập, hồ chứa thủy lợi. <i>Cơ sở dữ liệu của mỗi đập, hồ chứa theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.</i> 2. Cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa <i>thủy lợi</i> phải được <i>tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi</i> cập nhật <i>vào hệ thống cơ sở dữ liệu của chủ quản lý, chủ sở hữu.</i> 3. Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành đập, hồ chứa thủy lợi để quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác thông tin trên phạm vi toàn quốc được Nhà nước bảo đảm kinh phí vận hành. 4. Các thành phần cơ bản của hệ thống: a) Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin là hệ thống trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số, bao gồm mạng internet, mạng máy tính, thiết bị tính toán (máy chủ, máy trạm), thiết bị kết nối mạng, thiết bị an ninh an toàn, thiết bị ngoại vi và thiết bị phụ trợ; b) Cơ sở dữ liệu vận hành công trình bao gồm các trường thông tin chính: Thông số kỹ thuật chính của công trình; mực nước hồ, mực nước hạ lưu, dung tích hồ; lưu lượng đến, lưu lượng ra khỏi hồ (xả tràn, xả phát điện, xả dòng chảy tối thiểu,...). c) Phần mềm của hệ thống cơ sở dữ liệu. 5. <i>Trách nhiệm xây dựng, quản lý, duy trì, vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành đập, hồ chứa thủy lợi</i> a) Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn; cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành đập, hồ chứa thủy lợi của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. b) <i>Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các hoạt động quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu; tổ chức điều tra, thu thập, tổng hợp và cập nhật dữ liệu thông tin đập, hồ chứa thủy lợi; hướng dẫn các cơ quan, tổ chức liên quan cung cấp dữ liệu, danh mục dữ liệu để cơ quan nhà nước khai thác, sử dụng; quản lý sử dụng và cung cấp dữ liệu theo cấp độ chia sẻ dữ liệu.</i>	hồ chứa thủy lợi do đập, hồ chứa thủy điện đã được quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP. - Khoản 1: Bổ sung quy định về mẫu cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa nước để thuận tiện trong tổ chức thực hiện, khắc phục khó khăn hiện nay nhiều hồ chứa không có đủ thông số kỹ thuật. (ý kiến Ban 3). - Khoản 3: Bổ quy định "<i>chậm nhất sau 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành</i>" do Nghị định 114/2018/NĐ-CP có hiệu lực từ 04/9/2018, đến nay các quy định nêu trên đã quá thời gian quy định phải thực hiện. - Bổ sung khoản 4. Các thành phần cơ bản của hệ thống: Tham khảo quy định để thống nhất với quy định tại Điều 50 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP (cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa thủy điện). - Khoản 4 sửa thành khoản 5: Quy định trách nhiệm xây dựng, quản lý, duy trì, vận hành hệ thống CSDL (tham khảo Điều 50 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP) - Bổ khoản 5 do đập, hồ chứa thủy điện đã được quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP.

TT (1)	Nghị định (2)	Nội dung sửa đổi Nghị định (3)	Thuyết minh (4)
30	Điều 30. Kinh phí thực hiện quản lý an toàn đập, hồ chứa nước 1. Phân định nhiệm vụ chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện các nội dung về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi a) Các nội dung chi thường xuyên gồm: Các khoản chi về quản lý, vận hành đập, hồ chứa nước; kinh phí thực hiện lưu trữ hồ sơ quy định tại Điều 9; lập và điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa nước quy định tại khoản 3 Điều 11; quan trắc đập, hồ chứa dùng quy định tại Điều 14; quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng quy định tại Điều 15; kiểm tra và đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước quy định tại Điều 16 và Điều 17; kiểm định an toàn đập quy định tại Điều 18; bảo trì đập, hồ chứa nước, sửa chữa hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du, chi phí vận hành hệ thống quy định tại Điều 20; lập và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ, phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp quy định tại Điều 23 và Điều 25; xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập quy định tại Điều 27 đối với đập, hồ chứa nước đang khai thác; cứu hộ đập, xử lý khắc phục sự cố quy mô nhỏ quy định tại Điều 28; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa nước quy định tại Điều 29 Nghị định này; b) Các nội dung chi đầu tư phát triển gồm kinh phí thực hiện đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp đập, hồ chứa nước; lắp đặt thiết bị quan trắc đập, hồ chứa nước quy định tại Điều 14; lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng quy định tại Điều 15; lắp đặt, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du quy định tại Điều 20; cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước quy định tại Điều 23; xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập quy định tại Điều 27 trong trường hợp đập, hồ chứa nước đầu tư xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp; cứu hộ đập, xử lý khắc phục sự cố (trừ sự cố quy mô nhỏ) quy định tại Điều 28 Nghị định này. Việc quản lý vốn đầu tư tuân thủ theo các quy định của Luật đầu tư công và các quy định hiện hành.	Điều 30. Kinh phí thực hiện quản lý an toàn đập, hồ chứa nước <i>1. Kinh phí thực hiện các nội dung quản lý an toàn đập, hồ chứa nước từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, và các nguồn huy động hợp pháp khác.</i> 2. Kinh phí thực hiện các nội dung về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi được thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, cụ thể như sau: a) Đối với các nội dung chi quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thuộc nhiệm vụ chi của trung ương được bố trí từ nguồn ngân sách trung ương, <i>nguồn thu khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi</i> và các nguồn huy động hợp pháp khác. b) Đối với các nội dung chi quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thuộc nhiệm vụ chi của địa phương được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương, <i>nguồn thu khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi</i> và các nguồn huy động hợp pháp khác. Đối với các địa phương khó khăn về ngân sách, Thủ tướng Chính phủ xem xét, hỗ trợ từ ngân sách trung ương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công. c) Bộ Nông nghiệp và Môi trường lập kế hoạch vốn đầu tư, dự toán kinh phí sự nghiệp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi <i>do Bộ quản lý</i> được hỗ trợ từ ngân sách trung ương với nội dung chi theo quy định tại Nghị định này, tổng hợp gửi Bộ Tài chính theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và Luật đầu tư công. <i>d) Sở Nông nghiệp và Môi trường lập kế hoạch vốn đầu tư, dự toán kinh phí sự nghiệp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh và ngân sách trung ương với nội dung chi theo quy định tại Nghị định này, tổng hợp gửi Sở Tài chính theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và Luật đầu tư công.</i> 3. Đối với đập, hồ chứa thủy điện và các đập, hồ chứa thủy lợi do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng thì chủ sở hữu có trách nhiệm bảo đảm kinh phí thực hiện các nội dung về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	- Khoản 1: Sửa quy định để có thể bố trí nhiều nguồn kinh phí khác nhau cho việc thực hiện nội dung về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. (ý kiến Hà Nội, Ban 4, Quảng Ngãi, Kon Tum, Đà Nẵng, Lâm Đồng, Kiên Giang). - Bổ sung điểm d khoản 2 để quy định trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh/thành phố (ý kiến tỉnh Quảng Nam). - Thay cụm từ “<i>quan trọng đặc biệt: đập, hồ chứa nước thủy lợi liên quan đến 02 tỉnh trở lên và đập, hồ chứa nước thủy lợi</i>” bằng từ “<i>do Bộ quản lý</i>” để đảm bảo với thực tiễn (Bộ phân cấp cho địa phương quản lý các hồ chứa mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 2 tỉnh trở lên). - Bổ khoản 4 do việc xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập là một trong các nội dung về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi. Trách nhiệm bố trí kinh phí đã được quy định ở khoản 2 điều này và điểm c khoản 3 Điều 27.

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	2. Kinh phí thực hiện các nội dung về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi được thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, cụ thể như sau: a) Đối với các nội dung chi quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thuộc nhiệm vụ chi của trung ương bao gồm vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp được bố trí từ nguồn ngân sách trung ương và các nguồn huy động hợp pháp khác. b) Đối với các nội dung chi quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thuộc nhiệm vụ chi của địa phương bao gồm vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác. Đối với các địa phương khó khăn về ngân sách, Thủ tướng Chính phủ xem xét, hỗ trợ từ ngân sách trung ương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công. c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập kế hoạch vốn đầu tư, dự toán kinh phí sự nghiệp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi quan trọng đặc biệt; đập, hồ chứa nước thủy lợi liên quan đến 02 tỉnh trở lên và đập, hồ chứa nước thủy lợi được hỗ trợ từ ngân sách trung ương với nội dung chi theo quy định tại Nghị định này, tổng hợp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và Luật đầu tư công. 3. Đối với đập, hồ chứa thủy điện và các đập, hồ chứa thủy lợi do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng thì chủ sở hữu có trách nhiệm bảo đảm kinh phí thực hiện các nội dung về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. 4. Kinh phí xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập bị ảnh hưởng ngập lụt của nhiều đập thuộc địa bàn 02 tỉnh trở lên do ngân sách trung ương cấp cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện.		
31	Điều 31. Trách nhiệm của các bộ và cơ quan ngang bộ 1. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch, chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi;	Điều 31. Trách nhiệm của các bộ và cơ quan ngang bộ 1. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch, chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi;	

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	b) Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; c) Thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; chỉ đạo, hướng dẫn địa phương thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi; d) Tổ chức thực hiện việc kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa nước; lưu trữ hồ sơ đập, hồ chứa nước; lập, phê duyệt và thực hiện quy trình vận hành hồ chứa nước; lắp đặt và quan trắc đập, hồ chứa nước; lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng; kiểm tra và đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước; kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước; bảo trì, lập quy trình bảo trì công trình; lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du; cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước; lập và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ, phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa nước đối với đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt và đập, hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác, bảo vệ liên quan đến hai tình trở lên; đ) Tổ chức thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa thủy lợi; e) Tổ chức nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ tiên tiến về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; cùng cố đơn vị chuyên trách về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người tham gia hoạt động về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; g) Tổ chức thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; h) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; i) Hướng dẫn kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi; k) Tổng hợp kế hoạch dự toán kinh phí bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi thuộc phạm vi quản lý vào dự toán thu chi	b) Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; c) Thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi đối với các hồ chứa do Bộ quản lý; chỉ đạo, hướng dẫn địa phương thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi; d) Tổ chức thực hiện việc kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; lưu trữ hồ sơ đập, hồ chứa thủy lợi; lập, phê duyệt và thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi; lắp đặt và quan trắc đập, hồ chứa thủy lợi; lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng; kiểm tra và đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; bảo trì, lập quy trình bảo trì công trình; lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du; cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi; lập và tổ chức thực hiện phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với các hồ chứa do Bộ quản lý; đ) Tổ chức thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa thủy lợi; tổ chức quan trắc, giám sát về lũ, ngập lụt trên lưu vực, vùng hạ du đập, hồ chứa thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý trực tiếp và đập, hồ chứa thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp cho Ủy ban nhân dân các tỉnh quản lý. e) Tổ chức nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ tiên tiến về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; cùng cố đơn vị chuyên trách về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người tham gia hoạt động về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; g) Tổ chức thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; h) Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; i) Tổng hợp kế hoạch dự toán kinh phí bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi thuộc phạm vi quản lý vào dự toán thu chi ngân sách hàng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi Bộ Tài chính;	- Điểm d khoản 1: + Thay từ “nước” bằng từ “thủy lợi”; + Bỏ nội dung “xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa nước đối với đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt và đập, hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác, bảo vệ liên quan đến hai tình trở lên” do đã quy định tại điểm đ “Tổ chức thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa thủy lợi; ...”. - Sửa điểm đ khoản 1: + Bổ sung trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại: (i) Điểm d khoản 2 Điều 9 Luật thủy lợi: “<i>Thu thập thông tin, quan trắc, giám sát về số lượng, chất lượng nước, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, lũ, ngập lụt, úng, bồi lắng, xói lở công trình thủy lợi, ... phục vụ hoạt động thủy lợi.</i>” (ii) Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi tổ chức

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2) ngân sách hàng năm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; l) Chủ trì tổng hợp, đề xuất hồ trợ kinh phí ngân sách trung ương cho các địa phương bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. 2. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa thủy điện bao gồm: a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch, chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện; b) Điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa thủy điện; c) Tổ chức thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về an toàn đập, hồ chứa thủy điện; d) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện; đ) Thực hiện các trách nhiệm quản lý nhà nước khác về an toàn đối với đập, hồ chứa thủy điện. 3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan cân đối, bố trí kinh phí chi đầu tư công trung hạn 05 năm, hằng năm xử lý đập, hồ chứa thủy lợi xung yếu, cấp bách và thực hiện nhiệm vụ quản lý an toàn đập, hồ chứa nước theo quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan. 4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối, bố trí kinh phí sự nghiệp hàng năm thực hiện quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thuộc nhiệm vụ chi của trung ương; kinh phí cứu hộ và xử lý khắc phục sự cố đập, hồ chứa thủy lợi; kinh phí thực hiện các quy định khác của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi theo quy định tại Luật ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan. 5. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa nước.	(3) k) Chủ trì tổng hợp, đề xuất hồ trợ kinh phí ngân sách trung ương cho các địa phương bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. <i>l) Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn Bộ phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo quy quy định pháp luật.</i> 2. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa thủy điện bao gồm: a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch, chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện; b) Điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa thủy điện; c) Tổ chức thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về an toàn đập, hồ chứa thủy điện; d) Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện; đ) Thực hiện các trách nhiệm quản lý nhà nước khác về an toàn đối với đập, hồ chứa thủy điện. <i>3. Bộ Tài chính tổng hợp đề xuất của các đơn vị và trên cơ sở khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương làm cơ sở để các đơn vị thực hiện quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thuộc nhiệm vụ chi của trung ương; kinh phí cứu hộ và xử lý khắc phục sự cố đập, hồ chứa thủy lợi; kinh phí thực hiện các quy định khác của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi theo quy định tại Luật ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan.</i> 4. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa nước.	(4) trục ban phòng chống thiên tai và an toàn công trình thủy lợi, trong đó theo dõi việc vận hành các hồ chứa quan trọng đặc biệt, hồ mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên, tham mưu cho Bộ chỉ đạo các đơn vị khai thác thực hiện vận hành hồ theo quy trình được Bộ phê duyệt (Bộ phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên). (iii) Điều 15a Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT phân công trách nhiệm quản lý công trình thủy lợi được phân cấp, trong đó Bộ "tổ chức quản trắc, giám sát, dự báo nguồn nước, ...phục vụ chỉ đạo, điều hành, vận hành công trình thủy lợi;" . Việc tổ chức quan trắc, giám sát về lũ, ngập lụt giúp Cục chủ động thông tin phục vụ hoạt động thủy lợi. - Điều h khoản 1: Bộ chức năng thanh tra của Bộ. - Bộ điểm i vì nội dung đã được quy định tại điểm c. - Gộp khoản 3, khoản 4 làm 01 khoản (góp ý của Bộ Tài chính).

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
32	Điều 32. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1. Hướng dẫn, tuyên truyền phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn. 2. Chịu trách nhiệm về an toàn của đập, hồ chứa nước trên địa bàn. 3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm hành chính về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn. 4. Phân công, phân cấp trách nhiệm của các cơ quan quản lý chuyên ngành và chính quyền các cấp trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa nước do địa phương quản lý. 5. <i>Tổ chức thông kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa thủy lợi; tổ chức quan trắc, giám sát về lũ, ngập lụt trên lưu vực, vùng hạ du đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn.</i> 6. Bố trí kinh phí hàng năm từ nguồn ngân sách địa phương để chi cho nhiệm vụ quản lý an toàn đập, hồ chứa nước do địa phương quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan. 7. Cùng cơ đơn vị chuyên trách về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người tham gia hoạt động về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn. 8. Thực hiện các trách nhiệm quản lý nhà nước khác có liên quan về an toàn đập, hồ chứa nước thuộc phạm vi quản lý.	Điều 32. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1. Hướng dẫn, tuyên truyền phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn. 2. Chịu trách nhiệm về an toàn của đập, hồ chứa nước trên địa bàn. 3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm hành chính về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn. 4. Phân công, phân cấp trách nhiệm của các cơ quan quản lý chuyên ngành và chính quyền các cấp trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa nước do địa phương quản lý. 5. <i>Tổ chức thông kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa thủy lợi; tổ chức quan trắc, giám sát về lũ, ngập lụt trên lưu vực, vùng hạ du đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn.</i> 6. Bố trí kinh phí hàng năm từ nguồn ngân sách địa phương để chi cho nhiệm vụ quản lý an toàn đập, hồ chứa nước do địa phương quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan. 7. Cùng cơ đơn vị chuyên trách về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người tham gia hoạt động về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn. 8. Thực hiện các trách nhiệm quản lý nhà nước khác có liên quan về an toàn đập, hồ chứa nước thuộc phạm vi quản lý.	- Bổ khoản 2 do không dự thảo Điều 23 Nghị định thay thế và Nghị định số 114 quy định về mốc phạm vi đập, hồ chứa thủy lợi thống nhất. - Bổ Khoản 3 do đã hết hiệu lực thi hành. - Bổ sung khoản 2 về kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi do tăng thời gian kiểm định định kỳ (từ 5 năm lên 10 năm).
33	Điều 33: Quy định chuyển tiếp 1. Đối với quy trình vận hành hồ chứa nước a) Quy trình vận hành hồ chứa nước được phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện đến khi phê duyệt lại; b) Dự thảo quy trình vận hành hồ chứa thủy điện đã trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện theo Quyết định số 285/2006/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định về nội dung thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy điện. 2. Đối với đập, hồ chứa nước đã được cấm mốc chỉ giới phạm vi vùng phụ cận bảo vệ đập, chỉ giới xác định hành lang bảo vệ hồ chứa trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được	Điều 33: Quy định chuyển tiếp 1. Đối với quy trình vận hành hồ chứa nước Quy trình vận hành hồ chứa nước được phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện đến khi phê duyệt lại. 2. <i>Đối với kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi</i> <i>Dự thảo đề cương, dự toán và kết quả kiểm định định kỳ an toàn đập, hồ chứa thủy lợi đã trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.</i>	- Bổ khoản 2 do không dự thảo Điều 23 Nghị định thay thế và Nghị định số 114 quy định về mốc phạm vi đập, hồ chứa thủy lợi thống nhất. - Bổ Khoản 3 do đã hết hiệu lực thi hành. - Bổ sung khoản 2 về kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi do tăng thời gian kiểm định định kỳ (từ 5 năm lên 10 năm).

TT	Nghị định	Nội dung sửa đổi Nghị định	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)
	giữ nguyên và bản giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng đập, hồ chứa nước quản lý. 3. Đối với phương án phòng chống lụt bão bảo đảm an toàn đập trong mùa lũ năm 2018 a) Phương án phòng chống lụt bão bảo đảm an toàn đập trong mùa lũ năm 2018 được phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện đến hết năm 2018; b) Dự thảo phương án phòng chống lụt bão bảo đảm an toàn đập trong mùa lũ năm 2018 đã trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được thẩm định, ban hành và thực hiện đến hết năm 2018 theo quy định tại Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập.		
34	Điều 34. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành. 2. Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. 3. Bãi bỏ khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 11 Điều 4 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. Việc phân loại đập, hồ chứa nước được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định này. 4. Bãi bỏ Quyết định số 285/2006/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định về nội dung thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy điện.	Điều 34. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 2. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.	
35	Điều 35. Trách nhiệm thi hành Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.	Điều 35. Trách nhiệm thi hành Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.	